

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO LIÊN THÔNG  
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY**

**NGÀNH ĐÀO TẠO: HỘ SINH  
MÃ NGÀNH: 6720303**

**Đồng Tháp – Năm 2020**



## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG HỆ LIÊN THÔNG

(Ban hành theo Quyết định số 33/QĐ-CĐYT ngày 18 tháng 02 năm 2020  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp)

**Tên ngành, nghề:** HỘ SINH

**Mã ngành:** 6720303

**Trình độ đào tạo:** Cao đẳng

**Hình thức đào tạo:** Chính quy

**Đối tượng tuyển sinh:** Tốt nghiệp trung cấp đúng chuyên ngành và có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.

**Thời gian đào tạo:** 2 năm

### 1. Mục tiêu đào tạo:

#### 1.1. Mục tiêu chung:

Hộ sinh trình độ cao đẳng là ngành, nghề thực hiện các công việc chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ trong thời kỳ mang thai, thực hiện đỡ đẻ an toàn; tư vấn chăm sóc sức khỏe sinh sản cho phụ nữ ở mọi lứa tuổi; khám một số tình trạng bệnh lý phụ khoa thông thường; tư vấn và cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình; tư vấn và thực hiện phá thai an toàn với tuổi thai dưới 7 tuần; chăm sóc sức khỏe trẻ em; tiêm chủng mở rộng..., đáp ứng yêu cầu bậc 5 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Công việc của nghề hộ sinh được thực hiện chủ yếu ở các bệnh viện chuyên khoa Sản Nhi; khoa Sản các bệnh viện tuyến trung ương, tuyến tỉnh, bệnh viện tuyến huyện; trung tâm y tế tuyến huyện; các trạm y tế xã, phường và cộng đồng. Cường độ làm việc của người hộ sinh tương đối cao, đòi hỏi sự tập trung và tinh thần trách nhiệm cao để đạt được sự hài lòng của người bệnh. Để đảm bảo công việc của nghề hộ sinh được tốt thì cần có môi trường làm việc đầy đủ cơ sở vật chất, dụng cụ bảo hộ lao động, trang thiết bị y tế và các nội quy, quy định nơi làm việc của hộ sinh.

Để hành nghề, người hộ sinh cần có sức khỏe tốt, có đạo đức nghề nghiệp, có đầy đủ kiến thức, kỹ năng và thái độ về chuyên môn nghề đáp ứng với vị trí việc làm. Ngoài ra, người hộ sinh phải có lương tâm và trách nhiệm cao, hết lòng yêu nghề, luôn rèn luyện nâng cao phẩm chất đạo đức của người thầy thuốc.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể:

##### 1.2.1. Về kiến thức:

- Trình bày được các quy định của pháp luật trong công tác chăm sóc người bệnh, quy định về Luật khám chữa bệnh để hành nghề theo quy định của pháp luật và phù hợp với chức trách, nhiệm vụ, năng lực chuyên môn trong phạm vi quy định của nghề nghiệp;

- Xác định được vai trò, phạm vi thực hành nghề nghiệp của người Hộ sinh trong công tác chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ, bà mẹ và trẻ sơ sinh;
- Giải thích được nguyên nhân, triệu chứng, hướng điều trị người bệnh để lập kế hoạch chăm sóc người bệnh;
- Trình bày được kiến thức trong lĩnh vực sản phụ khoa, sơ sinh, xã hội, y tế công cộng và đạo đức nghề nghiệp làm nền tảng để chăm sóc thích hợp cho bà mẹ, trẻ sơ sinh và gia đình của họ phù hợp với các yếu tố văn hóa của cộng đồng;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định..

### **1.2.2. Về kỹ năng:**

- Giao tiếp, phối hợp có hiệu quả với bác sĩ, đồng nghiệp, khách hàng trong học tập và công tác chăm sóc người bệnh. Thực hiện được công tác tư vấn, truyền thông, giáo dục sức khỏe về chăm sóc sức khỏe sinh sản có hiệu quả tại cơ sở y tế và cộng đồng.
- Chăm sóc bà mẹ trước khi mang thai có chất lượng cao, giáo dục sức khỏe phù hợp với văn hóa cộng đồng. Hỗ trợ việc kế hoạch hóa gia đình hoặc kết thúc thai nghén theo quy định của luật pháp và hướng dẫn quốc gia về dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản;
- Chăm sóc bà mẹ thời kỳ thai nghén có chất lượng cao để đảm bảo sức khỏe cho bà mẹ tốt nhất; dự phòng và phát hiện sớm tai biến sản khoa để xử trí hoặc chuyển tuyến kịp thời;
- Chăm sóc bà mẹ trong chuyển dạ với chất lượng cao; đỡ đẻ sạch, an toàn; xử trí, cấp cứu đảm bảo sức khỏe tốt nhất cho mẹ và trẻ sơ sinh;
- Chăm sóc toàn diện, chất lượng cao cho bà mẹ sau đẻ và trẻ sơ sinh theo phân cấp chăm sóc;
- Khám và nhận định tình trạng sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh, người bệnh, người sử dụng dịch vụ; xác định vấn đề ưu tiên cần chăm sóc của từng đối tượng;
- Lập được kế hoạch, thực hiện quy trình chăm sóc bà mẹ, trẻ sơ sinh, người bệnh và người sử dụng dịch vụ;
- Thực hiện sơ cứu, cấp cứu được sản khoa, cấp cứu hồi sức sơ sinh ban đầu; phát hiện những biến chứng thuộc lĩnh vực sản phụ khoa để phối hợp bác sĩ giải quyết tại tuyến y tế cơ sở hoặc chuyển tuyến trên kịp thời, an toàn;
- Quản lý buồng bệnh, quản lý bà mẹ, trẻ sơ sinh, người bệnh và người sử dụng dịch vụ; quản lý thuốc, trang thiết bị, vật tư tiêu hao, hồ sơ bệnh án;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

### **1.2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm:**

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;

- Tuân thủ đúng các quy định về y đức, quy chế chuyên môn, quy định của pháp luật liên quan tới lĩnh vực hộ sinh và các quy định khác của ngành y tế;
- Phối hợp tốt với đồng nghiệp trong thực hiện công việc và giải quyết được những tình huống trong thực tế;
- Hướng dẫn, giám sát các thành viên trong nhóm thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;
- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm..

### **1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:**

Sau khi tốt nghiệp, người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Chăm sóc sức khỏe sinh sản, phụ nữ phá thai và kế hoạch hóa gia đình.
- Chăm sóc bà mẹ trong thời kỳ thai nghén;
- Chăm sóc bà mẹ trong chuyển dạ và sinh đẻ;
- Chăm sóc bà mẹ sau sinh;
- Chăm sóc trẻ sơ sinh sau sinh

### **1.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ**

- Khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp ngành, nghề Hộ sinh trình độ cao đẳng có thể tiếp tục phát triển ở các trình độ cao hơn;
- Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành nghề hoặc trong nhóm ngành, nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

## **2. Khối lượng kiến thức và thời gian toàn khoá học:**

- Số lượng môn học: 36 môn (có 01 môn học tự chọn).
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 46 tín chỉ (1315 giờ).
- Khối lượng các môn học chung/ đại cương: 290 giờ (22,1%).
- Khối lượng các học phần chuyên môn: 1025 giờ (77,9%).
- Khối lượng lý thuyết: 503 giờ (38,3%).
- Khối lượng thực hành, thực tập, kiểm tra: 783 giờ (61,7%).

### 3. Nội dung chương trình:

#### 3.1. Bảng đối chiếu chương trình khung

CAO ĐẲNG CHÍNH QUY							TRUNG CẤP					CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG				
S T T	Môn học	T C	TS	L T	T H/ T T	KT	Môn học	TC	T S	L T	T H/ T T	TC	T S	L T	T H/ T T	K T
1	Giáo dục chính trị	04	75	41	29	05	GDCT	06	90			02	45	26	16	03
2	Tiếng Anh cơ bản	06	120	42	72	06	Ngoại ngữ 1	03	60			01	30	12	16	02
3	Tiếng Anh chuyên ngành	02	40	39		01	Ngoại ngữ 2	03	60							
4	Tin học	03	75	15	58	02	Tin học	02	45			01	30		29	01
5	Xác suất và thống kê y học	02	50	19	29	02						02	50	19	29	02
6	Sinh học và Di truyền	01	20	19		01						01	20	19		01
7	Hóa học	01	20	19		01						01	20	19		01
8	Vật lý đại cương và Lý sinh	01	20	19		01						01	20	19		01
9	Giáo dục thể chất	02	60	5	51	04	GDTC	02	60	30	30	01	30	01	27	02
10	Giáo dục quốc phòng - An ninh	03	75	36	35	04	GDQP	02	75			01	30	15	14	01
11	Vi sinh - Ký sinh trùng	02	50	19	29	02	VS-KST	01	24	16	08					
12	Giải phẫu - Sinh lý	03	70	39	29	02	GPSL	04	80	50	30					
13	Sinh lý bệnh	01	20	19		01						01	20	19		01
14	Hoá sinh	01	20	19		01						01	20	19		01
15	Dược lý	02	50	19	29	02	Dược lý	02	40	36	04					

CAO ĐẲNG CHÍNH QUY							TRUNG CẤP					CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG				
S T T	Môn học	T C	TS	L T	T H/ T T	KT	Môn học	TC	T S	L T	T H/ T T	TC	T S	L T	T H/ T T	K T
16	Dịch tễ và các bệnh truyền nhiễm	02	40	39		01	Điều dưỡng các bệnh truyền nhiễm và các bệnh chuyên khoa	03	70	30	40					
17	Sức khỏe môi trường và vệ sinh	02	50	19	29	02	VS phòng bệnh	02	30	20	10					
18	Nâng cao sức khỏe và hành vi con người	01	20	19		01						01	20	19		01
19	Dinh dưỡng - Tiết chế	01	20	19		01	Dinh dưỡng	01	20	17	03					
20	Pháp luật	02	30	18	10	02						01	15	09	05	01
21	Tổ chức và quản lý y tế	02	40	39		01	QL TCYT	02	30	30						
22	Đạo đức hành nghề y dược	01	20	19		01						01	20	19		01
23	Điều dưỡng cơ bản - Cấp cứu ban đầu	04	10 0	39	59	02	Điều dưỡng cơ bản	03	70	30	40					
							Điều dưỡng nội khoa, ngoại khoa	09	20 5	45	16 0					
							CCBD	02	24	12	12					
24	Giao tiếp, giáo dục sức khỏe	02	50	19	29	02	KNGT GDSK	02	30	20	10					
25	Nghiên cứu khoa học	01	20	19		01						01	20	19		01
26	Không chế nhiễm khuẩn	02	50	19	29	02						02	50	19	29	02

CAO ĐẲNG CHÍNH QUY							TRUNG CẤP					CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG				
S T T	Môn học	T C	TS	L T	T H/ T T	KT	Môn học	TC	T S	L T	T H/ T T	TC	T S	L T	T H/ T T	K T
27	Giải phẫu – Sinh lý chuyên ngành & Chăm sóc sức khỏe phụ nữ và nam học	03	70	39	29	02	CSSK phụ nữ	02	40	33	07	02	50	19	29	02
28	Chăm sóc thai nghén	02	40	39		01	CS bà mẹ TK thai nghén	03	55	45	10	01	20	19		01
29	THBV chăm sóc thai nghén	02	90		88	02	TH SP I	03	120		120	01	45		44	01
30	Chăm sóc chuyển dạ và đẻ thường	03	70	39	29	02	CS bà mẹ trong đẻ	04	90	60	30	02	40	39		01
31	THBV chăm sóc chuyển dạ và đẻ thường	02	90		88	02	Th SP II	03	120		120	01	45		44	01
32	Chăm sóc chuyển dạ và đẻ khó	02	40	39		01						02	40	39		01
33	THBV chăm sóc chuyển dạ và đẻ khó	01	45		44	01	TH SP III	05	220		220	01	45		44	01
34	Chăm sóc sau đẻ, chăm sóc sơ sinh.	02	40	39		01	CS bà mẹ sau đẻ	01	20	12	08	02	40	39		01
35	THBV Chăm sóc sau đẻ, chăm sóc sơ sinh.	02	90		88	02						02	90	00	88	02
36	Chăm sóc trẻ dưới 5	01	20	19		01	CS SK trẻ em	03	50	45	05					



CAO ĐẲNG CHÍNH QUY							TRUNG CẤP					CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG				
S T T	Môn học	T C	TS	L T	T H/ T T	KT	Môn học	TC	T S	L T	T H/ T T	TC	T S	L T	T H/ T T	K T
	tuổi															
37	THBV chăm sóc trẻ dưới 5 tuổi	01	45		44	01	TT CSSK trẻ em	03	10 0		10 0					
38	Chăm sóc hộ sinh nâng cao	02	40	39		01						01	20	19		01
39	THBV Chăm sóc hộ sinh nâng cao	01	45		44	01						01	45		44	01
40	Chăm sóc sức khỏe sinh sản cộng đồng	01	20	19		01	Điều dưỡng cộng đồng	01	24	20	04					
41	TH chăm sóc sức khỏe sinh sản cộng đồng	01	45		44	01	TTCĐ	02	80		80					
42	Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	03	70	39	29	02	DS KHH GD	02	40	27	13					
43	TH Dân số - KHH gia đình	01	45		44	01	TT DS KHHGD	02	10 0		10 0					
44	Quản lý hộ sinh - TH hộ sinh dựa vào bằng chứng và nghiên cứu khoa học (**)	2	40	39		01						01	20	19		01
45	Thực tập tốt nghiệp	03	13 5		13 5		TTTN	04	32 0		32 0	02	90		88	02
46	Giới thiệu ngành Hộ sinh và quá trình sinh đẻ - Hộ sinh quốc tế (**)	02	40	39		01						01	20	19		01

CAO ĐẲNG CHÍNH QUY							TRUNG CẤP					CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG				
S T T	Môn học	T C	TS	L T	T H/ T T	KT	Môn học	TC	T S	L T	T H/ T T	TC	T S	L T	T H/ T T	K T
47	Thực hành Sản phụ 1&2 - Liệu pháp giảm đau trong sinh đẻ	02	90		88	02	TH SP I TH SP II	06	24 0		24 0					
48	Phá thai an toàn và toàn diện -Chăm sóc sức khỏe vị thành niên	01	20	19		01						01	20	19		01
49	THBV Phá thai an toàn và toàn diện -Chăm sóc sức khỏe vị thành niên	01	45		44	01						01	45		44	01
50	Các bệnh lây truyền qua đường tình dục với sức khỏe sinh sản và thai nghén	01	20	19		01						01	20	19		01
51	THBV Các bệnh lây truyền qua đường tình dục với sức khỏe sinh sản và thai nghén	01	45		44	01						01	45		44	01
52	Tư vấn nâng cao thực hành chăm sóc trẻ	01	20	19		01						01	20	19		01
53	THBV Tư vấn nâng cao thực hành chăm sóc trẻ	01	45		44	01						01	45		44	01

CAO ĐẲNG CHÍNH QUY							TRUNG CẤP					CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG				
S T T	Môn học	T C	TS	L T	T H/ T T	KT	Môn học	TC	T S	L T	T H/ T T	TC	T S	L T	T H/ T T	K T
54	Báo cáo tốt nghiệp	3	13 5		13 5							02	90		90	
	<b>TỔNG CHUNG</b>	<b>10 0</b>	<b>27 05</b>	<b>10 44</b>	<b>15 78</b>	<b>83</b>						<b>46</b>	<b>13 15</b>	<b>50 3</b>	<b>76 8</b>	<b>44</b>

➤ Ghi chú: môn đánh dấu (\*\*) là môn tự chọn của sinh viên hệ sinh chính quy, sinh viên chọn học một môn trong các môn đánh dấu (\*\*).

### 3.2. Nội dung chi tiết chương trình:

Stt	Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành/ thực tập	Kiểm tra
	<b>I</b>	<b>Các môn học chung, đại cương</b>	<b>12</b>	<b>290</b>	<b>139</b>	<b>136</b>	<b>15</b>
1	MH6201L	Giáo dục chính trị	02	45	26	16	03
2	MH6202L	Tiếng Anh cơ bản	01	30	12	16	02
3	MH6203L	Tin học	01	30		29	01
4	MH6204L	Pháp luật	01	15	09	05	01
5	MH6205L	Giáo dục thể chất	01	30	01	27	02
6	MH6206L	Giáo dục quốc phòng an ninh	01	30	15	14	01
7	MH6207L	Xác suất và thống kê y học	02	50	19	29	02
8	MH6208L	Sinh học và Di truyền	01	20	19		01
9	MH6209L	Hóa học	01	20	19		01
10	MH6210L	Vật lý đại cương và Lý sinh	01	20	19		01
	<b>II</b>	<b>Các môn học chuyên môn</b>					
	<b>II.1</b>	<b>Môn học cơ sở</b>	<b>07</b>	<b>150</b>	<b>114</b>	<b>29</b>	<b>07</b>
11	MH6211L	Sinh lý bệnh	01	20	19		01
12	MH6212L	Hoá sinh	01	20	19		01
13	MH6213L	Nâng cao sức khỏe và hành vi con người	01	20	19		01
14	MH6214L	Nghiên cứu khoa học	01	20	19		01
15	MH6215L	Đạo đức hành nghề y dược	01	20	19		01
16	MH6216L	Khống chế nhiễm khuẩn	02	50	19	29	02
	<b>II.2</b>	<b>Môn học chuyên môn</b>	<b>26</b>	<b>855</b>	<b>231</b>	<b>603</b>	<b>21</b>
17	MH6217L	Giải phẫu – Sinh lý chuyên ngành & Chăm sóc sức khỏe phụ nữ và nam học	02	50	19	29	02
18	MH6218L	Chăm sóc thai nghén	01	20	19		01

19	MH6219L	THBV chăm sóc thai nghén	01	45	0	44	01
20	MH6220L	Chăm sóc chuyên dạ và đẻ thường	02	40	39		01
21	MH6221L	THBV chăm sóc chuyên dạ và đẻ thường	01	45		44	01
22	MH6222L	Chăm sóc chuyên dạ và đẻ khó	02	40	39		01
23	MH6223L	THBV chăm sóc chuyên dạ và đẻ khó	01	45		44	01
24	MH6224L	Chăm sóc sau đẻ - Chăm sóc sơ sinh	02	40	39		01
25	MH6225L	THBV Chăm sóc sau đẻ - Chăm sóc sơ sinh	02	90		88	02
26	MH6226L	Chăm sóc hộ sinh nâng cao	01	20	19		01
27	MH6227L	THBV Chăm sóc hộ sinh nâng cao	01	45		44	01
28	MH6228L	Thực tập tốt nghiệp	02	90		88	02
29	MH6229L	Phá thai an toàn và toàn diện - Chăm sóc sức khỏe vị thành niên	01	20	19		01
30	MH6230L	TTBV Phá thai an toàn và toàn diện - Chăm sóc sức khỏe vị thành niên	01	45		44	01
31	MH6231L	Các bệnh lây truyền qua đường tình dục với sức khỏe sinh sản và thai nghén	01	20	19		01
32	MH6232L	TTBV Các bệnh lây truyền qua đường tình dục với sức khỏe sinh sản và thai nghén	01	45		44	01
33	MH6233L	Tư vấn nâng cao thực hành chăm sóc trẻ	01	20	19		01
34	MH6234L	TTBV Tư vấn nâng cao thực hành chăm sóc trẻ	01	45		44	01
35	MH6235L	Báo cáo tốt nghiệp	02	90		90	00
	<b>II.3</b>	<b>Môn học tự chọn (chọn 01 TC)</b>	<b>01</b>	<b>20</b>	<b>19</b>		<b>01</b>
36	MH6236L	Giới thiệu ngành Hộ sinh và quá trình sinh đẻ - Hộ sinh quốc tế	01	20	19		01
37	MH6237L	Quản lý hộ sinh - TH hộ sinh dựa vào bằng chứng và nghiên cứu khoa học	01	20	19		01
		<b>TỔNG CHUNG</b>	<b>46</b>	<b>1315</b>	<b>503</b>	<b>768</b>	<b>44</b>

#### 4. Hướng dẫn sử dụng chương trình:

4.1. Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

#### 4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

Theo kế hoạch đào tạo hàng năm theo từng khóa học, lớp học, Đoàn thanh niên phối hợp với Phòng Công tác sinh viên xây dựng nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa tùy theo tình hình thực tế và công bố cho sinh viên vào đầu khóa học.

#### 4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học:

Thời gian tổ chức kiểm tra hết môn học được xác định sau khi hoàn thành chương trình môn học và đã có hướng dẫn cụ thể theo từng môn học trong chương trình đào tạo.

#### 4.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp:

- Đào tạo theo phương thức tích lũy tín chỉ:

+ Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Hộ sinh và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

+ Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học và phải hoàn thành Báo cáo tốt nghiệp đạt yêu cầu để quyết định việc công nhận tốt nghiệp cho người học.

+ Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu cử nhân thực hành theo quy định hiện hành.

#### 4.5. Các chú ý khác (nếu có): hướng dẫn gợi ý thứ tự thực hiện các môn học theo thời gian học kỳ .

Số TT	Môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/Thực tập	Kiểm tra
<b>HỌC KỲ I</b>						
1	Giáo dục chính trị	02	45	26	16	03
2	Tiếng Anh cơ bản	01	30	12	16	02
3	Pháp luật	01	15	09	05	01
4	Xác suất và thống kê y học	02	50	19	29	02
5	Hóa sinh	01	20	19	0	01
6	Sinh lý bệnh	01	20	19	0	01
7	Đạo đức hành nghề y dược	01	20	19	0	01
8	Không chế nhiễm khuẩn	02	50	19	29	02
9	GPSL chuyên ngành – CSSK phụ nữ và nam học	02	50	19	29	02
	<b>Tổng cộng</b>	<b>13</b>	<b>300</b>	<b>161</b>	<b>124</b>	<b>15</b>
<b>HỌC KỲ II</b>						
1	Tin học	01	30	0	29	01

Số TT	Môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/Thực tập	Kiểm tra
2	Sinh học và di truyền	01	20	19	0	01
3	Vật lý đại cương và lý sinh	01	20	19	0	01
4	Hóa học	01	20	19	0	01
5	Giáo dục thể chất	01	30	01	27	02
6	Giáo dục quốc phòng	01	30	15	14	01
7	Chăm sóc thai nghén	01	20	19	0	01
8	TTBV Chăm sóc thai nghén	01	45	0	44	01
9	Chăm sóc chuyển dạ và đẻ thường	02	40	39	0	01
10	TTBV Chăm sóc chuyển dạ và đẻ thường	01	45	0	44	01
	<b>Tổng cộng</b>	<b>11</b>	<b>300</b>	<b>131</b>	<b>158</b>	<b>11</b>
<b>HỌC KỲ III</b>						
1	Nâng cao sức khỏe và hành vi con người	01	20	19		01
2	Nghiên cứu khoa học	01	20	19		01
3	Chăm sóc chuyển dạ và đẻ khó	02	40	39		01
4	TTBV Chăm sóc chuyển dạ và đẻ khó	01	45		44	01
5	Chăm sóc sau đẻ- chăm sóc sơ sinh	02	40	39		01
6	TTBV Chăm sóc sau đẻ-chăm sóc sơ sinh	02	90		88	02
7	Chăm sóc hộ sinh nâng cao	01	20	19		01
8	TTBV Chăm sóc hộ sinh nâng cao	01	45		44	01
9	Tư vấn nâng cao thực hành chăm sóc trẻ	01	20	19		01
	<b>Tổng cộng</b>	<b>12</b>	<b>340</b>	<b>154</b>	<b>176</b>	<b>10</b>
<b>HỌC KỲ IV</b>						
1	TTBV Tư vấn nâng cao thực hành chăm sóc trẻ	01	45		44	01
2	Giới thiệu ngành HS và quá trình sinh đẻ - HS quốc tế (**)	01	20	19		01
3	QLHS – THHS dựa vào bằng chứng và NCKH (**)	01	20	19		01

Số TT	Môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/Thực tập	Kiểm tra
4	Phá thai an toàn – CSSK sinh sản vị thành niên	01	20	19		01
5	TTBV Phá thai an toàn – CSSK sinh sản vị thành niên	01	45		44	01
6	Các bệnh lây truyền qua đường tình dục với sức khỏe sinh sản và thai nghén	01	20	19		01
7	TTBV Các bệnh lây truyền qua đường tình dục với sức khỏe sinh sản và thai nghén	01	45		44	01
8	Thực tập tốt nghiệp	02	90		88	02
9	Báo cáo tốt nghiệp	02	90		90	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>10</b>	<b>375</b>	<b>57</b>	<b>310</b>	<b>8</b>

➤ Ghi chú: môn đánh dấu (\*\*) là môn tự chọn, sinh viên chọn học một môn trong các môn đánh dấu (\*\*).

# CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 01

**Tên môn học:** GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ

**Mã môn học:**

**Thời gian thực hiện môn học:** 45 giờ (Lý thuyết: 26 giờ; Thảo luận: 16 giờ; Kiểm tra 03 giờ).

## I. Vị trí, tính chất của môn học

### 1. Vị trí:

Thực hiện ở học kỳ I. Môn học Giáo dục chính trị là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

### 2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; hình thành thế giới quan, nhân sinh quan khoa học và cách mạng cho thế hệ trẻ Việt Nam; góp phần đào tạo người lao động phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

## II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:

### 1. Về kiến thức

Trình bày được một số nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam và những nhiệm vụ chính trị của đất nước hiện nay; nội dung học tập, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

### 2. Về kỹ năng

Vận dụng được các kiến thức chung được học về quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước vào giải quyết các vấn đề của cá nhân, xã hội và các vấn đề khác trong quá trình học tập, lao động, hoạt động hàng ngày và tham gia xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

### 3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có năng lực vận dụng các nội dung đã học để rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; thực hiện tốt quan điểm, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước.

## III. Nội dung môn học

### 1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian học tập (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Kiểm tra
1	Bài 1: Khái quát về chủ nghĩa Mác – Lênin	10	08	02	
2	Bài 2: Khái quát về tư tưởng Hồ Chí Minh	08	06	02	
3	Bài 3: Đặc trưng và phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	06	03	02	01
4	Bài 4: Tăng cường quốc phòng an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế ở nước ta hiện nay	06	03	03	
5	Bài 5: Xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam	08	03	04	01



Số TT	Tên chương, mục	Thời gian học tập (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Kiểm tra
6	Bài 6: Phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc	07	03	03	01
<b>Tổng cộng</b>		<b>45</b>	<b>26</b>	<b>16</b>	<b>03</b>

## 2. Nội dung chi tiết

### Bài 1: KHÁI QUÁT VỀ CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN

#### 1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được khái niệm, nội dung cơ bản, vai trò của chủ nghĩa Mác - Lênin trong nhận thức và thực tiễn đời sống xã hội;
- Bước đầu vận dụng được thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin vào giải quyết các vấn đề của cá nhân và xã hội.

#### 2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm chủ nghĩa Mác - Lênin
- 2.2. Một số nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin
  - 2.2.1. Triết học Mác - Lênin
  - 2.2.2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin
  - 2.2.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học
- 2.3. Vai trò nền tảng tư tưởng, lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin

### Bài 2: KHÁI QUÁT VỀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

#### 1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được một số điểm cơ bản về nguồn gốc, quá trình hình thành, nội dung cơ bản, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh; sự cần thiết, nội dung học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh;
- Có nhận thức đúng đắn, vận dụng tốt các kiến thức đã học vào việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức và phong cách của cá nhân.

#### 2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm, nguồn gốc và quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh
  - 2.1.1. Khái niệm
  - 2.1.2. Nguồn gốc
  - 2.1.3. Quá trình hình thành
- 2.2. Một số nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh
  - 2.2.1. Tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại
  - 2.2.2. Tư tưởng về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân
  - 2.2.3. Tư tưởng về đại đoàn kết toàn dân
  - 2.2.4. Tư tưởng về phát triển kinh tế và văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân
  - 2.2.5. Tư tưởng về đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư
  - 2.2.6. Tư tưởng về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau
- 2.3. Vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam
- 2.4. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay

2.4.1. Sự cần thiết phải học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

2.4.2. Nội dung chủ yếu của học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

### **Bài 3: ĐẶC TRUNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG XÂY DỰNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM**

#### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được đặc trưng và phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam;
- Có nhận thức đúng đắn và niềm tin vào việc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.

#### **2. Nội dung**

2.1. Đặc trưng của xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

2.1.1. Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh

2.1.2. Do nhân dân làm chủ

2.1.3. Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp

2.1.4. Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc

2.1.5. Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện

2.1.6. Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển

2.1.7. Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo

2.1.8. Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới

2.2. Phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

2.2.1. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường

2.2.2. Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

2.2.3. Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội

2.2.4. Đảm bảo vững chắc quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội

2.2.5. Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế

2.2.6. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất

2.2.7. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân

2.2.8. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh

### **Bài 4: TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG AN NINH, MỞ RỘNG QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY**

#### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được những quan điểm cơ bản về đường lối quốc phòng, an ninh và đối ngoại của Đảng ta hiện nay;

- Tin tưởng và tích cực thực hiện tốt đường lối quốc phòng, an ninh và đối ngoại hiện nay.

## **2. Nội dung**

### **2.1. Bối cảnh Việt Nam và quốc tế**

#### **2.2. Quan điểm và những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối quốc phòng, an ninh**

##### **2.2.1. Quan điểm của Đảng về đường lối quốc phòng, an ninh**

##### **2.2.2. Những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối quốc phòng, an ninh**

### **2.3. Quan điểm và những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối đối ngoại**

#### **2.3.1. Quan điểm của Đảng về đường lối đối ngoại**

#### **2.3.2. Những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối đối ngoại**

## **Bài 5: XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được bản chất, đặc trưng, phương hướng và nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Khẳng định được tính ưu việt của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam so với các kiểu nhà nước khác và xác định được nhiệm vụ của bản thân trong việc xây dựng và bảo vệ Nhà nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

### **2. Nội dung**

#### **2.1. Bản chất và đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

##### **2.1.1. Bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

##### **2.1.2. Đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

#### **2.2. Phương hướng, nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

##### **2.2.1. Phương hướng xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

##### **2.2.2. Nhiệm vụ và giải pháp xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

## **Bài 6: PHÁT HUY SỨC MẠNH CỦA KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC TRONG XÂY DỰNG, BẢO VỆ TỔ QUỐC**

### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được tầm quan trọng và nội dung phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc;

- Khẳng định được tầm quan trọng và thực hiện tốt vai trò của cá nhân trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

### **2. Nội dung**

#### **2.1. Tầm quan trọng của đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc**

##### **2.1.1. Cơ sở lý luận của đường lối, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc**

##### **2.1.2. Cơ sở thực tiễn của đường lối, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc**

#### **2.2. Quan điểm và phương hướng của Đảng về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc**

##### **2.2.1. Quan điểm của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc**

##### **2.2.2. Phương hướng và giải pháp phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc**

#### **IV. Điều kiện thực hiện môn học**

- Phòng học, máy tính, máy chiếu và các thiết bị dạy học khác;
- Chương trình môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo, giáo án, phim ảnh, và các tài liệu liên quan;

#### **V. Phương pháp đánh giá**

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐT BXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

#### **VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập**

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐT BXH.

Người học đã có bằng tốt nghiệp trung cấp, Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung của môn học đã được học ở chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

#### **VII. Một số hướng dẫn khác**

Khuyến khích các trường trong danh sách trường nghề được ưu tiên đầu tư tập trung, đồng bộ theo tiêu chí trường nghề chất lượng theo Quyết định số 761/QĐ-TTg ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Đề án phát triển trường nghề chất lượng cao đến năm 2020" tổ chức thí điểm giảng dạy trực tuyến môn học. Đối với các trường khác, chỉ tổ chức giảng dạy trực tuyến môn học sau khi có văn bản hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

#### **Tài liệu tham khảo**

1. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2014), Kết luận số 94-KL/TW, ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”.
2. Ban Tuyên giáo Trung ương (2014), Hướng dẫn số 127-HD/BTGTW ngày 30/6/2014 của Ban Tuyên giáo Trung ương về việc triển khai thực hiện Kết luận số 94-KL/TW ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”.
3. Ban Tuyên giáo Trung ương (2016), Những điểm mới trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.
4. Ban Tuyên giáo Trung ương (2018), sổ tay các văn bản hướng dẫn thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15-5-2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
5. Bộ Chính trị (2016), Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.
6. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2008), Quyết định số 03/2008/QĐ-BLĐT BXH ngày 18/2/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Chính trị dùng cho các trường trung cấp nghề, trường cao đẳng nghề.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành chương trình Các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), Thông tư số 11/2012/TT-BGDĐT, ngày 7/3/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình môn học Giáo dục chính trị dùng trong đào tạo trình độ trung cấp chuyên nghiệp.
9. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
10. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
11. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
12. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.
13. Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
14. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản về quản lý nhà nước, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
15. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
16. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về các lĩnh vực của đời sống xã hội, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
17. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Nghiệp vụ công tác đảng ở cơ sở, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
18. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản về Đảng Cộng sản và lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội;
19. Hội đồng Lý luận Trung ương (2017), Phê phán các quan điểm sai trái, bảo vệ nền tảng tư tưởng, cương lĩnh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
20. Quốc hội (2013), Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.  
- Các tài liệu liên quan khác...
21. Giáo trình môn học Giáo dục chính trị của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 02

**Tên môn học:** TIẾNG ANH CƠ BẢN

**Mã môn học:**

**Thời gian thực hiện môn học:** 30 giờ; (Lý thuyết: 12 giờ; Thực hành: 16 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

### **I. Vị trí, tính chất của môn học**

#### **1. Vị trí:**

Thực hiện ở học kỳ I. Môn học Tiếng Anh là một trong các môn học ngoại ngữ bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

#### **2. Tính chất:**

Chương trình môn học Tiếng Anh bao gồm các kiến thức, kỹ năng sử dụng tiếng Anh cơ bản trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp phù hợp với trình độ đào tạo.

### **II. Mục tiêu môn học**

Sau khi học xong chương trình ở trình độ cao đẳng, người học đạt được trình độ năng lực ngoại ngữ Bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, cụ thể:

#### **1. Về kiến thức**

Nhận biết và giải thích được các cấu trúc ngữ pháp cơ bản về thành phần của câu, cách sử dụng thì hiện tại đơn, tiếp diễn và hoàn thành, thì quá khứ đơn, tiếp diễn, thì tương lai, phân loại danh từ, đại từ và tính từ; phân biệt và giải thích được các từ vựng về những chủ đề quen thuộc như giới thiệu bản thân và người khác, các hoạt động hàng ngày, sở thích, địa điểm, thực phẩm và đồ uống, các sự kiện đặc biệt, kỳ nghỉ, các kế hoạch trong tương lai, ngoại hình và tính cách, sự phát triển của công nghệ và thói quen mua sắm.

#### **2. Về kỹ năng**

a) Kỹ năng nghe: Nghe và hiểu được những cụm từ và cách diễn đạt liên quan tới nhu cầu thiết yếu hàng ngày khi được diễn đạt chậm và rõ ràng về các chủ đề liên quan đến các thành viên gia đình, các hoạt động giải trí trong thời gian rảnh rỗi, vị trí đồ đạc trong nhà, các loại thức ăn và đồ uống phổ biến, các hoạt động trong các dịp lễ hoặc sự kiện đặc biệt, du lịch, các hoạt động hàng ngày, sở thích, kế hoạch trong tương lai, ngoại hình, tính cách và mua sắm; hiểu được ý chính trong các giao dịch quen thuộc hàng ngày khi được diễn đạt chậm và rõ ràng.

b) Kỹ năng nói: Giao tiếp một cách đơn giản và trực tiếp về các chủ đề quen thuộc hàng ngày liên quan tới tự giới thiệu bản thân, gia đình, nghề nghiệp, sở thích; chỉ đường đến những địa điểm thông thường; đặt được câu hỏi về số lượng; giới thiệu được những ngày lễ, sự kiện đặc biệt, hoạt động du lịch, các kế hoạch cho các ngày lễ và sự kiện đặc biệt; mô tả tính cách và ngoại hình của bản thân và người khác; giới thiệu các sản phẩm công nghệ và công dụng; mô tả thói quen mua sắm; truyền đạt quan điểm, nhận định của mình trong các tình huống xã giao đơn giản, ngắn gọn.

c) Kỹ năng đọc: Đọc và phân tích được các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các vấn đề quen thuộc và cụ thể; đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết thông qua các bài đọc có liên quan đến giới thiệu bạn bè, các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, nơi chốn, các thức ăn và đồ uống phổ biến, các ngày lễ đặc biệt và kỳ nghỉ, các hoạt động hàng ngày và các sở thích, cách chào đón năm mới ở các quốc gia, sự phát triển của công nghệ và thói quen mua sắm.

d) Kỹ năng viết: Viết được các mệnh đề, câu đơn giản và kết nối với nhau bằng các liên từ cơ bản; viết đoạn văn ngắn về các chủ đề có liên quan đến bản thân, sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, mô tả nhà ở, thức ăn và đồ uống, các lễ hội và dịp đặc biệt, các kỳ nghỉ và các sở thích, kế hoạch và dự định cho việc chào đón năm mới, thiết bị công nghệ và thói quen mua sắm.

### 3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Nhận thức được tầm quan trọng của ngoại ngữ nói chung và Tiếng Anh nói riêng, có trách nhiệm trong việc sử dụng tiếng Anh trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;
- Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng tiếng Anh vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

## III. Nội dung môn học

### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương, mục	Tổng số	Thời gian học tập (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Các kế hoạch trong tương lai (Future plans)	06	03	03	
2	Ngoại hình và tính cách (Appearance and personality)	06	03	03	
3	Công nghệ (Technology)	06	03	03	
4	Mua sắm (Shopping)	06	03	03	
5	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	06		04	02
	<b>Tổng cộng</b>	<b>30</b>	<b>12</b>	<b>16</b>	<b>02</b>

### 2. Nội dung chi tiết như sau:

#### Bài 1. CÁC KẾ HOẠCH TRONG TƯƠNG LAI (FUTURE PLANS)

##### 1. Mục tiêu

- Sử dụng cấu trúc Will và going to; các từ định lượng a little, a few, many, much và a lot of và các từ vựng về các hoạt động trên lễ hội và sự kiện đặc biệt; các tính từ mô tả địa điểm;
- Nghe và trả lời câu hỏi về nơi sinh sống;
- Nói về các dự định và kế hoạch cho một lễ hội và sự kiện đặc biệt;
- Đọc hiểu bài đọc về các cách chào đón năm mới ở một số quốc gia và trả lời câu hỏi;
- Viết đoạn văn ngắn mô tả các dự định và kế hoạch chào đón năm mới.

##### 2. Nội dung

###### 2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Lễ hội;
- 2.1.2. Tính từ mô tả địa điểm.

###### 2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Cấu trúc Will và going to;
- 2.2.2. Từ định lượng a little, a few, many, much và a lot of.

###### 2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về nơi sinh sống;
- 2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.

###### 2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

- 2.4.1. Nói về các dự định và kế hoạch cho một lễ hội và sự kiện đặc biệt;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

### **2.5. Kỹ năng đọc (Reading)**

2.5.1. Bài đọc: New Year Celebrations;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

### **2.6. Kỹ năng viết (Writing)**

Viết đoạn văn ngắn mô tả các dự định và kế hoạch chào đón năm mới (tối thiểu 80 từ).

## **Bài 2. NGOẠI HÌNH VÀ TÍNH CÁCH (APPEARANCE AND PERSONALITY)**

### **1. Mục tiêu**

- Sử dụng cấu trúc so sánh hơn (comparative), so sánh nhất (superlative); và các tính từ mô tả ngoại hình và tính cách;
- Nghe và trả lời câu hỏi về tuổi, ghi các tính từ mô tả hình dáng và tính cách một người;
- Mô tả ngoại hình và tính cách các thành viên trong lớp học;
- Đọc hiểu bài đọc về đề tài du lịch và trả lời câu hỏi;
- Viết đoạn văn ngắn mô tả một người bạn thân.

### **2. Nội dung**

#### **2.1. Từ vựng (Vocabulary)**

2.1.1. Tính từ mô tả ngoại hình;

2.1.2. Tính từ mô tả tính cách.

#### **2.2. Ngữ pháp (Grammar)**

2.2.1. So sánh hơn (Comparative);

2.2.2. So sánh nhất (Superlative).

#### **2.3. Kỹ năng nghe (Listening)**

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về tuổi, ghi các tính từ mô tả hình dáng và tính cách một người;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;

2.3.3. Bài tập nghe và điền hoàn chỉnh.

#### **2.4. Kỹ năng nói (Speaking)**

2.4.1. Mô tả ngoại hình và tính cách các thành viên trong lớp học;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

#### **2.5. Kỹ năng đọc (Reading)**

2.5.1. Bài đọc: My travel page;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

#### **2.6. Kỹ năng viết (Writing)**

Viết đoạn văn ngắn mô tả về một người bạn thân (tối thiểu 80 từ).

## **Bài 3. CÔNG NGHỆ (TECHNOLOGY)**

### **1. Mục tiêu**

- Sử dụng thì hiện tại hoàn thành (Present perfect); cấu trúc How long...?, for và since và các từ vựng về các thiết bị công nghệ và ứng dụng;
- Nghe và trả lời câu hỏi về đặc tính các loại thiết bị phổ biến trong gia đình;
- Thực hành nói về các thiết bị công nghệ;
- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về sự phát triển của công nghệ kỹ thuật số;
- Viết đoạn văn ngắn mô tả thiết bị công nghệ mà bạn yêu thích.

### **2. Nội dung**



## **2.1. Từ vựng (Vocabulary)**

2.1.1. Các thiết bị công nghệ;

2.1.2. Công nghệ.

## **2.2. Ngữ pháp (Grammar)**

2.2.1. Thì hiện tại hoàn thành;

2.2.2. Cấu trúc How long...?;

2.2.3. Giới từ For và since.

## **2.3. Kỹ năng nghe (Listening)**

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về đặc tính các loại thiết bị phổ biến trong gia đình;

2.3.2. Bài tập True/False.

## **2.4. Kỹ năng nói (Speaking)**

2.4.1. Thực hành nói về các thiết bị công nghệ;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

## **2.5. Kỹ năng đọc (Reading)**

2.5.1. Bài đọc: The Rise of Digital Media;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

## **2.6. Kỹ năng viết (Writing)**

Viết đoạn văn ngắn mô tả thiết bị công nghệ mà bạn yêu thích (tối thiểu 80 từ).

## **Bài 4. MUA SẮM (SHOPPING)**

### **1. Mục tiêu**

- Sử dụng thì hiện tại hoàn thành (Present perfect) và thì quá khứ đơn (Past simple) và từ vựng về các loại thực phẩm;

- Nghe và trả lời câu hỏi về mua sắm;

- Thực hành nói về kế hoạch mua sắm;

- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi thói quen mua sắm;

- Viết đoạn văn ngắn kể về việc mua sắm tại chợ/siêu thị tuần trước và hiện tại.

### **2. Nội dung**

#### **2.1. Từ vựng (Vocabulary)**

Các từ vựng liên quan đến mua sắm.

#### **2.2. Ngữ pháp (Grammar)**

2.2.1. Thì hiện tại hoàn thành;

2.2.2. Thì quá khứ đơn;

2.2.3. Kết hợp thì hiện tại hoàn thành và thì quá khứ đơn.

#### **2.3. Kỹ năng nghe (Listening)**

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về mua sắm;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.

#### **2.4. Kỹ năng nói (Speaking)**

2.4.1. Thực hành nói về kế hoạch mua sắm;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

#### **2.5. Kỹ năng đọc (Reading)**

2.5.1. Bài đọc: My Shopping Day;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

#### **2.6. Kỹ năng viết (Writing)**

Viết đoạn văn ngắn kể về việc mua sắm tại chợ/siêu thị tuần trước và hiện tại (tối thiểu 80 từ).

## **Ôn tập và kiểm tra:**

- Hướng dẫn thực hành bài tập
- Thực hiện kiểm tra

## **IV. Điều kiện thực hiện môn học**

### **1. Phòng học chuyên môn/nhà xưởng**

- Phòng học được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng;
- Bàn, ghế rời cho từng sinh viên;
- Bàn ghế giáo viên, bảng, máy chiếu, phấn (hoặc bút bảng).

### **2. Trang thiết bị máy móc**

Máy chiếu, hệ thống âm thanh.

### **3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu**

Giáo viên sử dụng giáo trình dùng chung và tham khảo các tài liệu giảng dạy khác hỗ trợ bài giảng.

### **4. Các điều kiện khác**

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học nghe nhìn và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

## **V. Nội dung và phương pháp đánh giá**

### **1. Nội dung**

1.1. Kiến thức: Các kiến thức về từ vựng và cấu trúc ngữ pháp theo từng chủ đề liên quan trong chương trình.

1.2. Về kỹ năng:

- Kỹ năng nghe: Nghe và xác định thông tin về gia đình, bạn bè, các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt, vị trí và nơi chốn, và các sở thích, kế hoạch trong tương lai, ngoại hình, tính cách và mua sắm theo yêu cầu.
- Kỹ năng nói: Tự giới thiệu về bản thân, gia đình, công việc, sở thích và các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt; mô tả tính cách và ngoại hình của bản thân và người khác; giới thiệu các sản phẩm công nghệ và công dụng; mô tả thói quen mua sắm theo yêu cầu.
- Kỹ năng đọc: Đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết của các bài đọc ngắn theo yêu cầu.
- Kỹ năng viết: Viết câu và đoạn văn ngắn về các chủ đề khác nhau theo yêu cầu.

1.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Làm việc độc lập hoặc theo nhóm.

### **2. Phương pháp đánh giá**

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

Phương pháp đánh giá sẽ dựa theo đặc thù ngành, nghề đào tạo và điều kiện của từng cơ sở giáo dục nghề nghiệp, có thể kết hợp kiểm tra nghe, nói và tự luận.

## **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học**

### **1. Phạm vi áp dụng môn học**

Môn học Tiếng Anh là một trong các môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng. Tùy theo đặc thù của các ngành,

nghe đào tạo, các trường lựa chọn môn học Tiếng Anh hoặc môn học ngoại ngữ khác theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để giảng dạy.

## **2. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học**

a) Miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tiếng Anh

Người học được miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tiếng Anh trong các trường hợp sau:

- Có chứng chỉ Tiếng Anh Bậc 2 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Có chứng chỉ Tiếng Anh tương đương cấp độ A2 trở lên theo Khung tham chiếu chung Châu Âu do các tổ chức nước ngoài cấp.

b) Bảo lưu, công nhận kết quả học tập

Thực hiện theo quy định tại Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

c) Người học có nhu cầu được miễn trừ, bảo lưu kết quả môn học phải có đơn đề nghị hiệu trưởng xem xét, quyết định khi nhập học và trước mỗi kỳ thi.

## **3. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học**

- Đối với giáo viên: Giáo viên vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; chú trọng phương pháp giao tiếp trong giảng dạy; áp dụng đa dạng các kỹ thuật dạy học; lấy người học làm trung tâm; tổ chức các hoạt động nghe, nói, đọc và viết sinh động nhằm tăng cường sự tham gia của người học; tổ chức các hoạt động đa dạng với sự hỗ trợ của các học liệu, giáo cụ trực quan sinh động phục vụ mục tiêu bài học.

- Đối với người học: Quan sát, hoạt động nhóm, thảo luận theo hướng dẫn của giáo viên và làm bài tập về nhà.

- Chương trình môn học tiếng Anh trình độ cao đẳng có thể chia thành 02 (hai) phần để giảng dạy, mỗi phần 60 giờ.

- Khuyến khích việc tổ chức dạy và học trực tuyến môn học, kết hợp với các phần mềm tự học trực tuyến nhằm nâng cao chất lượng dạy và học.

- Bên cạnh việc học 120 giờ trên lớp, giáo viên xây dựng nội dung và mục tiêu tự học thêm 180 giờ cho người học thông qua hệ thống bài tập bổ sung, phần mềm hoặc ứng dụng tiếng Anh hỗ trợ tự học, tài liệu tham khảo khác nhằm giúp người học đạt được năng lực ngoại ngữ theo quy định sau khi tốt nghiệp trình độ cao đẳng.

## **4. Tài liệu tham khảo**

1. Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

2. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

3. Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng.

4. Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

5. Tim Falla and Paul A. Davies, Solutions Elementary (02nd edition), Oxford University Press, 2012.

6. Miles Craven, Breakthrough Plus 1, MacMillan Education, 2013.

7. Herbert Puchta and Jeff Stranks, More! 1, Cambridge University Press, 2008.
8. Jack C. Richards, Tactics for Listening (02nd edition), Oxford University Press, 2015.
9. Giáo trình môn học Tiếng anh cơ bản của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 03

**Tên môn học:** TIN HỌC

**Mã môn học:**

**Thời gian thực hiện môn học:** 30 giờ (Thực hành: 29 giờ; Kiểm tra: 01 giờ)

### I. Vị trí, tính chất của môn học

**1. Vị trí:** Thực hiện ở học kỳ I. Môn học Tin học là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo cao đẳng.

**2. Tính chất:** Chương trình môn học bao gồm nội dung cơ bản về máy tính và công nghệ thông tin, cũng như việc sử dụng máy tính trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp sau này.

### II. Mục tiêu của môn học

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông, cụ thể:

#### 1. Về kiến thức

Trình bày và giải thích được kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin; sử dụng máy tính, xử lý văn bản; sử dụng bảng tính, trình chiếu, Internet.

#### 2. Về kỹ năng

- Nhận biết được các thiết bị cơ bản của máy tính, mạng máy tính; phân loại phần mềm; lập trình; phần mềm thương mại và phần mềm nguồn mở;
- Sử dụng được hệ điều hành Windows để tổ chức, quản lý thư mục, tập tin trên máy tính và sử dụng máy in;
- Sử dụng được phần mềm soạn thảo để soạn thảo được văn bản hành chính theo đúng quy định về kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính;
- Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính để tạo trang tính và các hàm cơ bản để tính các bài toán thực tế;
- Sử dụng được phần mềm trình chiếu để xây dựng và trình chiếu được các nội dung cần thiết;
- Sử dụng được một số dịch vụ Internet cơ bản như: Trình duyệt Web, thư điện tử, tìm kiếm thông tin và một số dạng truyền thông số thông dụng;
- Nhận biết và áp dụng biện pháp phòng tránh các loại nguy cơ đối với an toàn dữ liệu, mối nguy hiểm tiềm năng khi sử dụng các trang mạng xã hội, an toàn và bảo mật, bảo vệ thông tin;
- Thực hiện đúng các quy định về an toàn bảo mật thông tin; an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong việc sử dụng máy tính và ứng dụng công nghệ thông tin.

#### 3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Nhận thức được tầm quan trọng và thực hiện đúng quy định của pháp luật, có trách nhiệm trong việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;
- Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

### III. Nội dung môn học

#### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương, mục	Tổng số	Thời gian học tập (giờ)	
			Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra

Số TT	Tên chương, mục	Tổng số	Thời gian học tập (giờ)	
			Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương I. Hiểu biết về công nghệ thông tin cơ bản	02	02	
2	Chương II. Sử dụng máy tính cơ bản	02	02	
3	Chương III. Xử lý văn bản cơ bản	04	04	
5	Chương IV. Sử dụng bảng tính cơ bản	156	15	01
6	Chương V. Sử dụng trình chiếu cơ bản	04	04	
7	Chương VI. Sử dụng Internet cơ bản	02	02	
<b>Tổng cộng</b>		<b>30</b>	<b>29</b>	<b>01</b>

## 2. Nội dung chi tiết

### Chương I. HIỂU BIẾT VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

#### 1. Mục tiêu

*Học xong chương này, người học có khả năng:*

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về máy tính, phần mềm, biểu diễn thông tin trong máy tính, mạng cơ bản; các quy định liên quan đến việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin;
- Nhận biết được các thiết bị phần cứng chủ yếu, hệ điều hành, phần mềm ứng dụng; tuân thủ đúng các quy định trong việc sử dụng máy tính và ứng dụng công nghệ thông tin.

#### 2. Nội dung

##### 2.1. Kiến thức cơ bản về máy tính

###### 2.1.1. Thông tin và xử lý thông tin

###### 2.1.1.1. Thông tin

###### 2.1.1.2. Dữ liệu

###### 2.1.1.3. Xử lý thông tin

###### 2.1.2. Phần cứng

###### 2.1.2.1. Đơn vị xử lý trung tâm

###### 2.1.2.2. Thiết bị nhập

###### 2.1.2.3. Thiết bị xuất

###### 2.1.2.4. Bộ nhớ và thiết bị lưu trữ

##### 2.2. Phần mềm

###### 2.2.1. Phần mềm hệ thống

###### 2.2.2. Phần mềm ứng dụng

###### 2.2.3. Một số phần mềm ứng dụng thông dụng

###### 2.2.4. Phần mềm nguồn mở

##### 2.3. Biểu diễn thông tin trong máy tính

###### 2.3.1. Biểu diễn thông tin trong máy tính

###### 2.3.2. Đơn vị thông tin và dung lượng bộ nhớ

##### 2.4. Mạng cơ bản

###### 2.4.1. Những khái niệm cơ bản

###### 2.4.2. Internet, Intranet, Extranet

###### 2.4.3. Truyền dữ liệu trên mạng

###### 2.4.3.1. Truyền dữ liệu trên mạng

###### 2.4.3.2. Tốc độ truyền

###### 2.4.3.3. Các số đo (bps, Kbps, Mbps, Gbps...)

- 2.4.4. Phương tiện truyền thông
  - 2.4.4.1. Giới thiệu về phương tiện truyền thông
  - 2.4.4.2. Băng thông
  - 2.4.4.3. Phân biệt các phương tiện truyền dẫn có dây
- 2.4.5. Download, Upload
- 2.5. Các ứng dụng của công nghệ thông tin – truyền thông**
  - 2.5.1. Một số ứng dụng công nghệ thông tin và ứng dụng trong kinh doanh
  - 2.5.2. Một số ứng dụng phổ biến để liên lạc, truyền thông
- 2.6. An toàn lao động và bảo vệ môi trường trong sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông**
  - 2.6.1. An toàn lao động
  - 2.6.2. Bảo vệ môi trường
- 2.7. Các vấn đề an toàn thông tin cơ bản khi làm việc với máy tính**
  - 2.7.1. Kiểm soát truy nhập, bảo đảm an toàn cho dữ liệu
  - 2.7.2. Phần mềm độc hại (malware)
- 2.8. Một số vấn đề cơ bản liên quan đến pháp luật trong sử dụng công nghệ thông tin**
  - 2.8.1. Bản quyền/ Sở hữu trí tuệ
  - 2.8.2. Bảo vệ dữ liệu

## **Chương II. SỬ DỤNG MÁY TÍNH CƠ BẢN**

### **1. Mục tiêu**

*Học xong chương này, người học có khả năng:*

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về hệ điều hành Windows, quản lý thư mục, tập tin; phần mềm tiện ích và đa phương tiện, sử dụng tiếng Việt trong máy tính, sử dụng máy in;
- Khởi động, tắt được máy tính, máy in theo đúng quy trình. Thực hiện được việc quản lý thư mục, tập tin; cài đặt, gỡ bỏ và sử dụng được một số phần mềm tiện ích thông dụng.

### **2. Nội dung**

#### **2.1. Làm việc với hệ điều hành**

- 2.1.1. Windows là gì?
- 2.1.2. Khởi động và thoát khỏi Windows
- 2.1.3. Desktop
- 2.1.4. Thanh tác vụ (Taskbar)
- 2.1.5. Menu Start
- 2.1.6. Khởi động và thoát khỏi một ứng dụng
- 2.1.7. Chuyển đổi giữa các cửa sổ ứng dụng
- 2.1.8. Thu nhỏ một cửa sổ, đóng cửa sổ một ứng dụng
- 2.1.9. Sử dụng chuột

#### **2.2. Quản lý thư mục và tập tin**

- 2.2.1. Khái niệm thư mục và tập tin
- 2.2.2. Xem thông tin, di chuyển, tạo đường tắt đến nơi lưu trữ thư mục và tập tin
- 2.2.3. Tạo, đổi tên tập tin và thư mục, thay đổi trạng thái và hiển thị thông tin về tập tin
- 2.2.4. Chọn, sao chép, di chuyển tập tin và thư mục
- 2.2.5. Xóa, khôi phục tập tin và thư mục
- 2.2.6. Tìm kiếm tập tin và thư mục

## **2.3. Sử dụng Control Panel**

2.3.1. Khởi động Control Panel

2.3.2. Region and Language

2.3.3. Devices and Printers

2.3.4. Programs and Features

## **2.4. Một số phần mềm tiện ích**

2.4.1. Phần mềm nén, giải nén tập tin

2.4.2. Phần mềm diệt virus

## **2.5. Sử dụng tiếng Việt**

2.5.1. Các bộ mã tiếng Việt

2.5.2. Cách thức nhập tiếng Việt

2.5.3. Chọn phần mềm nhập tiếng Việt

## **2.6. Chuyển đổi định dạng tập tin**

## **2.7. Đa phương tiện**

## **2.8. Sử dụng máy in**

2.8.1. Lựa chọn máy in

2.8.2. In

## **Chương III. XỬ LÝ VĂN BẢN CƠ BẢN**

### **1. Mục tiêu**

*Học xong chương này, người học có khả năng:*

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về văn bản, soạn thảo và xử lý văn bản, sử dụng phần mềm Microsoft Word trong soạn thảo văn bản, kết xuất và phân phối văn bản;

- Soạn thảo được văn bản bảo đảm đúng các yêu cầu về kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính; in ấn và phân phối văn bản bảo đảm đúng quy định.

### **2. Nội dung**

#### **2.1. Khái niệm văn bản và xử lý văn bản**

2.1.1. Khái niệm văn bản.

2.1.2. Khái niệm xử lý văn bản.

#### **2.2. Sử dụng Microsoft Word**

2.2.1. Giới thiệu Microsoft Word

2.2.1.1. Mở, đóng Microsoft Word

2.2.1.2. Giới thiệu giao diện Microsoft Word

2.2.2. Thao tác với tập tin Microsoft Word

2.2.2.1. Mở một tập tin có sẵn

2.2.2.2. Tạo một tập tin mới

2.2.2.3. Lưu tập tin

2.2.2.4. Đóng tập tin

2.2.3. Định dạng văn bản

2.2.3.1. Định dạng văn bản (Text)

2.2.3.2. Định dạng đoạn văn

2.2.3.2.1. Định dạng đoạn (Paragraph)

2.2.3.2.2. Định dạng Bullets, Numbering

2.2.3.2.3. Thiết lập điểm dừng (Tab)

2.2.3.2.4. Định dạng khung và nền (Borders and Shading)

2.2.3.3. Kiểu dáng (Style)

2.2.3.4. Chèn (Insert) các đối tượng vào văn bản



- 2.2.3.4.1. Bảng (Table)
- 2.2.3.4.2. Chèn hình ảnh (Picture)
- 2.2.3.4.3. Chèn chữ nghệ thuật (WordArt)
- 2.2.3.4.4. Chèn ký tự đặc biệt
- 2.2.3.4.5. Chèn đối tượng Shapes
- 2.2.3.5. Hộp văn bản (Textbox)
- 2.2.3.6. Tham chiếu (Reference)
- 2.2.3.7. Hoàn tất văn bản
  - 2.2.3.7.1. Căn lề toàn bộ văn bản
  - 2.2.3.7.2. Thêm, bỏ ngắt trang
  - 2.2.3.7.3. Tạo tiêu đề trang (Header & Footer)
- 2.2.4. In văn bản
- 2.2.5. Phân phối văn bản
- 2.2.6. Soạn thông báo, thư mời
- 2.2.7. Soạn và xử lý văn bản hành chính mẫu

## **Chương IV. SỬ DỤNG BẢNG TÍNH CƠ BẢN**

### **1. Mục tiêu**

*Học xong chương này, người học có khả năng:*

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về bảng tính, trang tính; về sử dụng phần mềm Microsoft Excel;
- Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính Microsoft Excel để tạo bảng tính, trang tính; nhập và định dạng dữ liệu; sử dụng các biểu thức toán học, các hàm cơ bản để tính toán các bài toán thực tế.

### **2. Nội dung**

#### **2.1. Kiến thức cơ bản về bảng tính (Workbook)**

- 2.2.1. Khái niệm bảng tính
- 2.2.2. Các bước xây dựng bảng tính thông thường

#### **2.2. Sử dụng Microsoft Excel**

- 2.2.1. Làm việc với phần mềm Microsoft Excel
  - 2.2.1.1. Mở, đóng phần mềm
  - 2.2.1.2. Giao diện Microsoft Excel
- 2.2.2. Thao tác trên tập tin bảng tính
  - 2.2.2.1. Mở tập tin bảng tính
  - 2.2.2.2. Lưu bảng tính
  - 2.2.2.3. Đóng bảng tính

#### **2.3. Thao tác với ô**

- 2.3.1. Các kiểu dữ liệu
- 2.3.2. Cách nhập dữ liệu
- 2.3.3. Chỉnh sửa dữ liệu
  - 2.3.3.1. Xóa dữ liệu
  - 2.3.3.2. Khôi phục dữ liệu

#### **2.4. Làm việc với trang tính (Worksheet)**

- 2.4.1. Dòng và cột
  - 2.4.1.1. Thêm dòng và cột
  - 2.4.1.2. Xoá dòng và cột
  - 2.4.1.3. Hiệu chỉnh kích thước ô, dòng, cột
  - 2.2.1.4. Ẩn/hiện, cố định (freeze)/ thôi cố định (unfreeze) tiêu đề dòng, cột

## 2.4.2. Trang tính

2.4.2.1. Tạo, xóa, di chuyển, sao chép các trang tính

2.4.2.2. Thay đổi tên trang tính

2.4.2.3. Mở nhiều trang tính

2.4.2.4. Tính toán trên nhiều trang tính

## 2.5. Định dạng ô, dãy ô

2.5.1. Định dạng kiểu số, ngày, tiền tệ

2.5.2. Định dạng văn bản

2.5.3. Căn chỉnh, hiệu ứng viền

## 2.6. Biểu thức và hàm

2.6.1. Biểu thức số học

2.6.1.1. Khái niệm biểu thức số học

2.6.1.2. Tạo biểu thức số học đơn giản

2.6.1.3. Các lỗi thường gặp

2.6.2. Hàm

2.6.2.1. Khái niệm hàm, cú pháp hàm, cách nhập hàm

2.6.2.2. Toán tử so sánh =, <, >

2.6.2.3. Các hàm cơ bản (SUM, AVERAGE, MIN, MAX, COUNT, COUNTA, ROUND, INT, MOD, RANK)

2.6.2.4. Hàm điều kiện IF

2.6.2.5. Các hàm logic (AND, OR)

2.6.2.6. Các hàm ngày (DAY, MONTH, YEAR, NOW)

2.6.2.7. Các hàm chuỗi (LEFT, RIGHT, MID, LEN, UPPER, PROPER, LOWER, VALUE)

2.6.2.8. Các hàm tìm kiếm (VLOOKUP, HLOOKUP)

2.6.2.9. Các hàm có điều kiện (COUNTIF, SUMIF)

## 2.7. Biểu đồ

2.7.1. Tạo biểu đồ

2.7.2. Chỉnh sửa, cắt dán, di chuyển, xóa biểu đồ

## 2.8. Kết xuất và phân phối trang tính, bảng tính

2.8.1. Trình bày trang tính để in

2.8.2. Kiểm tra và in

2.8.3. Phân phối trang tính

## Chương V. SỬ DỤNG TRÌNH CHIẾU CƠ BẢN

### 1. Mục tiêu

*Học xong chương này, người học có khả năng:*

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về sử dụng máy tính và sử dụng phần mềm Microsoft PowerPoint trong việc thiết kế và trình chiếu thông tin;

- Sử dụng được phần mềm trình chiếu Microsoft PowerPoint để soạn thảo nội dung, thiết kế và trình chiếu các nội dung cần thiết cho một bài thuyết trình thông thường.

### 2. Nội dung

#### 2.1. Kiến thức cơ bản về bài thuyết trình

2.1.1. Khái niệm bài thuyết trình

2.1.2. Các bước cơ bản để tạo một bài thuyết trình

#### 2.2. Sử dụng phần mềm Microsoft PowerPoint

2.2.1. Các thao tác tạo trình chiếu cơ bản

2.2.1.1. Giới thiệu Microsoft PowerPoint

- 2.2.1.2. Tạo một bài thuyết trình cơ bản
- 2.2.1.3. Các thao tác trên slide
- 2.2.1.4. Chèn Picture
- 2.2.1.5. Chèn Shapes, WordArt và Textbox
- 2.2.1.6. Chèn Table, Chart, SmartArt
- 2.2.1.7. Chèn Audio, Video
- 2.2.2. Hiệu ứng, trình chiếu và in bài thuyết trình
- 2.2.2.1. Tạo các hiệu ứng hoạt hình cho đối tượng
- 2.2.2.2. Tạo các hiệu ứng chuyển slide
- 2.2.2.3. Cách thực hiện một trình diễn
- 2.2.2.4. Lặp lại trình diễn
- 2.2.2.5. In bài thuyết trình

## **Chương VI. SỬ DỤNG INTERNET CƠ BẢN**

### **1. Mục tiêu**

*Học xong chương này, người học có khả năng:*

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về Internet, WWW (World Wide Web), các thao tác với thư điện tử;
- Sử dụng được các thao tác xử lý cơ bản trên Internet, thư điện tử và tìm kiếm thông tin.
- Nhận biết và thực hiện được các biện pháp an toàn bảo mật thông tin khi sử dụng các thiết bị, trang thông tin liên quan đến Internet.

### **2. Nội dung**

#### **2.1. Kiến thức cơ bản về Internet**

- 2.1.1. Tổng quan về Internet
- 2.1.2. Dịch vụ WWW (World Wide Web)
- 2.1.3. Bảo mật khi làm việc với Internet

#### **2.2. Khai thác và sử dụng Internet**

- 2.2.1. Sử dụng trình duyệt Web
  - 2.2.1.1. Thao tác duyệt web cơ bản
  - 2.2.1.2. Thiết đặt (setting)
  - 2.2.1.3. Chuyển hướng từ nguồn nội dung Internet này qua nguồn khác
  - 2.2.1.4. Đánh dấu
- 2.2.2. Sử dụng Web
  - 2.2.2.1. Biểu mẫu và sử dụng một số dịch vụ công
  - 2.2.2.2. Tìm kiếm, bộ tìm kiếm (máy tìm kiếm)
  - 2.2.2.3. Lưu nội dung
  - 2.2.2.4. In
- 2.2.3. Thư điện tử (Email)
  - 2.2.3.1. Khái niệm thư điện tử
  - 2.2.3.2. Viết và gửi thư điện tử
  - 2.2.3.3. Nhận và trả lời thư điện tử
  - 2.2.3.4. Quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng thư điện tử

#### **2.3. Một số dạng truyền thông số thông dụng**

- 2.3.1. Dịch vụ nhắn tin tức thời
- 2.3.2. Cộng đồng trực tuyến
- 2.3.3. Thương mại điện tử và ngân hàng điện tử

#### **2.4. Kiến thức cơ bản về an toàn và bảo mật thông tin trên mạng**

- 2.4.1. Nguồn gốc các nguy cơ đối với việc đảm bảo an toàn dữ liệu và thông tin
- 2.4.2. Tác dụng và hạn chế chung của phần mềm diệt virus, phần mềm an ninh mạng
- 2.4.3. An toàn thông tin khi sử dụng các loại thiết bị di động và máy tính trên internet
- 2.4.4. An toàn khi sử dụng mạng xã hội

#### **IV. Điều kiện thực hiện môn học**

##### **1. Phòng học chuyên môn/nhà xưởng**

- Phòng máy tính có cấu hình phù hợp (đảm bảo mỗi sinh viên 1 máy). Phòng được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng và máy điều hòa.
- Bàn, ghế cho sinh viên (mỗi bàn đặt 1 bộ máy tính).
- Bàn ghế giảng viên, bảng, máy chiếu, bút bảng.

##### **2. Trang thiết bị máy móc**

- Máy tính cài hệ điều hành Windows, Microsoft Office (Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint), phần mềm tiện ích và có kết nối Internet.
- Các thiết bị phần cứng máy tính gồm: Mainboard, CPU, Ram, Ổ cứng, Card màn hình, Card âm thanh, Card mạng, Vỏ máy tính, Nguồn máy tính, Màn hình, Bàn phím, Chuột, Loa; Các thiết bị mạng cơ bản: Bridge, Repeater, Hub, Switch, Router và Gateway.
- Có một máy server quản lý toàn bộ máy con có kết nối mạng LAN và một máy cho giảng viên.

##### **3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:**

Giáo trình, bài giảng, hệ thống bài tập, tài liệu tham khảo.

##### **4. Các điều kiện khác**

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học theo hình thức trực tuyến.

##### **V. Phương pháp đánh giá**

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

##### **VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập**

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH. Ngoài ra, Hiệu trưởng quy định cụ thể và quyết định miễn trừ học tập môn học như sau:

- Miễn trừ học tập môn học đối với người học có:
  - + Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông;
  - + Chứng chỉ công nghệ thông tin của tổ chức nước ngoài sử dụng ở Việt Nam đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.
- Người học đã có bằng tốt nghiệp trung cấp, Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

##### **Tài liệu tham khảo**

1. Quyết định số 392/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình mục tiêu phát triển công nghiệp công nghệ thông tin đến 2020, tầm nhìn 2025”.
2. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 31/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hoạt động dạy và học nghề đến năm 2020”.
3. Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.
4. Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/06/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin.
5. Thông tư số 44/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về việc công nhận chứng chỉ công nghệ thông tin của tổ chức nước ngoài sử dụng ở Việt Nam đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin
6. Nguyễn Đăng Ty, Hồ Thị Phương Nga, Giáo trình Tin học Đại cương, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2015.
7. Huyền Trang, Sử dụng Internet an toàn, NXB Phụ nữ, 2014.
8. Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiền, Giáo trình thực hành Microsoft Word, NXB Thanh Niên, 2016.
9. Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiền, Giáo trình thực hành Excel, NXB Thanh Niên, 2017.
10. [Joan Lambert](#) and Curtis Frye, Microsoft Office 2016 Step by Step 1st Edition, Microsoft, 2015.
11. Peter Weverka, Office 2016 All-In-One For Dummies 1st Edition, John Wiley & Sons, 2016.
12. Giáo trình môn học Tin học của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 04

**Tên môn học:** PHÁP LUẬT

**Mã số môn học:**

**Thời gian thực hiện môn học:** 15 giờ (Lý thuyết: 09 giờ; Thảo luận, bài tập: 05 giờ; Kiểm tra: 01 giờ)

### I. Vị trí, tính chất của môn học

**1. Vị trí:** Thực hiện ở học kỳ I. Môn học Pháp luật là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

### 2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm một số nội dung về nhà nước và pháp luật; giúp người học có nhận thức đúng và thực hiện tốt các quy định của pháp luật.

### II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

#### 1. Về kiến thức

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hệ thống pháp luật của Việt Nam;
- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; pháp luật dân sự, lao động, hành chính, hình sự; phòng, chống tham nhũng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

#### 2. Về kỹ năng

- Nhận biết được cấu trúc, chức năng của các cơ quan trong bộ máy nhà nước và các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội ở Việt Nam; các thành tố của hệ thống pháp luật và các loại văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam;
- Phân biệt được khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh và vận dụng được các kiến thức được học về pháp luật dân sự, lao động, hành chính, hình sự; phòng, chống tham nhũng; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng vào việc xử lý các vấn đề liên quan trong các hoạt động hàng ngày.

#### 3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Tôn trọng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật; tự chủ được các hành vi của mình trong các mối quan hệ liên quan các nội dung đã được học, phù hợp với quy định của pháp luật và các quy tắc ứng xử chung của cộng đồng và của xã hội.

### III. Nội dung môn học

#### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian học tập (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận/ bài tập	Kiểm tra
1	Pháp luật dân sự	05	03	02	
2	Pháp luật hành chính	04	03	01	
3	Pháp luật hình sự	06	03	02	01
	<b>Cộng</b>	<b>15</b>	<b>09</b>	<b>05</b>	<b>01</b>

#### 2. Nội dung chi tiết:

#### Bài 1: PHÁP LUẬT DÂN SỰ

##### 1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật dân sự.
- Nhận biết được quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản và các vấn đề cơ bản về hợp đồng.

## **2. Nội dung**

- 2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật dân sự
- 2.2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật dân sự
- 2.3. Một số nội dung của Bộ luật dân sự
  - 2.3.1. Quyền sở hữu và quyền khác đối với tài sản
  - 2.3.2. Hợp đồng

## **Bài 2: PHÁP LUẬT HÀNH CHÍNH**

### **1. Mục tiêu**

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật hành chính;
- Nhận biết được các dấu hiệu vi phạm hành chính, nguyên tắc và các hình thức xử lý vi phạm hành chính.

### **2. Nội dung**

- 2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật hành chính
- 2.2. Vi phạm và xử lý vi phạm hành chính
  - 2.2.1. Vi phạm hành chính
  - 2.2.2. Xử lý vi phạm hành chính

## **Bài 3: PHÁP LUẬT HÌNH SỰ**

### **1. Mục tiêu**

- Trình bày được một số nội dung cơ bản của Luật hình sự.
- Nhận biết được các loại tội phạm và các hình phạt.

### **2. Nội dung**

- 2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật hình sự
- 2.2. Một số nội dung cơ bản của Bộ luật hình sự
  - 2.2.1. Tội phạm
  - 2.2.2. Hình phạt

## **IV. Điều kiện thực hiện môn học:**

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học.
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu Projector.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Phim, tranh ảnh minh họa các tình huống pháp luật, tài liệu phát tay cho học sinh, tài liệu tham khảo.
4. Các điều kiện khác:

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

## **V. Phương pháp đánh giá**

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

## **VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập**

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH.

Người học đã có bằng tốt nghiệp trung cấp, Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

**Tài liệu tham khảo**

1. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.
2. Bộ Luật lao động, 2012.
3. Bộ Luật dân sự, 2015.
4. Bộ Luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.
5. Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, 2010.
6. Luật Phòng, chống tham nhũng, 2005.
7. Luật Xử lý vi phạm hành chính, 2012.
8. Quyết định số 1309/QĐ-TTg ngày 05/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân.
9. Quyết định số 1997/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển các hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng giai đoạn 2016 – 2020.
10. Chỉ thị số 10/CT- TTg ngày 12/06/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, đào tạo từ năm học 2013-2014.
11. Thông tư số 08/2014/TT-BLĐTBXH ngày 22/04/2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành chương trình, giáo trình môn học Pháp luật dùng trong đào tạo trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề.
12. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Pháp luật đại cương, Nhà Xuất bản Đại học Sư phạm, 2017.
13. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Tài liệu giảng dạy về phòng, chống tham nhũng dùng cho các trường đại học, cao đẳng không chuyên về luật (Phê duyệt kèm theo Quyết định số 3468/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm 2014).
14. Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học Kinh tế - Luật: Giáo trình Luật Lao động, năm 2016.
15. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật, Nhà Xuất bản Tư pháp, năm 2018.
16. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2017.
17. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật Lao động Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2018.
18. Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2015.
19. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật dân sự Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2017.
20. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật hành chính Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2015.
21. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Xây dựng văn bản pháp luật, Nhà Xuất bản Tư pháp, năm 2016.
22. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, năm 2017.



23. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, năm 2017.
24. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Luật hành chính Việt Nam, năm 2018.
25. Giáo trình môn học Pháp luật của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 05

Tên môn học: GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Mã môn học:

Thời gian thực hiện: 30 giờ (lý thuyết: 01 giờ; thực hành: 27 giờ; kiểm tra: 02 giờ)

### I. Vị trí, tính chất

1. **Vị trí:** Thực hiện ở học kỳ I. Môn học Giáo dục thể chất là môn học điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

### 2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm một số nội dung cơ bản về thể dục, thể thao; giúp người học tập luyện để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

### II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

#### 1. Về kiến thức

Trình bày được tác dụng, các kỹ thuật cơ bản và một số quy định của luật môn thể dục thể thao được học để rèn luyện sức khỏe, phát triển thể lực chung.

#### 2. Về kỹ năng

Tự tập luyện, rèn luyện đúng các yêu cầu về kỹ thuật, quy định của môn thể dục thể thao được học.

#### 3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có ý thức tự giác và hình thành thói quen tập luyện thể dục thể thao hàng ngày để góp phần bảo đảm sức khỏe trong học tập, lao động và trong các hoạt động khác.

### III. Nội dung môn học

#### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Chương, mục	Thời gian học tập(giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
A	<b>Chương I: GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHUNG</b>	<b>14</b>		<b>13</b>	<b>1</b>
1	Bài 1: Thể dục cơ bản	07		07	
2	Bài 2: Điền kinh	07		06	01
B	<b>Chương II: CHUYÊN ĐỀ THỂ DỤC THỂ THAO TỰ CHỌN (chọn 1 trong các chuyên đề sau)</b>	<b>16</b>	<b>01</b>	<b>14</b>	<b>01</b>
1	Chuyên đề 1: Môn bơi lội	16	01	14	01
2	Chuyên đề 2: Môn cầu lông	16	01	14	01
3	Chuyên đề 3: Môn bóng chuyền	16	01	14	01
4	Chuyên đề 4: Môn bóng rổ	16	01	14	01
5	Chuyên đề 5: Môn bóng đá	16	01	14	01
6	Chuyên đề 6: Môn bóng bàn	16	01	14	01
7	Chuyên đề 7: Môn thể dục thể thao khác	16	01	14	01
	<b>Cộng</b>	<b>30</b>	<b>01</b>	<b>27</b>	<b>02</b>

#### 2. Nội dung chi tiết

##### Chương I: GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHUNG

##### Bài 1: THỂ DỤC CƠ BẢN

#### 1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật cơ bản của một số bài thể dục cơ bản;
- Thực hiện được đúng động tác kỹ thuật của các bài thể dục được học.

## **2. Nội dung**

- 2.1. Giới thiệu về thể dục cơ bản
- 2.2. Thể dục tay không liên hoàn
  - 2.2.1. Tác dụng của thể dục tay không liên hoàn
  - 2.2.2. Các động tác kỹ thuật
- 2.3. Thể dục cơ bản với dụng cụ đơn giản
  - 2.3.1. Tác dụng của thể dục cơ bản với dụng cụ đơn giản
  - 2.3.2. Các động tác kỹ thuật

## **Bài 2: ĐIỀN KINH**

### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật cơ bản và một số nội dung trong Luật Điền kinh như: Chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình, nhảy xa hoặc nhảy cao;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật và bảo đảm các yêu cầu khác của môn điền kinh được học.

### **2. Nội dung**

- 2.1. Chạy cự ly ngắn
  - 2.1.1. Tác dụng của chạy cự ly ngắn
  - 2.1.2. Các động tác kỹ thuật
  - 2.1.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về chạy cự ly ngắn
- 2.2. Chạy cự ly trung bình
  - 2.2.1. Tác dụng của chạy cự ly trung bình
  - 2.2.2. Các động tác kỹ thuật
  - 2.2.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về chạy cự ly trung bình
- 2.3. Nhảy cao hoặc nhảy xa

Tùy theo điều kiện cụ thể, Hiệu trưởng nhà trường quyết định chọn dạy một trong hai nội dung điền kinh dưới đây: Nhảy cao hoặc nhảy xa.

- 2.3.1. Nhảy cao
  - 2.3.1.1. Tác dụng của nhảy cao
  - 2.3.1.2. Các động tác kỹ thuật
  - 2.3.1.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về nhảy cao
- 2.3.2. Nhảy xa
  - 2.3.2.1. Tác dụng của nhảy xa
  - 2.3.2.2. Các động tác kỹ thuật
  - 2.3.2.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về nhảy xa

## **Chương II: CHUYÊN ĐỀ THỂ DỤC THỂ THAO TỰ CHỌN**

*(Chọn 1 trong các chuyên đề sau)*

### **Chuyên đề 1: MÔN BƠI LỘI**

#### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật bơi;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bơi lội.

#### **2. Nội dung**

- 2.1. Tác dụng của môn Bơi lội

- 2.2. Các động tác kỹ thuật
  - 2.2.1. Làm quen với nước, phương pháp thở nước và thả nổi
  - 2.2.2. Động tác chân và tay
  - 2.2.3. Phối hợp tay - chân
  - 2.2.4. Phối hợp tay - chân - thở
  - 2.2.5. Kỹ thuật xuất phát
  - 2.2.6. Kỹ thuật quay vòng
  - 2.2.7. Kỹ thuật về đích
- 2.3. Một số quy định của Luật bơi

## **Chuyên đề 2: MÔN CẦU LÔNG**

### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Cầu lông;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Cầu lông.

### **2. Nội dung**

- 2.1. Tác dụng của môn Cầu lông
- 2.2. Các động tác kỹ thuật
  - 2.2.1. Tư thế cơ bản và cách cầm vợt
  - 2.2.2. Các bước di chuyển (phải trái, trước, sau, chéo), bước đơn, kép, đệm
  - 2.2.3. Kỹ thuật đánh cầu phải, trái cao tay
  - 2.2.4. Kỹ thuật đánh cầu phải, trái thấp tay
  - 2.2.5. Kỹ thuật đánh cầu sát lưới và bỏ nhỏ
  - 2.2.6. Kỹ thuật phát cầu (thấp gần, cao sâu)
  - 2.2.7. Kỹ thuật đập cầu
  - 2.2.8. Chiến thuật thi đấu
- 2.3. Một số quy định của Luật Cầu lông

## **Chuyên đề 3: MÔN BÓNG CHUYỀN**

### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng chuyền;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bóng chuyền.

### **2. Nội dung**

- 2.1. Tác dụng của môn Bóng chuyền
- 2.2. Các động tác kỹ thuật
  - 2.2.1. Tư thế cơ bản, các bước di chuyển
  - 2.2.2. Kỹ thuật chuyền bóng cao tay cơ bản (chuyền bước 2)
  - 2.2.3. Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay cơ bản (chuyền bước 1)
  - 2.2.4. Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt
  - 2.2.5. Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt
  - 2.2.6. Kỹ thuật chắn bóng
  - 2.2.7. Kỹ thuật đập bóng theo phương lấy đà
- 2.3. Một số quy định của Luật Bóng chuyền

## **Chuyên đề 4: MÔN BÓNG RỔ**

### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng rổ;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bóng rổ

## **2. Nội dung**

- 2.1. Tác dụng của môn Bóng rổ
- 2.2. Các động tác kỹ thuật
  - 2.2.1. Cách cầm bóng và tư thế chuẩn bị và di chuyển
  - 2.2.2. Kỹ thuật dẫn bóng
  - 2.2.3. Kỹ thuật chuyền bóng và bắt bóng hai tay trước ngực
  - 2.2.4. Kỹ thuật bắt bóng bằng một tay
  - 2.2.5. Kỹ thuật bắt bóng bằng hai tay
  - 2.2.6. Kỹ thuật ném rổ bằng một tay trên vai
  - 2.2.7. Kỹ thuật ném rổ bằng hai tay trước ngực
  - 2.2.8. Kỹ thuật hai bước ném rổ
- 2.3. Một số quy định của Luật Bóng rổ

### **Chuyên đề 5: MÔN BÓNG ĐÁ**

#### **1. Mục tiêu**

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng đá;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bóng đá.

#### **2. Nội dung**

- 2.1. Tác dụng của môn Bóng đá
- 2.2. Các động tác kỹ thuật
  - 2.2.1. Kỹ thuật di chuyển
  - 2.2.2. Kỹ thuật dẫn bóng
  - 2.2.3. Kỹ thuật giữ/ không chế bóng
  - 2.2.4. Kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân
  - 2.2.5. Kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân
  - 2.2.6. Kỹ thuật đá bóng bằng mu giữa bàn chân
  - 2.2.7. Kỹ thuật đá biên hoặc ném biên
- 2.3. Một số quy định của Luật Bóng đá

### **Chuyên đề 6: MÔN BÓNG BÀN**

#### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng bàn;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bóng bàn.

#### **2. Nội dung**

- 2.1. Tác dụng của môn Bóng bàn
- 2.2. Các động tác kỹ thuật
  - 2.2.1. Cách cầm vợt và tư thế chuẩn bị và di chuyển
  - 2.2.2. Kỹ thuật giao bóng, đỡ giao bóng thuận tay và trái tay
  - 2.2.3. Kỹ thuật lúp bóng thuận tay và trái tay
  - 2.2.4. Kỹ thuật bạt bóng thuận và trái tay
  - 2.2.5. Kỹ thuật gò bóng thuận và trái tay
  - 2.2.6. Kỹ thuật tấn công và phòng thủ (thuận và trái tay)
- 2.3. Một số quy định của Luật Bóng bàn

### **Chuyên đề 7: MÔN THỂ DỤC THỂ THAO KHÁC**

Căn cứ vào điều kiện thực tế và nhu cầu của người học, Hiệu trưởng nhà trường có thể xem xét, quyết định xây dựng và thực hiện các chuyên đề thể dục thể thao tự chọn khác như: Võ thuật, đẩy tạ, tennis, đá cầu...bảo đảm yêu cầu về mục tiêu, nội dung và thời lượng của chuyên đề thể dục thể thao.

#### **IV. Điều kiện thực hiện môn học**

1. Điều kiện chung: Nhà tập luyện/ thi đấu đa năng; video/clip, tranh ảnh, máy chiếu, loa, đài, còi, cờ lệnh, đồng hồ bấm giờ; bàn, ghế; quần áo tập luyện, dụng cụ y tế.

#### **2. Trang thiết bị**

##### **2.1. Đối với giáo dục thể chất chung**

- Thẻ đục cơ bản: Sân tập, còi, tranh động tác, thảm tập; dụng cụ tập như gậy, bóng, hoa; nhạc tập và các thiết bị khác.

- Điền kinh:

+ Chạy cự ly ngắn và trung bình: Sân chạy, dụng cụ phát lệnh, bàn đạp xuất phát và các thiết bị khác;

+ Nhảy cao: Nệm nhảy cao, trụ, xà nhảy cao và các thiết bị khác;

+ Nhảy xa: Hồ nhảy xa, thước đo và các thiết bị khác.

##### **2.2. Đối với chuyên đề thể dục thể thao tự chọn:**

- Môn bơi lội: Hồ bơi, phao bơi, nón bơi, kính bơi và các thiết bị khác;

- Môn cầu lông: Sân cầu lông, bộ trụ; lưới, vợt, quả cầu lông, bảng lật tỷ số và các và các thiết bị khác;

- Môn bóng chuyền: Sân bóng chuyền; trụ, lưới, bóng chuyền; bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;

- Môn bóng rổ: Sân bóng rổ, trụ bóng rổ; bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;

- Môn bóng đá: Sân bóng đá, khung thành, bóng đá, thẻ phạt, bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;

- Môn bóng bàn: Phòng tập; bàn, vợt, bóng, bảng lật tỷ số và các thiết bị khác.

#### **3. Các điều kiện khác**

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đầu tư phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

#### **V. Phương pháp đánh giá**

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

#### **VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập**

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTĐ.

Người học đã có bằng tốt nghiệp trung cấp, Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

#### **Tài liệu tham khảo**

1. Nghị định số 11/2015/NĐ-CP ngày 32/01/2015 của Chính phủ Quy định về Giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường.

2. Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025;

3. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Cầu lông, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2000.

4. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bơi thể thao, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.
5. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Thể dục, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2009.
6. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bóng chuyền, Nhà xuất bản Thể dục thể thao, năm 2006.
7. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Điền kinh (sách giáo khoa), năm 2006.
8. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bóng đá, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2007.
9. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bơi thể thao, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.
10. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình điền kinh, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.
11. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng rổ, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.
12. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng đá, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2017.
13. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bơi lội (tập 1, tập 2), Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.
14. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng bàn, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2014.
15. Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Điền kinh, năm 2016.
16. Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh: Giáo trình Bóng chuyền, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2014.
17. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình thể dục (tập 1, tập 2) Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2014.
18. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình điền kinh, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2014.
19. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình bóng bàn, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.
20. Luật các môn thể thao và các tài liệu tham khảo khác./.
21. Giáo trình môn học Giáo dục thể chất của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 06

**Tên môn học:** GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG – AN NINH

**Mã môn học:**

**Thời gian thực hiện:** 30 giờ (Lý thuyết: 15 giờ; thực hành, thảo luận: 14 giờ; Kiểm tra: 01 giờ)

### **I. Vị trí, tính chất của môn học**

**1. Vị trí:** Thực hiện ở học kỳ I. Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh là môn học điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo cao đẳng.

### **2. Tính chất**

Chương trình môn học bao gồm những nội dung cơ bản về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; có kiến thức cơ bản về phòng thủ dân sự, rèn luyện kỹ năng quân sự; sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc.

### **II. Mục tiêu môn học**

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:

#### **1. Về kiến thức**

- Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;
- Trình bày được một số nội dung cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng;
- Trình bày được những vấn đề cơ bản về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh;
- Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội; tác dụng, tính năng, cấu tạo và cách thức sử dụng của một số loại vũ khí bộ binh thông thường; kỹ thuật cấp cứu chuyên thương.

#### **2. Về kỹ năng**

- Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay;
- Nhận biết được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;
- Xác định được một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam;
- Nhận thức đúng đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh;
- Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị; kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh; cấp cứu chuyên thương.

#### **3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**



- Luôn có tinh thần cảnh giác cao trước những âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch; chấp hành tốt mọi đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh;
- Rèn luyện bản lĩnh chính trị, đạo đức, hình thành lối sống có kỷ luật, có ý thức tự giác và tác phong nhanh nhẹn trong các hoạt động;
- Sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc và các hoạt động xã hội góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc;
- Có ý thức, trách nhiệm trong việc xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; chiến tranh nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh.

### III. Nội dung môn học

#### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương, bài	Thời gian học tập (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thảo luận	Kiểm tra
1	Bài 1: Đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước Việt Nam về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng	05	03	02	
2	Bài 2: Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	05	03	02	
3	Bài 3: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam	05	03	02	
4	Bài 4: Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh	05	03	02	
5	Bài 5: Giới thiệu và hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh	10	03	06	01
	<b>CỘNG</b>	<b>30</b>	<b>15</b>	<b>14</b>	<b>01</b>

#### 2. Nội dung chi tiết

#### **Bài 1: ĐƯỜNG LỐI QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC VIỆT NAM VỀ BẢO VỆ AN NINH CHÍNH TRỊ, KINH TẾ, VĂN HÓA, TƯ TƯỞNG**

##### 1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về đường lối quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng;
- Nhận thức đúng đường lối quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng.

##### 2. Nội dung

2.1. Quan điểm và tư tưởng chỉ đạo của Đảng về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.1.1. Bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng là nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam

2.1.2. Quan điểm cơ bản của Đảng về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

- 2.2. Nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng
- 2.2.1. Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng
- 2.2.2. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với việc tăng cường bảo vệ an ninh chính trị, văn hóa, tư tưởng trên cơ sở phát huy mọi tiềm năng của đất nước
- 2.2.3. Tăng cường đổi mới và nâng cao chất lượng công tác hội nhập quốc tế về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng
- 2.3. Những giải pháp cơ bản về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng
- 2.4. Thảo luận

## **Bài 2: CHIẾN TRANH NHÂN DÂN BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA**

### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được các nội dung cơ bản về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;
- Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

### **2. Nội dung**

- 2.1. Những vấn đề chung về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc
  - 2.1.1. Mục đích, đối tượng của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc
  - 2.1.2. Tính chất đặc điểm của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc
- 2.2. Quan điểm của Đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc
  - 2.2.1. Tiến hành chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc, lấy lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt. Kết hợp tác chiến của lực lượng vũ trang địa phương với tác chiến của các binh đoàn chủ lực
  - 2.2.2. Tiến hành chiến tranh toàn diện, kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hoá và tư tưởng, lấy đấu tranh quân sự là chủ yếu, lấy thắng lợi trên chiến trường là yếu tố quyết định để giành thắng lợi trong chiến tranh
  - 2.2.3. Chuẩn bị mọi mặt trên cả nước cũng như từng khu vực để đủ sức đánh được lâu dài, ra sức thu hẹp không gian, rút ngắn thời gian của chiến tranh giành thắng lợi càng sớm càng tốt
  - 2.2.4. Kết hợp kháng chiến với xây dựng, vừa kháng chiến vừa xây dựng, ra sức sản xuất thực hành tiết kiệm giữ gìn và bồi dưỡng lực lượng ta càng đánh càng mạnh
  - 2.2.5. Kết hợp đấu tranh quân sự với bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, trấn áp kịp thời mọi âm mưu và hành động phá hoại gây bạo loạn
  - 2.2.6. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, phát huy tinh thần tự lực tự cường, tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế, sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới
- 2.3. Một số nội dung chủ yếu của chiến tranh nhân dân
  - 2.3.1. Tổ chức thế trận chiến tranh nhân dân
  - 2.3.2. Tổ chức lực lượng chiến tranh nhân dân
- 2.4. Thảo luận

## **Bài 3: XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN VIỆT NAM**

### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những vấn đề cơ bản về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam;

- Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.

## **2. Nội dung**

2.1. Khái niệm, đặc điểm và những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Đặc điểm liên quan đến xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

2.1.3. Những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ mới

2.2. Phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong giai đoạn mới

2.2.1. Xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng

2.2.2. Chính quy

2.2.3. Tinh nhuệ

2.2.4. Từng bước hiện đại

2.3. Những biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

2.4. Thảo luận

## **Bài 4: KẾT HỢP PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VỚI TĂNG CƯỜNG, CỨNG CỐ QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH**

### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những vấn đề cơ bản về việc kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh;

- Nhận thức đúng trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh.

### **2. Nội dung**

2.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh ở Việt Nam

2.1.1. Cơ sở lý luận của sự kết hợp

2.1.2. Cơ sở thực tiễn của sự kết hợp

2.2. Nội dung kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh với đối ngoại ở nước ta hiện nay

2.2.1. Kết hợp trong xác định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội

2.2.2. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong phát triển các vùng lãnh thổ

2.2.3. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong các ngành, các lĩnh vực kinh tế chủ yếu

2.2.4. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong thực hiện nhiệm vụ chiến lược bảo vệ Tổ quốc

2.2.5. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong hoạt động đối ngoại

2.3. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh ở Việt Nam hiện nay

2.4. Thảo luận

## **Bài 5: GIỚI THIỆU VÀ HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT SỬ DỤNG MỘT SỐ LOẠI VŨ KHÍ BỘ BINH**

### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, tính năng chiến đấu, cấu tạo, chuyển động của một số loại vũ khí bộ binh;
- Thực hiện đúng động tác tháo lắp súng bộ binh và kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh;
- Có ý thức giữ gìn, bảo quản và sử dụng vũ khí bộ binh trong tập luyện và chiến đấu.

## **2. Nội dung**

### **2.1. Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh**

#### **2.1.1. Súng trường CKC**

#### **2.1.2. Súng tiểu liên AK**

#### **2.1.3. Súng trung liên RPD cỡ 7,62 mm**

#### **2.1.4. Súng diệt tăng B41**

#### **2.1.5. Lựu đạn cần 97 Việt Nam, lựu đạn F-1**

### **2.2. Hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh**

#### **2.2.1. Kỹ thuật tháo và lắp một số loại vũ khí bộ binh**

#### **2.2.2. Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK và súng trường CKC**

#### **2.2.3. Kỹ thuật sử dụng lựu đạn cần 97 Việt Nam và Lựu đạn F-1**

### **2.3. Thực hành**

## **IV. Điều kiện thực hiện môn học**

### **1. Địa điểm học tập**

Phòng học, thao trường, bãi tập và các địa điểm khác đáp ứng điều kiện thực hiện môn học.

### **2. Trang thiết bị**

#### **2.1. Tài liệu:**

Giáo trình Giáo dục quốc phòng và an ninh bậc trung cấp và các tài liệu tham khảo khác do Hiệu trưởng nhà trường quyết định theo quy định của pháp luật.

#### **2.2. Tranh, phim ảnh:**

- Sơ đồ tổ chức Quân đội và Công an;
- Cấu tạo, sử dụng một số loại lựu đạn;
- Kỹ thuật băng bó cấp cứu, chuyển thương;
- Súng tiểu liên AK, súng trường CKC, súng trung liên RPD, súng diệt tăng B41;
- Các tư thế, động tác bắn súng AK, CKC;
- Cấu tạo và động tác sử dụng lựu đạn  $\Phi 1$ , lựu đạn cần 97;
- Phim ảnh về giáo dục quốc phòng và an ninh.

#### **2.3. Mô hình vũ khí:**

- Mô hình súng AK-47, CKC, RPD, B41 cắt bỏ;
- Mô hình súng tiểu liên AK-47, CKC luyện tập;
- Mô hình lựu đạn  $\Phi 1$ , lựu đạn cần 97 cắt bỏ;
- Mô hình lựu đạn  $\Phi 1$ , lựu đạn cần 97 luyện tập.

#### **2.4. Máy bắn tập:**

- Máy bắn MBT-03;
- Thiết bị tạo tiếng nổ và lực giật cho máy bắn tập MBT-03 TNAK-12;
- Thiết bị theo dõi đường ngắm RDS-07;
- Lựu đạn tập nổ nhiều lần sử dụng CO<sub>2</sub> lỏng (LĐT-15).

#### **2.5. Thiết bị khác:**

- Bao đạn, túi đựng lựu đạn;
- Bộ bia (khung + mặt bia số 4);
- Giá đặt bia đa năng;

- Kính kiểm tra đường ngắm;
- Đồng tiền di động;
- Mô hình đường đạn trong không khí;
- Hộp dụng cụ huấn luyện;
- Thiết bị tạo tiếng súng và tiếng nổ giả;
- Dụng cụ băng bó cứu thương;
- Cáng cứu thương;
- Giá súng và bàn thao tác;
- Tủ đựng súng và thiết bị.

## 2.6. Trang phục:

- Trang phục giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục quốc phòng và an ninh
- + Trang phục mùa hè;
- + Trang phục dã chiến;
- + Mũ Kêpi;
- + Mũ cứng;
- + Mũ mềm;
- + Thất lưng;
- + Giày da;
- + Tất sợi;
- + Sao mũ Kêpi giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Sao mũ cứng giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Sao mũ mềm giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Nền cấp hiệu giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Nền phù hiệu giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Biển tên;
- + Ca vát.
- Trang phục người học giáo dục quốc phòng và an ninh
- + Trang phục hè;
- + Mũ cứng;
- + Mũ mềm;
- + Giày vải;
- + Tất sợi;
- + Sao mũ cứng giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Thất lưng;
- + Sao mũ mềm giáo dục quốc phòng và an ninh.

## 3. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy nội dung lý thuyết theo hình thức trực tuyến.

### Tài liệu tham khảo:

1. Chỉ thị 12-CT/TW ngày 03/05/2007 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Giáo dục quốc phòng và an ninh trong tình hình mới.
2. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII”, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016.
3. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.
4. Luật Biên giới quốc gia, 2004.
5. Luật nghĩa vụ quân sự, 2015.

6. Luật an ninh quốc gia, 2004.
7. Bộ luật hình sự, 2015.
8. Luật phòng chống tham nhũng, 2005; sửa đổi bổ sung năm 2018.
9. Luật tín ngưỡng, tôn giáo, 2016.
10. Luật Quốc phòng, 2006; sửa đổi, bổ sung năm 2018.
11. Luật giáo dục quốc phòng và an ninh, 2013.
12. Luật biên Việt Nam, 2012.
13. Luật Dân quân tự vệ, 2009.
14. Luật phòng, chống ma túy, năm 2000; sửa đổi, bổ sung năm 2009.
15. Pháp lệnh số 10/2003/PL-UBTVQH11 ngày 17/03/2003 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phòng, chống mại dâm.
16. Nghị định số 116/2006/NĐ-CP ngày 06/10/2006 của Chính phủ về động viên quốc phòng.
17. Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc.
18. Nghị định số 25/2014/NĐ-CP ngày 07/04/2014 quy định về phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác có sử dụng công nghệ cao.
19. Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết về biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh.
20. Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ.
21. Thông tư số 01/2018/TT-BGDĐT ngày 26/01/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn học giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (có cấp trung học phổ thông), trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.
22. Thông tư số 02/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung học phổ thông.
23. Thông tư số 08/2015/TT-BLĐTBXH ngày 27/02/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Ban hành chương trình, giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh dùng cho trình độ trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề.
24. Thông tư số 03/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.
25. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1, tập 2 dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng, Nhà xuất bản Giáo dục 2007.
26. Học viện chính trị: Phòng, chống "diễn biến hòa bình" ở Việt Nam - những vấn đề lý luận và thực tiễn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2009.
27. Giáo trình Giáo dục an ninh - trật tự, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam 2012.
28. Điều lệnh quản lý bộ đội, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 2011.
29. Sách dạy bắn súng tiểu liên AK, Cục quân huấn, BTTM, năm 1997.
30. Sách dạy bắn súng trung liên RPD, Cục quân huấn, BTTM, năm 2000.
31. Sách dạy bắn súng diệt tăng B41, Cục quân huấn, BTTM, năm 2002./.
32. Giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng – An ninh của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.



## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 07

**Tên môn học:** SINH HỌC VÀ DI TRUYỀN

**Mã môn học:**

**Thời gian thực hiện:** 20 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Kiểm tra: 01 giờ)

### I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học này thực hiện học kỳ I.

- Tính chất: Môn học này trang bị cho sinh viên những nguyên lý sinh học cơ bản và hiện đại (nhất là sinh học phân tử), giúp cho việc học các môn y học cơ sở và lâm sàng, làm được một số kỹ thuật để minh họa kiến thức sinh học đại cương. Cung cấp các kiến thức về cơ sở vật chất và các qui luật di truyền chi phối các tính trạng của người, giải thích nguyên nhân, cơ chế sinh bệnh của một số bệnh, tật di truyền ở người, thực hiện được một số xét nghiệm di truyền học; hình thành và rèn luyện tác phong nghiêm túc, thận trọng, chính xác, khoa học trong thực hành tại phòng thực tập.

### II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

+ Trình bày cấu trúc vi thể, siêu vi thể và chức năng của tế bào.

+ Trình bày quá trình phát triển cá thể và các nhân tố tác động lên sự phát triển cá thể.

+ Trình bày các nguyên lý của di truyền học cơ sở và bước đầu vận dụng vào di truyền người.

+ Trình bày xu thế phát triển của sinh học phân tử và các nguyên lý sinh thái có quan hệ đến loài người.

- Về kỹ năng:

+ Nhận biết được cấu trúc và chức năng của tế bào

+ Nhận biết được bộ nhiễm sắc thể người về hình thái

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Người học vận dụng kiến thức và kỹ năng đã được học vào thực tế

+ Thể hiện ý thức, thận trọng trong việc học môn sinh học và di truyền để phục vụ cho học tập chuyên môn và phát triển nghề nghiệp.

### III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian học tập (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
	<b>Chương 1: Tế bào, sinh học phân tử</b>	<b>12</b>	<b>12</b>	
1	Hệ thống tế bào	02	02	
2	Cấu trúc và chức năng của tế bào	02	02	
3	Sự phân chia tế bào	02	02	
4	Sự phát triển giao tử ở người	02	02	
5	Sinh học phát triển	02	02	
6	Các qui luật di truyền	02	02	
	<b>Chương 2 : Nhiễm sắc thể, di truyền</b>	<b>08</b>	<b>07</b>	<b>01</b>
7	Nhiễm sắc thể người và bệnh học nhiễm sắc thể người	02	02	
8	Di truyền giới tính và bệnh học di truyền giới tính	02	02	
9	Sinh học phân tử	02	02	



Số TT	Tên chương, mục	Thời gian học tập (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
10	Sinh thái học	02	01	01
	<b>Cộng</b>	<b>20</b>	<b>19</b>	<b>01</b>

## 2. Nội dung chi tiết

### Chương 1. Tế bào – sinh học phân tử

#### 1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được cấu trúc, chức năng, phân chia của tế bào
- 1.2. Trình bày được sự phát triển giao tử và các qui luật di truyền.

#### 2. Nội dung chương

##### 2.1. Hệ thống tế bào.

- 2.1.1. Khái quát hệ thống sống
- 2.1.2. Lịch sử phát triển của tế bào
- 2.1.3. Phương pháp nghiên cứu trong sinh học tế bào
- 2.1.4. Sinh học tế bào với sản xuất đời sống

##### 2.2. Cấu trúc và chức năng của tế bào.

- 2.2.1. Hình dạng tế bào
- 2.2.2. Kích thước tế bào
- 2.2.3. Số lượng tế bào
- 2.2.4. Các dạng tế bào và cấu trúc đại cương

##### 2.3. Sự phân chia tế bào.

- 2.3.1. Sự phân bào trực phân
- 2.3.2. Sự phân bào gián phân
- 2.3.3. Phân bào giảm nhiễm

##### 2.4. Sự phát triển giao tử ở người.

- 2.4.1. Nguồn gốc 2 dòng tế bào xôma và sinh dục
- 2.4.2. Sự phát triển giao tử
- 2.4.3. Nguồn gốc các giao tử
- 2.4.4. Quá trình tạo giao tử

##### 2.5. Sinh học phát triển.

- 2.5.1. Giai đoạn tạo giao tử
- 2.5.2. Giai đoạn tạo hợp tử
- 2.5.3. Giai đoạn tạo phôi thai
- 2.5.4. Giai đoạn sinh trưởng
- 2.5.5. Giai đoạn trưởng thành

##### 2.5.6. Giai đoạn già lão

##### 2.5.7. Giai đoạn tử vong

##### 2.6. Các qui luật di truyền.

- 2.6.1. Quy luật Mendel
- 2.6.2. Quy luật Mendel – Quy luật phân ly độc lập
- 2.6.3. Tương tác gen và tác động đa hiệu của gen
- 2.6.4. Liên kết gen
- 2.6.5. Hoán vị gen
- 2.6.6. Di truyền liên kết với giới tính và di truyền ngoài nhân
- 2.6.7. Ảnh hưởng của môi trường lên sự biểu hiện của gen

### Chương 2. Nhiễm sắc thể, di truyền

1. Mục tiêu:
  - 1.1. Trình bày được cấu trúc, chức năng, phân chia của nhiễm sắc thể.
  - 1.2. Trình bày được đặc điểm di truyền từng nhóm bệnh di truyền
2. Nội dung:
  - 2.1. Nhiễm sắc thể người và bệnh học nhiễm sắc thể người.
    - 2.1.1. Sơ lược lịch sử nghiên cứu NST người
    - 2.1.2. Phương pháp xét nghiệm nhiễm sắc thể người
    - 2.1.3. Đặc điểm bộ nhiễm sắc thể người
    - 2.1.4. Bệnh do rối loạn nhiễm sắc thể thường
    - 2.1.5. Bệnh do rối loạn nhiễm sắc thể giới tính
  - 2.2. Di truyền giới tính và bệnh học di truyền giới tính.
    - 2.2.1. Lịch sử của di truyền học
    - 2.2.2. Nội dung của di truyền học người
    - 2.2.3. Bệnh di truyền đơn gen, đa gen
    - 2.2.4. Bệnh di truyền Hemoglobin, nhóm máu
    - 2.2.5. Bệnh di truyền ung thư, di truyền học quần thể người
  - 2.3. Sinh học phân tử.
    - 2.3.1. DNA, chức năng của DNA, cơ chế tự nhân đôi của DNA
    - 2.3.2. RNA, quá trình phiên mã
    - 2.3.3. Cấu trúc và chức năng của protein
    - 2.3.4. Quá trình dịch mã và điều hòa sinh tổng hợp protein
  - 2.4. Sinh thái học.
    - 2.4.1. Định nghĩa
    - 2.4.2. Đối tượng sinh thái học
    - 2.4.3. Mối quan hệ giữa sinh thái học với các môn học khác
    - 2.4.4. Phương pháp nghiên cứu sinh thái học
    - 2.4.5. Lịch sử phát triển sinh thái học
    - 2.4.6. Ý nghĩa của sinh thái học

#### **IV. Điều kiện thực hiện môn học:**

1. Phòng học chuyên môn: Lý thuyết học trên hội trường, thực hành trên hội trường
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR, kính hiển vi, máy chiếu Video
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, phấn, transferan, tranh ảnh, lam); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.
4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

#### **V. Nội dung và phương pháp đánh giá:**

1. Nội dung:
  - Về kiến thức: đánh giá qua bài thi tự luận/ trắc nghiệm các nội dung về cơ sở vật chất và các qui luật di truyền, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của một số bệnh, tật di truyền ở người.
  - Về kỹ năng: đánh giá bằng thi thực hành chạy trạm (trả lời câu hỏi qua tranh ảnh, nhận định mẫu trên lam kính, trên kính hiển vi, tình huống qua chiếu video).

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Tự học tập, tìm tài liệu mở rộng kiến thức, độc lập nhận định được các mẫu trong giờ thực hành trên lớp và tại các phòng xét nghiệm tại các cơ sở y tế đến thực tập..

2. Phương pháp:

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

**VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:**

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học bổ trợ.

2. Phương pháp giảng dạy:

- Đối với giảng viên: thuyết trình, diễn giảng có minh họa, phát vấn, thảo luận nhóm và hướng dẫn giải quyết các bài tập tình huống có liên quan.

- Đối với học sinh: Tự học, thảo luận nhóm, làm bài tập tình huống.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Không

4. Tài liệu học tập/ tham khảo:

- Giáo trình học phần Sinh học đại cương và di truyền do nhà trường biên soạn

- Đại học Y Hà Nội, Bài giảng sinh học tế bào, NXB Y học.

- Đại học Y Hà Nội, Sinh học, NXB Y học.

- Đại học Quốc gia Hà Nội, Bệnh học di truyền, NXB Giáo dục.

5. Ghi chú và giải thích: Toán – Tin – Hóa – Sinh – Ngoại ngữ thuộc khoa khoa học cơ bản.

6. Giáo trình môn học Sinh học và di truyền của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 08

**Tên môn học:** VẬT LÝ ĐẠI CƯƠNG VÀ LÝ SINH

**Mã môn học:**

**Thời gian thực hiện:** 20 giờ (Lý thuyết: 19 giờ, Kiểm tra: 01 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học thực hiện học kỳ I, sau môn học sinh học và di truyền.
- Tính chất: Cung cấp cho sinh viên thuộc đối tượng cao đẳng điều dưỡng các kiến thức cơ bản về cơ sở lý thuyết vật lý-lý sinh, vận dụng được các kiến thức môn học vào các học phần khác. Hình thành và rèn luyện tác phong nghiêm túc, thận trọng, chính xác, khoa học trong thực hành nghề nghiệp.

II. Mục tiêu môn học:

- + Trình bày được những khái niệm cơ bản về sinh lý y học.
- + Trình bày được sự phân cực của chất điện môi; Tương tác từ của dòng điện; Bản chất của dòng điện; Dòng điện và sự sống; Quang sinh học; Phóng xạ sinh học
- + Trình bày được cơ chế vật lý của các quá trình sinh học xảy ra trong cơ thể con người.
- + Trình bày được Lý sinh tuần hoàn, hô hấp và một số cơ quan cảm giác
- Về kỹ năng
- + Áp dụng được những kiến thức đã học để chăm sóc bệnh nhân một cách khoa học.
- + Trình bày một số phương pháp vật lý cơ bản được sử dụng phổ biến trong lĩnh vực hiện nay.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm
- + Vận dụng được các kiến thức trên vào việc học tập và nghiên cứu các môn Y học cơ sở và y học lâm sàng.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

Số TT	Tên chương, bài	Thời gian học tập (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
	<b>Chương 1: Vật lý đại cương</b>	12	12	
1	Sự phân cực của chất điện môi	02	02	
2	Tương tác từ của dòng điện	02	02	
3	Bản chất của dòng điện	02	02	
4	Dòng điện và sự sống	02	02	
5	Quang sinh học	02	02	
6	Phóng xạ sinh học	02	02	
	<b>Chương 2: Lý sinh trong Y học</b>	08	07	
7	Lý sinh tuần hoàn và hô hấp	02	02	
8	Lý sinh một số cơ quan cảm giác	02	02	
9	Một số phương pháp lý sinh dùng trong y học	02	02	
10	Phương pháp xử lý số liệu thực nghiệm	02	01	01
	<b>Cộng</b>	<b>20</b>	<b>19</b>	<b>01</b>

2. Nội dung chi tiết

## **Chương 1. Vật lý đại cương**

### 1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được sự phân cực của chất điện môi; Tương tác từ của dòng điện; Bản chất của dòng điện; Dòng điện và sự sống; Quang sinh học; Phóng xạ sinh học.

### 2. Nội dung chương

#### 2.1. Sự phân cực của chất điện môi

##### 2.1.1 Hiện tượng phân cực điện môi

##### 2.1.2. Phân tử phân cực và phân tử không phân cực

##### 2.1.3. Giải thích hiện tượng phân cực điện môi

#### 2.2. Tương tác từ của dòng điện

##### 2.2.1. Thí nghiệm về tương tác của dòng điện

##### 2.2.2. Định luật Ampère về tương tác từ của dòng điện

#### 2.3. Bản chất của dòng điện

##### 2.3.1. Định nghĩa dòng điện

##### 2.3.2. Bản chất của dòng điện

##### 2.3.3. Tác dụng của dòng điện

#### 2.4. Dòng điện và sự sống

##### 2.4.1 Hiện tượng định sinh vật

##### 2.4.2. Tác dụng của dòng điện lên cơ thể và ứng dụng trong điều trị

#### 2.5. Quang sinh học

##### 2.5.1. Đại cương về tác dụng của ánh sáng lên cơ thể sống

##### 2.5.2. Một số quá trình quang sinh

#### 2.6. Phóng xạ sinh học.

##### 2.6.1. Bức xạ ion hóa

##### 2.6.2. Tác dụng sinh học của bức xạ ion hóa

## **Chương 2: Lý sinh trong y học**

### 1. Mục tiêu:

- Trình bày được Lý sinh tuần hoàn, hô hấp và một số cơ quan cảm giác.

- Thực hiện được một số phương pháp lý sinh dùng trong y học.

- Thực hiện phương pháp xử lý số liệu thực nghiệm.

### 2. Nội dung chương:

#### 2.1. Lý sinh tuần hoàn và hô hấp

##### 2.1.1. Sơ lược về tính chất vật lý của hệ tuần hoàn

##### 2.1.2. Sự thay đổi áp suất và tốc độ chảy của máu trong các động mạch

##### 2.1.3. Hoạt động hô hấp

##### 2.1.4. Sự vận chuyển khí trong cơ thể

##### 2.1.5. Những yếu tố ảnh hưởng tới quá trình trao đổi khí

#### 2.2. Lý sinh một số cơ quan cảm giác

##### 2.2.1. Thị giác

##### 2.2.1.1. Quang hình học của mắt

##### 2.2.1.2. Khả năng điều tiết của mắt

##### 2.2.1.3. Khả năng phân ly của mắt

##### 2.2.2. Thính giác

##### 2.2.2.1. Sơ lược cấu tạo cơ quan thính giác

##### 2.2.2.2. Cơ chế quá trình nghe

#### 2.3. Một số phương pháp lý sinh dùng trong y học

##### 2.3.1. Ứng dụng của siêu âm trong y học

2.3.2. Ứng dụng của laser trong y học

2.4. Phương pháp xử lý số liệu thực nghiệm

2.4.1. Sai số

2.4.2. Phân tích đồ thị các số liệu thực nghiệm

#### **IV. Điều kiện thực hiện môn học:**

1. Phòng học chuyên môn: Lý thuyết học trên hội trường, thực hành trên phòng thực hành lý sinh

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR, máy chiếu Video

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, phấn, tài liệu phát tay); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

#### **V. Nội dung và phương pháp đánh giá:**

1. Nội dung:

- Kiến thức: đánh giá qua bài thi tự luận/ trắc nghiệm các nội dung về sự biến đổi năng lượng và trao đổi vật chất trong cơ thể, các hiện tượng âm, hiện tượng điện sinh học, tác dụng của ánh sáng và bức xạ ion hóa lên tổ chức sinh học.

- Kỹ năng: vận dụng một số kỹ thuật vật lý và lý sinh thường dùng trong chẩn đoán và điều trị: kỹ thuật hiển vi, quang phổ, tia X và bức xạ ion hóa.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: thể hiện qua việc chuẩn bị đầy đủ dụng cụ vật liệu cần thiết cho quá trình học tập, chuẩn bị bài, tính chuyên cần, năng động và sáng tạo của sinh viên.

2. Phương pháp:

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

#### **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:**

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học vật lý đại cương và lý sinh được sử dụng để giảng dạy trình độ cao đẳng nghề trong các cơ sở đào tạo trên toàn quốc.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Lý thuyết: Thuyết trình, áp dụng phương pháp dạy/học tích cực.

- Thực hành: Tại phòng thí nghiệm của trường. thực hành trên sinh vật thí nghiệm (ếch, chó...)

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Cần trang bị cho sinh viên những kiến thức về sự biến đổi năng lượng và trao đổi vật chất trong cơ thể, các hiện tượng âm trong cơ thể sống, hiện tượng điện sinh học, tác dụng của ánh sáng và bức xạ ion hóa lên tổ chức sinh học, một số kỹ thuật vật lý và lý sinh thường dùng trong chẩn đoán và điều trị: kỹ thuật hiển vi, quang phổ, tia X và bức xạ ion hóa.

4. Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Văn Thiện, Vật lý đại cương, Đại học Y khoa Hà Nội 1994.

- Nguyễn Văn Thiện, Bài giảng lý sinh y học 1998.

- Giáo trình Lý sinh y học, Giáo trình giảng dạy cho cử nhân y tế công cộng, của trường Đại học y tế công cộng (NXB Y học 2004).
- Lương Duyên Bình, Vật lý đại cương (tập 1), NXB Giáo dục 2003.
- Phan Sỹ An và cộng sự, Lý sinh y học, NXB Y học 1998.
- Giáo trình môn học Vật lý đại cương và vi sinh của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 09

**Tên môn học:** HÓA HỌC

**Mã môn học:**

**Thời gian thực hiện môn học:** 20 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Kiểm tra: 01 giờ)

### I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học thực hiện trong học kỳ I.
- Tính chất môn học: Là môn học cơ sở bắt buộc, cung cấp kiến thức cơ bản về hóa học làm tiền đề cho các môn học chuyên ngành.

### II. Mục tiêu môn học:

#### - Về kiến thức:

1. Trình bày và giải thích được cấu tạo và tính chất của các hệ vật chất (nguyên tử, nguyên tố, phân tử, phức chất, vật thể) nhờ những kiến thức cơ bản nhất về cơ học lượng tử.
2. Nêu được khái niệm cơ bản về dung dịch và và tính toán được các loại nồng độ khác nhau sử dụng trong dung dịch.
3. Trình bày được mối liên quan giữa cấu tạo và tính chất của các nguyên tố và các hợp chất vô cơ quan trọng, từ đó hiểu và giải thích được vai trò của chúng trong Y học
4. Phân loại, đọc tên và tính chất chung của các hợp chất hữu cơ quan trọng có ý nghĩa trong Y học.

#### - Về kỹ năng:

5. Vận dụng các kiến thức môn Hóa học để áp dụng vào các môn học chuyên ngành khác.

#### - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

6. Có ý thức tuân thủ nghiêm ngặt các qui định về an toàn trong phòng thí nghiệm.
7. Rèn luyện được tác phong làm việc khoa học, thận trọng, chính xác và trung thực trong quá trình học.

### III. Nội dung môn học:

#### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
<b>Chương I: Cấu tạo chất và nhiệt động hóa học</b>					
1	1. Cấu tạo chất	13	04		
	2. Nhiệt động hóa học		03		
	3. Dung dịch		03		
	4. Phức chất		03		
<b>Chương II: Hóa học vô cơ</b>					
2	5. Phân loại và tính chất chung của các nguyên tố	3	01		
	6. Nguyên tố nhóm chính (A) – Nguyên tố chuyển tiếp (B)		02		



Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
<b>Chương III: Hóa học hữu cơ</b>					
3	7. Phân loại, đọc tên và tính chất chung của các hợp chất hữu cơ quan trọng có ý nghĩa trong Y học	4	03		01
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>20</b>	<b>19</b>		<b>01</b>

## 2. Nội dung chi tiết:

### Chương I: Cấu tạo chất và nhiệt động hóa học

Thời gian: 13 giờ

#### 1. Mục tiêu:

- Trình bày được cấu tạo của nguyên tử, nguyên nhân hình thành các chu kì, nhóm nguyên tố.
- Tính được hiệu ứng nhiệt của phản ứng dựa vào sinh nhiệt, nhiệt cháy, năng lượng liên kết.
- Trình bày được 2 động lực của quá trình tự diễn biến.
- Trình bày được các khái niệm về tốc độ phản ứng và các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng hóa học.
- Nêu được định nghĩa và cách phân loại các dung dịch, các nồng độ.
- Phân biệt được phức chất và các hợp chất đơn giản, các thành phần của phức chất.

#### 2. Nội dung chương:

##### 2.1. Cấu tạo chất

Thời gian: 04 giờ

- 2.1.1. Những khái niệm và định luật cơ bản trong hóa học
- 2.1.2. Các qui luật phân bố electron trong nguyên tử.
- 2.1.3. Cách viết cấu hình electron nguyên tử dạng chữ và ô.
- 2.1.4. Cấu tạo nguyên tử
- 2.1.3. Hệ thống tuần hoàn các nguyên tố hóa học
- 2.1.4. Cấu tạo phân tử - Liên kết hóa học

##### 2.2. Nhiệt động hoá học

Thời gian: 03 giờ

- 2.2.1. Một số khái niệm
- 2.2.2 Nguyên lý I của nhiệt động lực trong hóa học
- 2.2.3. Nhiệt hóa học
- 2.2.4. Định luật Hess và hệ quả
- 2.2.5. Nguyên lý II của nhiệt động lực trong hóa học

##### 2.3. Dung dịch

Thời gian: 03 giờ

- 2.4.1. Khái niệm
- 2.4.2. Các cách biểu thị nồng độ dung dịch
- 2.4.3. Độ tan và những yếu tố ảnh hưởng đến độ tan của các chất

##### 2.4. Phức chất

Thời gian: 03 giờ

- 2.5.1. Định nghĩa và các thành phần phức chất
- 2.5.2. Phân loại phức chất
- 2.5.3. Danh pháp phức chất
- 2.5.4. Liên kết hóa học trong phức chất

### Chương II: Hóa học vô cơ

Thời gian: 03 giờ

## 1. Mục tiêu:

- Giải thích nguyên nhân sự khác nhau về tính chất của các loại nguyên tố s,p,d
- Giải thích được tính chất, vai trò của các nguyên tố và các hợp chất vô cơ quan trọng trong Y học.

## 2. Nội dung chương:

2.1. Phân loại và tính chất chung của các nguyên tố Thời gian: 01 giờ

- 2.1.1. Phân loại các nguyên tố theo cấu hình electron ở trạng thái cơ bản
- 2.1.2. Tính chất chung của các nguyên tố nhóm chính (A)
- 2.1.3. Tính chất chung của các nguyên tố chuyển tiếp (B)

2.2. Nguyên tố nhóm chính (A) và nguyên tố chuyển tiếp (B) Thời gian: 02 giờ

- 2.2.1. Nguyên tố nhóm A
- 2.2.2. Nguyên tố nhóm B

## Chương III: Hóa học hữu cơ

**Thời gian: 03 giờ**

### 1. Mục tiêu:

- Phân loại và đọc tên được các hợp chất hữu cơ cơ bản
- Giải thích được tính chất, vai trò của các hợp chất hữu cơ quan trọng trong Y học.

### 2. Nội dung chương:

Phân loại và tính chất chung của các hợp chất hữu cơ quan trọng có ý nghĩa trong Y học Thời gian: 03 giờ

- 2.1. Phân loại được các hợp chất hữu cơ cơ bản
- 2.2. Đọc tên được các hợp chất hữu cơ cơ bản
- 2.3. Tính chất chung của các hợp chất hữu cơ quan trọng có ý nghĩa trong Y học.

## IV. Điều kiện thực hiện môn học:

- *Phòng học chuyên môn:* Phòng thực hành hóa phân tích.
- *Trang thiết bị máy móc:* Máy tính, máy chiếu PROJECTOR, dụng cụ thực hành thí nghiệm
- *Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:* Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).
- *Các điều kiện khác:* Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

## V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

### 1. Nội dung

*Kiến thức:* Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, học sinh cần đạt các yêu cầu gồm nội dung sau:

- + Hệ thống kiến thức cơ bản về hóa học
- + Kiến thức hóa học vô cơ, hữu cơ

*Kỹ năng:* vận dụng các kiến thức được học vào các môn học khác và ứng dụng vào thực hành nghề nghiệp.

*Năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;
- + Chuyên cần, chấp hành nội quy, quy định môn học.

### 2. Phương pháp

- Điểm kiểm tra thành phần: (01 cột điểm kiểm tra thường xuyên hệ số 1, 1 cột điểm kiểm tra định kỳ hệ số 2), trọng số 0,4.

- Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 0,6.

## **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:**

### **1. Phạm vi áp dụng môn học:**

Chương trình môn học Hóa Đại cương vô cơ được xây dựng để giảng dạy cho sinh viên trình độ cao đẳng các ngành Kỹ thuật xét nghiệm, Kỹ thuật phục hồi chức năng, Điều dưỡng, Hộ sinh.

### **2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:**

- Đối với giáo viên, giảng viên: Áp dụng các phương pháp dạy/học tích cực: Thuyết trình ngắn, tăng cường thảo luận, đối thoại kết hợp nhiều phương pháp hiện đại, liên hệ giữ lý thuyết và thực tế nghề nghiệp.

- Đối với người học: Ngoài giờ học trên lớp cần tìm hiểu thêm về kiến thức được học qua sách, tạp chí, liên hệ giữ kiến thức được học và thực tế, tích cực, chủ động trong học tập.

### **3. Những trọng tâm cần chú ý:**

Tính chất và định tính các nguyên tố phân nhóm chính và phân nhóm phụ

### **4. Tài liệu tham khảo:**

- Lê Thành Phước (2011), *Hóa đại cương – vô cơ*, tập 1,2, NXB Y học, Hà Nội.

- Bộ Y tế (2007), *Hóa hữu cơ hợp chất hữu cơ đơn chức và đa chức tập 1*, NXB Y học, Hà Nội.

- Bộ Y tế (2007), *Hóa hữu cơ hợp chất hữu cơ đơn chức và đa chức tập 2*, NXB Y học, Hà Nội.

- Giáo trình môn học Hóa học của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.

### **5. Ghi chú và giải thích (nếu có):** Không

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 10

**Tên môn học:** XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ Y HỌC

**Mã môn học:**

**Thời gian thực hiện môn học:** 50 giờ ( Lý thuyết: 19 giờ; Thực hành: 29 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

### I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học thực hiện trong học kỳ I.

- Tính chất môn học: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về: các quy luật của giải tích toán học và hiện tượng ngẫu nhiên. Tổng quan về xác suất, khái niệm thống kê, những ứng dụng và xử lý thống kê. Môn học cũng cung cấp cho học sinh những kiến thức, kỹ năng cơ bản trong việc sử dụng thống kê y học. Nội dung bao gồm những vấn đề căn bản về thống kê và ứng dụng của thống kê trong y học.

### II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

1. Trình bày được những nội dung cơ bản trong các bài học;
2. Mô tả các qui luật của hiện tượng ngẫu nhiên;
3. Nêu được khái niệm về thống kê và ứng dụng của thống kê trong y học.

- Về kỹ năng:

1. Tính được xác suất các biến cố;
2. Xử lý số liệu – ước lượng các tham số của dân số.
3. Xử lý số liệu - ước lượng các tham số của dân số.
4. Kiểm định được một giả thuyết thống kê.

-Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

1. Có niềm tin, trách nhiệm vững chắc vào môn học để thực hiện tốt vào ứng dụng thực tiễn trong nghiên cứu về chuyên môn.
2. Thể hiện ý thức sử dụng thống kê trong y học để phục vụ cho học tập chuyên môn và phát triển nghề nghiệp.

### III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian học tập (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	<b>Chương 1:</b> Biến cố và xác suất	04	02	02	
2	<b>Chương 2:</b> Các định lý xác suất	04	02	02	
3	<b>Chương 3:</b> Biến ngẫu nhiên rời rạc	04	01	02	
4	<b>Chương 4:</b> Biến ngẫu nhiên liên tục	04	02	02	
5	<b>Chương 5:</b> Cơ sở lý thuyết mẫu	04	01	03	
6	<b>Chương 6:</b> Ước lượng tham số	06	02	03	01
7	<b>Chương 7: Giới thiệu về thống kê, phân phối, biến số.</b>				
	Thống kê, phân phối và biến số	02	01	01	
8	<b>Chương 8: Ước lượng, Kiểm định,</b>				

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian học tập (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	<b>phân tích phương sai, tương quan hồi qui</b>				
	Ước lượng	04	02	02	
	Nguyên tắc kiểm định - so sánh 2 tỷ lệ	03	01	02	
	Số trung bình, trung vị, độ lệch chuẩn bằng R	03	01	02	
	Kiểm định chi bình phương bằng R	03	01	02	
	Kiểm định T-test bất cặp, không bất cặp, Anova bằng R	03	01	02	
	Tương quan hồi quy	03	01	02	
	Thực hành tính khoảng tin cậy	03	01	01	01
	<b>Tổng cộng</b>	<b>50</b>	<b>19</b>	<b>29</b>	<b>02</b>

2. Nội dung chi tiết:

### **Chương 1: Biến cố xác suất và các phép toán xác suất**

1. Mục tiêu:

1.1. Hiểu rõ các khái niệm phép thử, biến cố, cách đặt biến cố, phân biệt các loại biến cố.

1.2. Hiểu khái niệm xác suất, điều kiện quy ước của xác suất.

1.3. Biết tính xác suất theo định nghĩa cổ điển. Biết tính số kết cục theo các phương pháp: liệt kê, bảng, và công thức Giải tích tổ hợp

2. Nội dung chương:

2.1. Biến cố xác suất và các phép toán xác suất

2.1.1. Phép thử và biến cố

2.1.2. Xác suất của biến cố

2.1.3. Định nghĩa cổ điển về xác suất

2.1.4. Mối liên hệ giữa các biến cố

### **Chương 2: Các định lý xác suất**

1. Mục tiêu:

1.1. Biết cách biểu diễn biến cố đang quan tâm qua tổng hoặc tích của các biến cố liên quan.

1.2. Nắm được nội dung của định lý nhân và cộng xác suất.

1.3. Biết cách vận dụng định lý nhân với tích các biến cố và định lý cộng với tổng các biến cố để tính xác suất của biến cố trong từng bài toán.

1.4. Nhận dạng được bài toán tuân theo lược đồ Bernoulli, biết áp dụng công thức tính xác suất và tra bảng trong các bài toán

1.5. Biết xác định nhóm biến cố đầy đủ có ảnh hưởng đến biến cố đang quan tâm và biết áp dụng công thức xác suất đầy đủ để giải quyết bài toán.

2. Nội dung chương:

2.1. Các định lý xác suất

2.1.1. Định lý nhân xác suất.

2.1.2. Định lý cộng xác suất.

2.1.3. Định lý Bernoulli

2.1.4. Công thức xác suất đầy đủ

### **Chương 3: Biến ngẫu nhiên rời rạc**

1. Mục tiêu:

1.1. Hiểu khái niệm biến ngẫu nhiên và phân biệt được hai loại biến ngẫu nhiên.

1.2. Lập được bảng phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên rời rạc.

1.3. Tính các tham số: kỳ vọng, phương sai, độ lệch chuẩn.

1.4. Biết sử dụng quy luật Không – Một và quy luật Nhị thức để tính xác suất và các tham số đặc trưng.

1.5. Hiểu khái niệm biến ngẫu nhiên 2 chiều rời rạc và tính được một số tham số đặc trưng.

2. Nội dung chương:

2.1. Biến ngẫu nhiên rời rạc

2.1.1. Khái niệm và phân loại biến ngẫu nhiên.

2.1.2. Bảng phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên rời rạc.

2.1.3. Các tham số đặc trưng: kỳ vọng, phương sai, độ lệch chuẩn.

2.1.4. Biến ngẫu nhiên phân phối Không – Một.

2.1.5. Biến ngẫu nhiên phân phối Nhị thức.

2.1.6. Khái niệm và các tham số của biến ngẫu nhiên hai chiều rời rạc.

### **Chương 4: Biến ngẫu nhiên liên tục**

1. Mục tiêu:

1.1. Hiểu KN biến ngẫu nhiên liên tục, đánh giá đồ thị hàm mật độ xác suất.

1.2. Biết cách tra bảng để tìm xác suất của phân phối Chuẩn hoá.

1.3. Biết áp dụng công thức tính XS của biến phân phối chuẩn trong các bài toán.

1.4. Biết cách tra bảng để tìm chính xác các giá trị tới hạn.

2. Nội dung chương:

2.1. Biến ngẫu nhiên liên tục

2.1.1. Biến ngẫu nhiên liên tục và hàm mật độ xác suất.

2.1.2. Biến ngẫu nhiên phân phối Chuẩn

2.1.3. Biến ngẫu nhiên phân phối Khi – bình phương

2.1.4. Biến ngẫu nhiên phân phối Student

### **Chương 5: Cơ sở lý thuyết mẫu**

1. Mục tiêu:

1.1. Hiểu và phân biệt khái niệm Tổng thể và mẫu;

1.2. Hiểu và phân biệt khái niệm Tham số và Thống kê;

1.3. Tính chính xác các thống kê đặc trưng mẫu bằng máy tính bấm tay;

1.4. Nhớ được quy luật liên hệ để áp dụng tra bảng số;

2. Nội dung chương:

2.1. Cơ sở lý thuyết mẫu

2.1.1. Khái niệm cơ bản.

2.1.2. Tổng thể nghiên cứu.

2.1.3. Mẫu ngẫu nhiên.

2.1.4. Thống kê.

2.1.5. Quy luật phân phối xác suất liên hệ

### **Chương 6: Ước lượng tham số**

1. Mục tiêu:

1.1. Hiểu được khái niệm ước lượng;

- 1.2. Tìm được ước lượng không lệch, hiệu quả trong số các ước lượng đã cho;
- 1.3. Với số liệu mẫu, ước lượng được các tham số tổng thể và suy luận từ đó;
2. Nội dung chương:
  - 2.1.1. Lý thuyết ước lượng.
  - 2.1.2. Ước lượng trung bình tổng thể.
  - 2.1.3. Ước lượng phương sai tổng thể.
  - 2.1.4. Ước lượng tỷ lệ tổng thể.

### **Chương 7: Giới thiệu về thống kê, phân phối, biến số**

1. Mục tiêu:
  - 1.1. Nêu được khái niệm thống kê và ứng dụng thống kê trong y học, phân biệt được các loại biến số.
2. Nội dung chương:
  - 2.1. Thống kê, phân phối và biến số

### **Chương 8: Ước lượng, Kiểm định, phân tích phương sai, tương quan hồi qui**

1. Mục tiêu:
  - 1.1. Trình bày được các ứng dụng của phân phối mẫu trong việc ước lượng, kiểm định, phân tích phương sai, tương quan hồi qui.
2. Nội dung chương:
  - 2.1. Ước lượng
  - 2.2. Nguyên tắc kiểm định - so sánh 2 tỷ lệ
  - 2.3. Số trung bình, trung vị, độ lệch chuẩn bằng R
  - 2.4. Kiểm định chi bình phương bằng R
  - 2.5. Kiểm định T-test bất cặp, không bất cặp, Anova bằng R
  - 2.6. Tương quan hồi quy
  - 2.7. Thực hành tính khoảng tin cậy

### **IV. Điều kiện thực hiện môn học:**

1. Phòng học chuyên môn: Hội trường
2. Dụng cụ và trang bị: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.
4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

### **V. Nội dung và phương pháp đánh giá:**

1. Nội dung
  - Về kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, sinh viên cần đạt các yêu cầu gồm nội dung sau:
    - + Kiến thức cơ bản trong thống kê và các nguyên lý lựa chọn kiểm định thống kê phù hợp.
  - Về kỹ năng: Đánh giá kỹ năng của sinh viên thông qua việc vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề cụ thể đặt ra.
  - Về năng lực: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:
    - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
    - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;
    - + Chuyên cần, chấp hành nội quy, quy định môn học.
2. Phương pháp

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: ( 01 cột kiểm tra định kỳ, 01 cột kiểm tra thường xuyên )  
trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 0,6.

#### **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:**

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học bổ trợ.

2. Phương pháp giảng dạy:

- Đối với giảng viên:

Lý thuyết: Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy/học tích cực.

Thực hành: Tại phòng thực hành của trường, bài tập nhóm

- Đối với học sinh: Tự học, tự luyện tập, thảo luận làm bài tập nhóm

3. Những trọng tâm cần chú ý: Không

4. Tài liệu tham khảo:

1. Bộ môn toán, Giáo trình toán xác suất thống kê, Trường ĐHYD.

2. Burns W.B. Practice of Nursing research. (4 th ed., 2001). Saunders Publishing.

3. Nguyễn Duy Tiến. (2000). Lý thuyết xác suất. Nhà xuất bản giáo dục

4. Bài giảng Xác suất thống kê – Tổ hợp Giáo dục TO.

5. Giáo trình môn học Xác suất và thống kê y học của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp



## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 11

Tên môn học: HÓA SINH

Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 20 giờ; (Lý thuyết: 19 giờ; Kiểm tra: 01 giờ)

### I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Thực hiện trong học kỳ II, thực hiện sau môn học: Hóa học và Sinh học và Di truyền.

- Tính chất môn học: Môn học cơ sở ngành.

### II. Mục tiêu môn học:

#### - Về kiến thức:

- Trình bày được cấu trúc, tính chất lý hóa, quá trình chuyển hóa và chức năng của glucid, lipid, protid, enzyme,...

- Nêu được tầm quan trọng của sự chuyển hóa muối nước và sự thăng bằng acid – base trong cơ thể.

- Trình bày được các xét nghiệm khảo sát các chức năng gan, thận, các thành phần của máu cũng như một số xét nghiệm có liên quan đến protein huyết tương.

#### - Về kỹ năng:

- Vận dụng được các kiến thức đã học vào thực tế nghề nghiệp.

#### - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm :

- Rèn luyện được tác phong làm việc khoa học, thận trọng, chính xác và trung thực trong quá trình học.

### III. Nội dung môn học:

#### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
1	<b>Bài mở đầu</b>	01	01	
2	<b>Chương 1: Hóa học</b>			
	1. Hóa học glucid	01	01	
	2. Hóa học lipid	01	01	
	3. Hóa học Protid	01	01	
	4. Enzyme và xúc tác sinh học	03	02	<b>01</b>
3	<b>Chương 2: Chuyển hóa các chất</b>			
	1. Chuyển hóa glucid	02	02	
	2. Chuyển hóa lipid	02	02	
	3. Chuyển hóa Protid	02	02	
	4. Chuyển hóa muối nước – Thăng bằng acid- base	03	03	
4	<b>Chương 3: Hóa sinh các cơ quan</b>			
	1. Hóa sinh gan	01	01	
	2. Hóa sinh thận và nước tiểu	02	02	
	3. Hóa sinh máu	01	01	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>20</b>	<b>19</b>	<b>01</b>

#### 2. Nội dung chi tiết:

Bài mở đầu:

Thời gian: 1 giờ

## **Chương 1: Hóa học**

**Thời gian: 6 giờ**

### 1. Mục tiêu:

- Nêu được tính chất và vai trò của các glucid, lipid quan trọng trong cấu tạo tế bào
- Giải thích được cơ chế xúc tác và nêu được vai trò của các loại enzym

### 2. Nội dung chương:

#### 2.1. Hóa học glucid

##### 2.1.1. Đại cương

##### 2.1.2. Monosaccarid

##### 2.1.3. Disaccarid

##### 2.1.4. Polysaccarid

#### 2.2. Hóa học lipid

##### 2.2.1. Đại cương

##### 2.2.2. Acid béo

##### 2.2.3. Lipid đơn giản

##### 2.2.4. Lipid phức tạp

#### 2.3. Hóa học Protid

##### 2.3.1. Cấu trúc protein

##### 2.3.2. Chức năng protein

#### 2.4. Enzyme và xúc tác sinh học

##### 2.4.1. Cấu tạo của enzyme

##### 2.4.2. Cơ chế hoạt động của enzyme

##### 2.4.3. Điều hòa enzym

##### 2.4.4. Các chất xúc tác sinh học khác (Hormon, Vitamin)

## **Chương II: Chuyển hóa**

**Thời gian: 9 giờ**

### 1. Mục tiêu:

- Giải thích được cơ chế phản ứng và nêu được ý nghĩa của từng chu trình chuyển hóa glucid
- Trình bày được các quá trình tổng hợp acid béo, triglycerid và phosphatid
- Phân tích vai trò chính và những liên quan của chuyển hóa protid và acid nucleic với các chuyển hóa khác.
- Phân biệt được dịch nội bào và dịch ngoại bào. Giải thích được cơ chế rối loạn điện giải.
- Viết và giải thích được các thông số đánh giá tình trạng thăng bằng acid – base trong cơ thể.

### 2. Nội dung chương:

#### 2.1. Chuyển hóa glucid - Chuyển hóa lipid

##### 2.1.1. Tiêu hóa và hấp thu glucid

##### 2.1.2. Thoái hóa glucid

##### 2.1.3. Tổng hợp glucid

##### 2.1.4. Điều hòa chuyển hóa glucid

#### 2.2. Chuyển hóa lipid

##### 2.2.1. Tiêu hóa và hấp thu lipid

##### 2.2.2. Thoái hóa lipid

##### 2.2.3. Tổng hợp lipid

##### 2.2.4. Điều hòa chuyển hóa lipid

#### 2.3. Chuyển hóa Protid

##### 2.3.1. Tiêu hóa và hấp thu Protein

- 2.3.2. Chuyển hóa acid amin
- 2.3.3. Sinh tổng hợp protein đặc hiệu
- 2.4. Thăng bằng acid base
- 2.4.1. Chuyển hóa muối nước
- 2.4.2. Thăng bằng acid- base

### **Chương 3: Hóa sinh các cơ quan trong cơ thể**

**Thời gian: 4 giờ**

#### **1. Mục tiêu**

- Nêu được vai trò và tính chất lý hóa của máu.
- Giải thích được vai trò điều hòa đường huyết của gan và nêu được các nghiệm pháp thăm dò chức năng gan.
- Nêu được vai trò tạo nước tiểu của thận và biết được các bất thường trong nước tiểu

#### **2. Nội dung chương**

##### **2.1. Hóa sinh gan**

- 2.1.1. Thành phần hóa học của nhu mô gan
- 2.1.2. Các chức năng hóa sinh của gan
- 2.1.3. Thăm dò hóa sinh hệ thống gan mật

##### **2.2. Hóa sinh thận và nước tiểu**

- 2.2.1. Chức năng nội tiết và chuyển hóa của thận
- 2.2.2. Chức năng lọc và bài tiết của thận
- 2.2.3. Các chất bình thường và bất thường trong nước tiểu
- 2.2.4. Thử nghiệm thăm dò chức năng thận

##### **2.3. Hóa sinh máu**

- 2.3.1. Tính chất vật lý của máu
- 2.3.2. Thành phần hóa học của máu

#### **IV. Điều kiện thực hiện môn học:**

- **Phòng học chuyên môn:** Phòng học thực hành hóa sinh.
- **Dụng cụ và trang bị:** Máy tính, máy chiếu PROJECTOR, dụng cụ thực hành
- **Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.
- **Các điều kiện khác:** Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

#### **V. Nội dung và phương pháp đánh giá:**

##### **1. Nội dung**

- **Về kiến thức:** Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, học sinh cần đạt các yêu cầu gồm nội dung sau:
  - + Tính chất lý hóa, quá trình chuyển hóa và chức năng của glucid, lipid, protid, hemoglobin.
  - + Chức năng của các cơ quan bên trong cơ thể như gan, thận,.. và các thăm dò hóa sinh các cơ quan
  - + Báo cáo kết quả thực hành sau mỗi buổi thực hành.
- **Về kỹ năng:** Đánh giá kỹ năng của học sinh thông qua việc thực hành tại phòng thực hành.
- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm :** Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:
  - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
  - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;

+ Chuyên cần, tác phong nghiêm túc, trung thực thực hành môn học.

## **2. Phương pháp**

Các kiến thức kỹ năng và thái độ trên sẽ được đánh giá qua thang điểm:

- Điểm kiểm tra thành phần: (01 cột điểm kiểm tra hệ số 01, 01 cột điểm kiểm tra hệ số 02), trọng số 0,4.

- Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 0,6.

## **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học**

### **1. Phạm vi áp dụng môn học:**

Chương trình môn học Hóa sinh được xây dựng giảng dạy cho sinh viên trình độ cao đẳng các ngành Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật Phục hồi chức năng.

### **2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:**

- Đối với giáo viên, giảng viên: Thuyết trình kết hợp với đặt câu hỏi, nêu vấn đề, thảo luận các thí nghiệm thực hành

- Đối với người học: Làm bài tập, thảo luận nhóm, thực hiện các thí nghiệm thực hành

### **3. Những trọng tâm cần chú ý:**

- Vai trò của glucid, lipid, protid và chức năng chuyển hóa của gan, thận, máu.

### **4. Tài liệu tham khảo:**

- Bộ Y Tế (2010), *Hóa sinh (dùng đào tạo Cao đẳng Y học)*, NXB Giáo dục

- Bộ Y Tế (2009), *Hóa sinh học*, NXB Giáo dục

- Giáo trình môn học Hóa sinh của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp

### **5. Ghi chú và giải thích (nếu có):** Không

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 12

**Tên môn học:** SINH LÝ BỆNH

**Mã môn học:**

**Thời gian thực hiện môn học:** 20 giờ; (Lý thuyết: 19 giờ; Kiểm tra: 01 giờ).

### I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: thực hiện ở học kỳ II.
- Tính chất: Môn học bắt buộc, thuộc phần cơ sở ngành.

### II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:
  1. Trình bày được những khái niệm chính về bệnh, bệnh nguyên, bệnh sinh.
  2. Trình bày được những rối loạn chủ yếu của các cơ quan và hệ thống trong những tình trạng bệnh lý quan trọng và phổ biến.
  3. Trình bày được một số cơ chế của các tình trạng bệnh lý quan trọng, phổ biến
- Về kỹ năng:
  1. Vận dụng được vào việc học tập các học phần khác và công tác chăm sóc người bệnh.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:
  1. Có được một quan niệm đúng đắn, khoa học về nguyên nhân gây bệnh, về cơ chế bệnh sinh và về điều trị bệnh.

### III. Nội dung môn học:

#### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, bài	Thời gian học tập (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
1	Đại cương về sinh lý bệnh	01	01	
2	Rối loạn chuyển hóa glucid	01	01	
3	Rối loạn chuyển hóa protid	01	01	
4	Rối loạn chuyển hóa chuyển hóa lipid	01	01	
5	Rối loạn cân bằng nước – điện giải	01	01	
6	Rối loạn cân bằng acid - base	01	01	
7	Sinh lý bệnh quá trình viêm	01	01	
8	Sinh lý bệnh điều hòa thân nhiệt – sốt	01	01	
9	Sinh lý bệnh hệ tạo máu	01	01	
10	Sinh lý bệnh tuần hoàn	02	02	
11	Sinh lý bệnh hô hấp	02	02	
12	Sinh lý bệnh tiêu hóa	02	02	
13	Sinh lý bệnh chức năng gan	02	02	
14	Sinh lý bệnh chức năng thận	01	01	
15	Miễn dịch bệnh lý	02	01	01
	<b>Tổng cộng</b>	<b>20</b>	<b>19</b>	<b>01</b>

#### 2. Nội dung chi tiết

##### Bài 1: Đại cương về sinh lý bệnh

Thời gian: 01 giờ

##### 1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày định nghĩa, vai trò môn học sinh lý bệnh trong y học.
- 1.2. Trình bày quan niệm về bệnh, các yếu tố liên quan.
- 1.3. Trình bày quan niệm về bệnh nguyên và xếp loại bệnh nguyên.

1.4. Trình bày quan niệm về bệnh sinh, các yếu tố ảnh hưởng quá trình bệnh sinh.

## **2. Nội dung:**

2.1. Đại cương

2.2. Vị trí, tính chất vai trò môn học

2.2.1. Vị trí.

2.2.2. Tính chất và vai trò.

2.3. Khái niệm về bệnh

2.3.1. Một số khái niệm trong lịch sử.

2.3.2. Quan niệm về bệnh hiện nay

2.4. Khái niệm về bệnh nguyên học

2.4.1. Định nghĩa

2.4.2. Quan niệm trước đây về bệnh nguyên.

2.4.3. Quan niệm hiện nay về bệnh nguyên

2.4.4. Xếp loại bệnh nguyên

2.5. Khái niệm về bệnh sinh học.

2.5.1. Đại cương.

2.5.2. Vai trò và ảnh hưởng của bệnh nguyên trong quá trình bệnh sinh.

2.5.3. Điều trị bệnh theo bệnh sinh và vòng xoắn bệnh lý.

2.5.4. Diễn biến và kết thúc của bệnh nói chung.

## **Bài 2: Rối loạn chuyển hóa Glucid**

Thời gian: 01 giờ

### **1. Mục tiêu**

1.1. Trình bày vai trò của nội tiết, thần kinh trung ương trong điều hòa glucose máu.

1.2. Trình bày nguyên nhân, biểu hiện, hậu quả của hạ glucose máu.

1.4. Trình bày nguyên nhân, biểu hiện, hậu quả của tăng glucose máu.

1.5. Trình bày bệnh nguyên, bệnh sinh của bệnh đái tháo đường.

### **2. Nội dung chương:**

2.1. Đại cương.

2.1.1. Vai trò của glucid đối với cơ thể.

2.1.2. Tiêu hóa, hấp thu, vận chuyển.

2.1.3. Chuyển hóa.

2.1.4. Điều hòa cân bằng glucose máu.

2.2. Rối loạn chuyển hóa glucid.

2.2.1. Rối loạn glucose máu

2.2.2. Bệnh đái tháo đường.

## **Bài 3: Rối loạn chuyển hóa protid**

Thời gian: 01 giờ

### **1. Mục tiêu**

1.1. Trình bày nguyên nhân, biểu hiện của giảm protid huyết tương.

1.2. Trình bày nguyên nhân, hậu quả của sự thay đổi thành phần protid huyết tương.

1.3. Trình bày cơ chế bệnh sinh rối loạn gen cấu trúc, gen điều hòa.

### **2. Nội dung chương:**

2.1. Đại cương.

2.1.1. Vai trò protid trong cơ thể.

2.1.2. Tiêu hóa, hấp thu.

2.1.3. Tổng hợp, giáng hóa protid.

- 2.2. Rối loạn chuyển hóa protid.
- 2.2.1. Rối loạn tổng hợp protid về lượng
- 2.2.2. Rối loạn protid của huyết tương.
- 2.2.3. Rối loạn tổng hợp protid về chất.
- 2.2.4. Rối loạn chuyển hóa acid nhân

#### **Bài 4: Rối loạn chuyển hóa lipid**

Thời gian: 01 giờ

##### **1. Mục tiêu**

- 1.1. Trình bày vai trò của nội tiết đối với chuyển hóa lipid.
- 1.2. Trình bày nguyên nhân, hậu quả của tăng lipid máu.
- 1.3. Trình bày nguyên nhân tăng cholesterol máu.
- 1.4. Trình bày nguyên nhân, hậu quả của bệnh béo phì, bệnh xơ vữa động mạch.

##### **2. Nội dung chương:**

- 2.1. Đại cương.
  - 2.1.1. Tiêu hóa hấp thu
  - 2.1.2. Sử dụng, vận chuyển trong máu.
  - 2.1.3. Các typ lipo-protein (LP)
  - 2.1.4. Dự trữ mỡ.
  - 2.1.5. Sự điều hòa nội tiết đối với chuyển hóa lipid
- 2.2. Rối loạn chuyển hóa lipid
  - 2.2.1. Tăng lipid máu
  - 2.2.2. Rối loạn lipo-protein.
  - 2.2.3. Rối loạn chuyển hóa cholesterol
  - 2.2.4. Béo phì.
  - 2.2.5. Gầy.
  - 2.2.6. Xơ vữa động mạch

#### **Bài 5: Rối loạn chuyển hóa nước và điện giải**

Thời gian: 01 giờ

giờ

##### **1. Mục tiêu**

- 1.1. Kể được ba cách phân loại mất nước.
- 1.2. Trình bày được sơ đồ cơ chế bệnh sinh dẫn đến vòng xoắn bệnh lý trong tiêu chảy mất nước.
- 1.3. Giải thích sáu cơ chế gây phù.

##### **2. Nội dung chương:**

- 2.1. Đại cương về chuyển hóa nước và điện giải.
  - 2.1.1. Vai trò của nước và điện giải.
  - 2.1.2. Cân bằng, xuất nhập nước và muối trong cơ thể.
  - 2.1.3. Sự phân bố và trao đổi nước, điện giải giữa các khu vực trong cơ thể
  - 2.1.4. Điều hòa khối lượng nước và áp lực thẩm thấu.
- 2.2. Rối loạn chuyển hóa nước và điện giải
  - 2.2.1. Rối loạn chuyển hóa nước.
  - 2.2.2. Rối loạn cân bằng điện giải.

#### **Bài 6: Rối loạn cân bằng toan – kiềm**

Thời gian: 01 giờ

##### **1. Mục tiêu**

- 1.1. Trình bày vai trò điều hòa pH máu của hệ đệm, phổi và thận.
- 1.2. Trình bày phân loại và cơ chế nhiễm toan, nhiễm kiềm.

## **2. Nội dung chương:**

- 2.1. Ý nghĩa của pH trong máu.
- 2.2. Các cơ chế điều hòa của pH máu.
  - 2.2.1. Vai trò của hệ thống đệm.
  - 2.2.2. Vai trò hô hấp.
  - 2.2.3. Vai trò của thận.
- 2.3. Rối loạn cân bằng toan – kiềm
  - 2.3.1. Nhiễm toan.
  - 2.3.2. Nhiễm kiềm.
- 2.4. Những thông số đánh giá cân bằng toan – kiềm.

### **Bài 7: Sinh lý bệnh quá trình viêm**

Thời gian: 01 giờ

#### **1. Mục tiêu**

- 1.1. Trình bày cơ chế, biểu hiện của rối loạn tuần hoàn tại ổ viêm.
- 1.2. Trình bày các rối loạn chuyển hóa tại ổ viêm.
- 1.3. Trình bày tổn thương mô, tế bào tại ổ viêm.
- 1.4. Trình bày mối quan hệ giữa phản ứng viêm và cơ thể.

#### **2. Nội dung chương:**

- 2.1. Đại cương.
  - 2.1.1. Khái niệm.
  - 2.1.2. Nguyên nhân gây bệnh.
  - 2.1.3. Phân loại viêm.
- 2.2. Những biến đổi chủ yếu trong viêm.
  - 2.2.1. Rối loạn tuần hoàn tại ổ viêm.
  - 2.2.2. Rối loạn chuyển hóa.
  - 2.2.3. Tổn thương mô.
  - 2.2.4. Tăng sinh tế bào – quá trình lành vết thương.
- 2.3. Quan hệ giữa phản ứng viêm và cơ thể.
  - 2.3.1. Ảnh hưởng của trạng thái thần kinh đối với phản ứng viêm.
  - 2.3.2. Phản ứng viêm ảnh hưởng đến toàn cơ thể.
  - 2.3.3. Nguyên tắc xử trí ổ viêm.

### **Bài 8: Sinh lý bệnh điều hòa thân nhiệt – Sốt**

Thời gian: 01 giờ

#### **1. Mục tiêu**

- 1.1. Trình bày nguyên nhân, biểu hiện của giảm thân nhiệt.
- 1.2. Trình bày nguyên nhân, biểu hiện của tăng thân nhiệt.
- 1.3. Trình bày nguyên nhân, các giai đoạn của sốt.
- 1.4. Trình bày các thay đổi chuyển hóa, các chức năng trong sốt.
- 1.5. Trình bày ý nghĩa của sốt.

#### **2. Nội dung chương:**

- 2.1. Điều hòa thân nhiệt.
  - 2.1.1. Biên nhiệt và ổn nhiệt.
  - 2.1.2. Cơ chế duy trì ổn định thân nhiệt.
- 2.2. Thay đổi thân nhiệt thụ động.
  - 2.2.1. Giảm thân nhiệt.
  - 2.2.2. Tăng thân nhiệt.
- 2.3. Thay đổi chủ động thân nhiệt: Sốt.



- 2.3.1. Định nghĩa.
- 2.3.2. Chất gây sốt.
- 2.3.3. Các giai đoạn của quá trình sốt.
- 2.3.4. Cơ chế sốt – các yếu tố ảnh hưởng đến sốt.
- 2.3.5. Thay đổi chuyển hóa trong sốt.
- 2.3.6. Thay đổi chức năng trong sốt.
- 2.3.7. Ý nghĩa của sốt.

**Bài 9: Sinh lý bệnh tạo máu**

Thời gian: 01 giờ

**1. Mục tiêu**

- 1.1. Trình bày phân loại, nguyên nhân của bệnh thiếu máu.
- 1.2. Trình bày nguyên nhân tăng bạch cầu, giảm bạch cầu.
- 1.3. Trình bày nguyên nhân tình trạng tăng đông, giảm đông máu.

**2. Nội dung chương:**

- 2.1. Sinh lý bệnh tạo hồng cầu.
  - 2.1.1. Những cách phân loại chủ yếu.
  - 2.1.2. Phân loại thiếu máu theo bệnh sinh.
  - 2.1.3. Thiếu máu hồng cầu khổng lồ.
  - 2.1.4. Thiếu máu nhược sắc.
  - 2.1.5. Thiếu máu do tăng hủy hồng cầu tan huyết.
- 2.2. Sinh lý bệnh tạo bạch cầu.
  - 2.2.1. Tăng số lượng bạch cầu.
  - 2.2.2. Giảm số lượng bạch cầu.
- 2.3. Sinh lý bệnh tạo tiểu cầu và rối loạn đông máu và rối loạn đông máu.
  - 2.3.1. Tình trạng tăng đông.
  - 2.3.2. Tình trạng giảm đông.

**Bài 10: Sinh lý bệnh hệ tuần hoàn**

Thời gian: 02 giờ

**1. Mục tiêu**

- 1.1. Trình bày cơ chế chung của suy tim.
- 1.2. Trình bày cơ chế của những biểu hiện suy tim trái và suy tim phải.
- 1.3. Trình bày cơ chế của cao huyết áp nguyên phát.

**2. Nội dung chương:**

- 2.1. Suy tim
  - 2.1.1. Nhắc lại sinh lý học.
  - 2.1.2. Suy tim
- 2.2. Bệnh lý ở mạch.
  - 2.2.1. Xơ vữa động mạch.
  - 2.2.2. Cao huyết áp.
  - 2.2.3. Hạ huyết áp.

**Bài 11: Sinh lý bệnh hệ hô hấp**

Thời gian: 02 giờ

**1. Mục tiêu**

- 1.1. Trình bày nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của rối loạn thông khí.
- 1.2. Trình bày nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của rối loạn khuếch tán.
- 1.3. Trình bày các biểu hiện và cơ chế bệnh sinh của suy hô hấp.

**2. Nội dung chương:**

- 2.1. Đại cương chức năng hô hấp.
- 2.2. Rối loạn thông khí.
  - 2.2.1. Rối loạn thông khí do không khí thờ.
  - 2.2.2. Rối loạn thông khí do bệnh lý của bộ máy hô hấp.
- 2.3. Rối loạn khuếch tán.
  - 2.3.1. Rối loạn khuếch tán do giảm diện tích màng trao đổi.
  - 2.3.2. Rối loạn khuếch tán do tăng độ dày màng trao đổi.
  - 2.3.3. Rối loạn khuếch tán do giảm hiệu số phân áp.
- 2.4. Suy hô hấp.
  - 2.4.1. Định nghĩa.
  - 2.4.2. Phân loại.
  - 2.4.3. Biểu hiện của suy hô hấp.
  - 2.4.4. Thích nghi của cơ thể trong suy hô hấp.

**Bài 12: Sinh lý bệnh hệ tiêu hóa**

Thời gian: 02 giờ

**1. Mục tiêu**

- 1.1. Trình bày tác nhân và cơ chế bệnh sinh của loét dạ dày – tá tràng.
- 1.2. Trình bày nguyên nhân, cơ chế, hậu quả của hội chứng tiêu lỏng, hội chứng tắc ruột và hội chứng táo bón và hội chứng rối loạn hấp thu.

**2. Nội dung chương:**

- 2.1. Đại cương.
- 2.2. Sinh lý bệnh chức năng dạ dày.
  - 2.2.1. Chức năng co bóp dạ dày
  - 2.2.2. Rối loạn chức năng co bóp dạ dày.
  - 2.2.3. Chức năng tiết dịch dạ dày.
  - 2.2.4. Rối loạn chức năng tiết dịch dạ dày.
  - 2.2.5. Tác nhân và cơ chế gây loét dạ dày – tá tràng.
- 2.3. Sinh lý bệnh chức năng ruột.
  - 2.3.1. Rối loạn tiết dịch tại ruột.
  - 2.3.2. Rối loạn co bóp ruột.
  - 2.3.3. Rối loạn hấp thu tại ruột – thiếu năng tiêu hóa.

**Bài 13: Sinh lý bệnh chức năng gan**

Thời gian: 02 giờ

**1. Mục tiêu**

- 1.1. Trình bày các rối loạn chức năng gan.
- 1.2. Trình bày nguyên nhân và biểu hiện của suy gan cấp và mạn.

**2. Nội dung chương:**

- 2.1. Đại cương.
- 2.2. Nguyên nhân gây rối loạn chức năng gan.
  - 2.2.1. Các yếu tố gây bệnh.
  - 2.2.2. Đường xâm nhập của các yếu tố gây bệnh.
- 2.3. Rối loạn chức năng của gan.
  - 2.3.1. Rối loạn chức năng chuyển hóa.
  - 2.3.2. Rối loạn chức năng chống độc.
  - 2.3.3. Rối loạn chức năng cấu tạo và bài tiết mật.
  - 2.3.4. Rối loạn tuần hoàn và chức năng tạo máu.
- 2.4. Suy gan.

- 2.4.1. Suy gan cấp tính.
- 2.4.2. Suy gan mạn tính.
- 2.4.3. Hôn mê gan.

#### **Bài 14: Sinh lý bệnh chức năng thận**

Thời gian: 01 giờ

##### **1. Mục tiêu**

- 1.1. Trình bày các thay đổi của nước tiểu, của máu trong bệnh thận.
- 1.2. Trình bày nguyên nhân, cơ chế, biểu hiện, hậu quả của viêm cầu thận cấp, viêm cầu thận mạn.
- 1.2. Trình bày nguyên nhân, cơ chế, biểu hiện của suy thận mạn.

##### **2. Nội dung chương:**

- 2.1. Đại cương về chức năng thận
- 2.2. Vài đặc điểm cấu trúc sinh lý thận
  - 2.2.1. Đặc điểm cấu trúc.
  - 2.2.2. Đặc điểm chức năng.
- 2.3. Các biểu hiện bệnh lý ở nước tiểu và máu.
  - 2.3.1. Nước tiểu.
  - 2.3.2. Thay đổi về máu trong bệnh thận.
- 2.4. Sinh lý bệnh cầu thận và ống thận.
  - 2.4.1. Viêm cầu thận cấp.
  - 2.4.2. Viêm cầu thận mạn.
  - 2.4.3. Thận hư nhiễm mỡ.
  - 2.4.4. Viêm ống thận cấp.
- 2.5. Suy thận
  - 2.5.1. Suy thận cấp.
  - 2.5.2. Suy thận mạn.

#### **Bài 15: Miễn dịch bệnh lý**

Thời gian: 01 giờ

##### **1. Mục tiêu**

- 1.1. Trình bày định nghĩa quá mẫn và cách phân loại của Gell và Coombs.
- 1.2. Trình bày cơ chế bệnh sinh của quá mẫn type I, type II, type III và type IV.
- 1.3. Trình bày các loại thiếu năng miễn dịch bẩm sinh.
- 1.4. Trình bày các loại thiếu năng miễn dịch mắc phải và cơ chế bệnh sinh của thiếu năng miễn dịch do nhiễm HIV.
- 1.5. Trình bày bệnh nguyên và bệnh sinh của bệnh tự miễn.

##### **2. Nội dung chương:**

- 2.1. Quá mẫn
  - 2.1.1. Đại cương.
  - 2.1.2. Quá mẫn type I.
  - 2.1.3. Quá mẫn type II.
  - 2.1.4. Quá mẫn type III.
  - 2.1.5. Quá mẫn type IV (Quá mẫn muộn)
- 2.2. Thiếu năng miễn dịch
  - 2.2.1. Đại cương.
  - 2.2.2. Thiếu năng miễn dịch bẩm sinh.
  - 2.2.3. Thiếu năng miễn dịch mắc phải.
- 2.3. Bệnh tự miễn

- 2.3.1. Đại cương.
- 2.3.2. Tiêu chuẩn chẩn đoán bệnh tự miễn.
- 2.3.3. Xếp loại bệnh tự miễn.
- 2.3.4. Các bệnh tự miễn chính.
- 2.3.5. Bệnh nguyên và bệnh sinh của bệnh tự miễn.
- 2.3.6. Cơ chế bệnh sinh các tổn thương trong bệnh tự miễn.

#### **IV. Điều kiện thực hiện môn học:**

**1. Phòng học:** Giảng đường.

**2. Trang thiết bị máy móc:** laptop, projector.

**3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu, máy vi tính).

**4. Các điều kiện khác:** Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

#### **V. Nội dung và phương pháp đánh giá:**

##### **1. Nội dung:**

##### **Về kiến thức:**

- Trình bày được những khái niệm chính về bệnh, bệnh nguyên, bệnh sinh.
- Trình bày được những rối loạn chủ yếu của các cơ quan và hệ thống trong những tình trạng bệnh lý quan trọng và phổ biến.
- Trình bày được một số cơ chế của các tình trạng bệnh lý quan trọng, phổ biến

##### **Về kỹ năng:**

- Vận dụng được vào việc học tập các môn học khác và công tác chăm sóc người bệnh.

##### **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

- Có được một quan niệm đúng đắn, khoa học về nguyên nhân gây bệnh, về cơ chế bệnh sinh và về điều trị bệnh.

##### **2. Phương pháp**

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

##### **- Kiểm tra:**

+ Kiểm tra thường xuyên:

- 01 điểm kiểm tra thường xuyên (KTTX);
- Thời gian: bằng hoặc dưới 30 phút;
- Hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm.

+ Kiểm tra định kỳ:

- 01 điểm kiểm tra định kỳ (KTĐK);
- Thời gian: từ 45 đến 60 phút;
- Hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm.

+ Điểm trung bình kiểm tra (TBKT):

- Công thức:  $TBKT = [KTTX + (KTĐK \times 2)]/3$
- Ghi chú: Kiểm tra thường xuyên hệ số 1; Kiểm tra định kỳ hệ số 2.

##### **- Thi kết thúc môn học:**

+ Điều kiện:

- Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết;

- TBKT  $\geq 5,0$  (theo thang điểm 10).
- + 01 điểm thi kết thúc môn học (TKTMH);
- + Thời gian: từ 60 đến 120 phút;
- + Hình thức: trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn (MCQs).
- **Điểm môn học (MH):**
- + Công thức:  $MH = (TBKT \times 0,4) + (TKTMH \times 0,6)$
- + Đạt yêu cầu:  $MH \geq 4,0$  (tính theo thang điểm 10).

## **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:**

**1. Phạm vi áp dụng môn học:** Chương trình môn học Sinh lý bệnh được sử dụng để giảng dạy trình độ cao đẳng khối ngành khoa học sức khỏe trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

**2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:** Thuyết trình, kết hợp phương pháp dạy học tích cực.

### **3. Những trọng tâm cần chú ý:**

- Môn học này cung cấp cho sinh viên một số kiến thức và lý luận cơ bản, phương pháp tư duy logic để tiếp thu tốt các kiến thức chuyên ngành và phục vụ cho công tác thực tế khi ra trường.

- Góp phần kiến tạo cho người cán Bộ Y tế trong tương lai có phương pháp làm việc khoa học, tư duy phân tích tổng hợp trên cơ sở hiểu biết các yếu tố chi phối sức khỏe con người, quy luật tác động của các yếu tố gây bệnh, cơ chế phát sinh, phát triển của các quá trình bệnh lý.

### **4. Tài liệu tham khảo:**

- Bộ Y tế (2010) Sinh lý bệnh, NXB Giáo dục Việt Nam.
- Đại học Y Hà Nội, Bài giảng sinh lý bệnh, 1990.
- Đại học Y tế công cộng, Sinh lý bệnh miễn dịch học, 2003.
- Đại học Hà Nội: Giáo trình Sinh lý bệnh – Miễn dịch, NXB Y học năm 2006.
- Đại học Y Dược TP. HCM: Giáo trình Sinh lý bệnh, NXB Y học năm 2006.
- Đại học Điều dưỡng Nam Định: Giáo trình Sinh lý bệnh.
- Giáo trình môn học Sinh lý bệnh của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp

**5. Ghi chú và giải thích:** Không.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 13

**Tên môn học:** ĐẠO ĐỨC HÀNH NGHỀ Y – DƯỢC

**Mã môn học:**

**Thời gian thực hiện:** 20 giờ (Lý thuyết: 19 giờ, Kiểm tra: 1 giờ)

### I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học thực hiện học kỳ II.

- Tính chất: Môn học trang bị cho sinh viên những khái niệm và nguyên tắc cơ bản về đạo đức ngành Hộ sinh trong thực hành nghề nghiệp, trách nhiệm của người Hộ sinh trong việc bảo vệ quyền của người bệnh khi chăm sóc họ, các bộ luật và quy định về đạo đức về ngành Hộ sinh, những khó khăn về đạo đức khi chăm sóc sức khỏe; phản ứng đạo đức và vị trí của nó trong thực hành. Phân tích mối liên hệ giữa đạo đức với y đức và những đặc trưng của đạo đức người Hộ sinh Việt Nam.

### II. Mục tiêu môn học:

*Kiến thức:*

1. Trình bày được ý nghĩa việc tìm hiểu lịch sử y học đối với người cán Bộ Y tế.
2. Trình bày được các khái niệm về Y đức và Y đạo.
3. Mô tả được những nghĩa vụ và yêu cầu đạo đức của người cán bộ y tế.
4. Trình bày được nội dung và ý nghĩa của 12 điều quy định về y đức của Bộ Y tế.
5. Kể được các yêu cầu về phẩm chất đạo đức cá nhân của người Hộ sinh

*Kỹ năng:*

1. Thực hiện các nguyên tắc trong giao tiếp, ứng xử với bệnh nhân; các tiêu chuẩn của việc thực hành chăm sóc sức khỏe có chất lượng.
2. Thực hiện các nguyên tắc làm việc cùng đồng nghiệp; các qui định của Bộ Y tế về đạo đức của người thầy thuốc trong thực hành lâm sàng.

*Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

Người học tích cực tu dưỡng, rèn luyện theo những nguyên tắc, chuẩn mực về y đức.

### III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian học tập (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
1	<b>Chương 1: Lịch sử y học</b>	<b>08</b>	<b>08</b>	
	-Y học thời kỳ xã hội nguyên thủy (3.000.000 – 4.000 TCN) -Y học thời kỳ xã hội chiếm hữu nô lệ (4.000 TCN – 500 SCN) -Y học thời kỳ xã hội phong kiến (thế kỷ V - XVII) -Y học thời kỳ xã hội tư bản chủ nghĩa (thế kỷ XVII – hiện đại) -Y học thời kỳ xã hội xã hội chủ nghĩa (1917 đến nay)			
2	<b>Chương 2: Y Đức</b>	<b>04</b>	<b>04</b>	

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian học tập (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
	- Khái niệm về đạo đức và y đức - Phân biệt khái niệm y đức và y đạo - Lịch sử đạo đức y học			
3	<b>Chương 3: Đạo đức Người Hộ sinh</b>	<b>08</b>	<b>07</b>	<b>01</b>
3.1	Đạo đức và nghĩa vụ nghề nghiệp của người Hộ sinh.			
3.2	Y đức người cán bộ y tế.			
3.3	Đại cương về quản lý y tế			
	<b>Tổng cộng</b>	<b>20</b>	<b>19</b>	<b>01</b>

## 2. Nội dung chi tiết

### Chương 1: Lịch sử y học

#### 1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày Y học thời kỳ nguyên thủy (3.000.000 – 4.000 TCN)
- 1.2. Trình bày Y học thời kỳ xã hội chiếm hữu nô lệ (4.000 TCN – 500 SCN)
- 1.3. Trình bày Y học thời kỳ xã hội phong kiến (thế kỷ V - XVII)
- 1.4. Trình bày Y học thời kỳ xã hội tư bản chủ nghĩa (thế kỷ XVII – hiện đại)
- 1.5. Trình bày Y học thời kỳ xã hội xã hội chủ nghĩa (1917 đến nay)

#### 2. Nội dung chương:

- 2.1. Y học thời kỳ nguyên thủy (3.000.000 – 4.000 TCN)
- 2.2. Y học thời kỳ xã hội chiếm hữu nô lệ (4.000 TCN – 500 SCN)
  - 2.2.1. Thời kỳ Sumerien Babilon
  - 2.2.2. Thời Trung hoa cổ đại
  - 2.2.3. Thời Ấn độ cổ đại
  - 2.2.4. Thời Hy Lạp cổ đại
  - 2.2.5. Thời La mã cổ đại
- 2.3. Y học thời kỳ xã hội phong kiến (thế kỷ V - XVII)
- 2.4. Y học thời kỳ xã hội tư bản chủ nghĩa (thế kỷ XVII – hiện đại)
- 2.5. Y học thời kỳ xã hội xã hội chủ nghĩa (1917 đến nay)
  - 2.5.1. Bản chất đạo đức Y học XHCN
  - 2.5.2. Đạo đức Y học Việt Nam

### Chương 2: Y Đức

#### 1. Mục tiêu

- 1.1. Nêu được khái niệm về đạo đức và y đức.
- 1.2. Phân biệt được khái niệm y đức và y đạo.
- 1.3. Trình bày được lịch sử đạo đức y học.

#### 2. Nội dung chương:

- 2.1. Khái niệm về đạo đức và y đức
- 2.2. Phân biệt khái niệm y đức và y đạo
- 2.3. Lịch sử đạo đức y học
  - 2.3.1. Y học thời kỳ xã hội chiếm hữu nô lệ (4.000 TCN – 500 SCN)
  - 2.3.2. Y học thời kỳ xã hội phong kiến (thế kỷ V - XVII)
  - 2.3.3. Y học thời kỳ xã hội tư bản chủ nghĩa (thế kỷ XVII – hiện đại)

### 2.3.4. Y học thời kỳ xã hội xã hội chủ nghĩa (1917 đến nay)

## **Chương 3: Đạo đức Người Hộ sinh**

### **1. Mục tiêu**

- 1.1. Trình bày được những phẩm chất đạo đức và nghĩa vụ nghề nghiệp của người Hộ sinh.
- 1.2. Trình bày được những quan điểm đạo đức ứng dụng trong chăm sóc người thầy thuốc.
- 1.3. Trình bày khái niệm về quản lý y tế

### **2. Nội dung chương:**

- 2.1. Những phẩm chất đạo đức nghề nghiệp của người Hộ sinh
- 2.2. Nghĩa vụ nghề nghiệp của người Hộ sinh
- 2.3. Những quan điểm đạo đức ứng dụng trong chăm sóc người thầy thuốc.
- 2.4. Khái niệm về quản lý y tế

### **IV. Điều kiện thực hiện môn học:**

1. Phòng học chuyên môn: Lý thuyết giảng dạy trên hội trường
2. Trang thiết bị dạy học: máy chiếu Projector, máy tính, bảng phấn
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: tài liệu giảng dạy môn y đức
4. Các điều kiện khác: Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập; trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

### **V. Nội dung và phương pháp đánh giá:**

#### **1. Nội dung:**

##### *Kiến thức:*

1. Trình bày được ý nghĩa việc tìm hiểu lịch sử y học đối với người cán Bộ Y tế.
2. Trình bày được các khái niệm về Y đức và Y đạo.
3. Mô tả được những nghĩa vụ và yêu cầu đạo đức của người cán bộ y tế.
4. Trình bày được nội dung và ý nghĩa của 12 điều quy định về y đức của Bộ Y tế.
5. Kể được các yêu cầu về phẩm chất đạo đức cá nhân của người điều dưỡng

##### *Kỹ năng:*

1. Thực hiện các nguyên tắc trong giao tiếp, ứng xử với bệnh nhân; các tiêu chuẩn của việc thực hành chăm sóc sức khỏe có chất lượng.
2. Thực hiện các nguyên tắc làm việc cùng đồng nghiệp; các qui định của Bộ Y tế về đạo đức của người thầy thuốc trong thực hành lâm sàng.

##### *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

Người học tích cực tự tu dưỡng, tự rèn luyện theo những nguyên tắc, chuẩn mực về y đức.

#### **2. Phương pháp đánh giá**

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

### **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:**

1. Phạm vi áp dụng môn học: toàn trường.
2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:



- Đối với giảng viên: Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy học tích cực, video, Slide.

- Đối với người học: Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập, rèn luyện theo những nguyên tắc, chuẩn mực về y đức.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Những yêu cầu về phẩm chất đạo đức cá nhân của người điều dưỡng.

4. Tài liệu tham khảo:

- Vụ khoa học Đào tạo - Bộ Y tế (2007), Điều dưỡng cơ bản 1, Nhà xuất bản Giáo dục Hà Nội.
- Trường Đại học y tế công cộng (2003), Đạo đức trong thực hành y tế công cộng, NXB Hà Nội.
- Giáo trình môn học Đạo đức hành nghề Y – Dược của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 14

**Tên môn học:** KHÔNG CHẾ NHIỄM KHUẨN

**Mã môn học:**

**Thời gian thực hiện môn học:** 50 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Thực hành: 29 giờ; Kiểm tra 02 giờ)

### I. Vị trí, tính chất của môn học

1. **Vị trí:** môn học thực hiện ở HK II.

2. **Tính chất:** Trang bị cho sinh viên cao đẳng điều dưỡng những kiến thức cơ bản về sự an toàn của người bệnh trong môi trường bệnh viện, các nhiễm khuẩn mắc phải trong bệnh viện, các quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn, sử dụng bằng chứng liên quan đến nhiễm khuẩn, vai trò của người điều dưỡng trong kiểm soát nhiễm khuẩn.

### II. Mục tiêu môn học

#### - Kiến thức

1. Nêu được mục tiêu và giải pháp chương trình chống nhiễm khuẩn bệnh viện.

2. Kể được một số vi khuẩn gây nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp nhiễm khuẩn thường gặp.

3. Trình bày nguyên tắc làm vệ sinh, những quy định chung và cách phân vùng vệ sinh đúng

4. Trình bày được nguyên tắc phân loại, quy trình thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế

5. Nêu được các biện pháp phòng ngừa nhiễm lây nhiễm trong tiêm và xử trí phơi nhiễm với máu, dịch cơ thể, vật sắc nhọn trong tiêm

#### - Kỹ năng

1. Thực hiện được các biện pháp phòng tránh nhiễm khuẩn bệnh viện.

2. Áp dụng được các quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn chuẩn trong bệnh viện.

#### - Năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Người học rèn luyện các kỹ năng thận trọng, chính xác khi thực hiện các quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn.

2. Người học hiểu được vai trò của người điều dưỡng trong kiểm soát nhiễm khuẩn.

### III. Nội dung môn học

#### 1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, bài	Thời gian học tập (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	<b>Chương 1: Tổng quan công tác chống nhiễm khuẩn bệnh viện.</b>	05	05		
1.1	Đại cương về kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở y tế	03	03		
1.2	Các đường lây truyền bệnh và biện pháp phòng ngừa	02	02		
2	<b>Chương 2: Quản lý môi trường bệnh viện và các biện pháp phòng ngừa</b>	14	05	08	01
2.1	Giám sát nhiễm khuẩn bệnh viện	06	02	04	

Số TT	Tên chương, bài	Thời gian học tập (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
2.2	Phòng ngừa và kiểm soát các bệnh nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp	08	03	04	01
<b>3</b>	<b>Chương 3: Khử khuẩn - tiệt khuẩn</b>	<b>31</b>	<b>09</b>	<b>21</b>	<b>01</b>
3.1	Các phương pháp khử khuẩn – tiệt khuẩn	02	02		
3.2	Quản lý đồ vải	02	02		
3.3	Vệ sinh môi trường bệnh viện	07	01	05	01
3.4	Quản lý chất thải rắn y tế	10	02	08	
3.5	Phòng lây nhiễm trong tiêm và xử trí phổi nhiễm với máu, dịch cơ thể, vật sắc nhọn trong tiêm	10	02	08	
<b>Tổng cộng</b>		<b>50</b>	<b>19</b>	<b>29</b>	<b>02</b>

## 2. Nội dung chi tiết

### Chương 1: Tổng quan công tác chống nhiễm khuẩn bệnh viện Thời gian: 5 giờ

#### 1. Mục tiêu

1. Trình bày được định nghĩa nhiễm khuẩn bệnh viện
2. Trình bày được nguyên nhân, hậu quả và các phương thức lây truyền nhiễm khuẩn.
3. Liệt kê được các loại nhiễm khuẩn bệnh viện và tác nhân gây bệnh thường gặp.
4. Mô tả được nội dung chính của chương trình kiểm soát nhiễm khuẩn trong cơ sở y tế.
5. Kể được các đường lây truyền vi sinh vật.
6. Trình bày được định nghĩa và những nội dung phòng ngừa chuẩn.
7. Trình bày được cách phòng ngừa lây truyền bệnh qua các đường: đường tiếp xúc, đường giọt bắn và đường không khí.
8. Mô tả được các kỹ thuật phòng ngừa chuẩn và phòng ngừa bổ sung

#### 2. Nội dung

- 2.1. Đại cương về kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở y tế
  - 2.1.1. Tổng quan
  - 2.1.2. Dịch tễ học kiểm soát nhiễm khuẩn
    - 2.1.2.1. Tần suất nhiễm khuẩn bệnh viện
    - 2.1.2.2. Các nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp
    - 2.1.2.3. Tác nhân vi sinh vật
    - 2.1.2.4. Đường lây truyền nhiễm khuẩn bệnh viện
    - 2.1.2.5. Nguồn lây nhiễm bệnh viện
    - 2.1.2.6. Nguyên nhân nhiễm khuẩn bệnh viện
  - 2.1.3. Hậu quả nhiễm khuẩn bệnh viện
  - 2.1.4. Chương trình kiểm soát nhiễm khuẩn và những giải pháp cụ thể
- 2.2. Các đường lây truyền bệnh và biện pháp phòng ngừa.
  - 2.2.1. Các đường lây truyền bệnh
  - 2.2.2. Các biện pháp phòng ngừa
  - 2.2.3. Kỹ thuật áp dụng trong phòng ngừa chuẩn và phòng ngừa bổ sung
  - 2.2.3. Sử dụng phương tiện phòng hộ cá nhân

### Chương 2: Quản lý môi trường bệnh viện và các biện pháp phòng ngừa

## 1. Mục tiêu

1. Kể tên các phương pháp giám sát nhiễm khuẩn bệnh viện cơ bản .
2. Lựa chọn phương pháp giám sát cho phù hợp và phân tích kết quả giám sát.
3. Mô tả và xác định được đúng ca bệnh nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp.
4. Mô tả được cách sử dụng bộ công cụ giám sát trong thực hành.
5. Kể được các loại nhiễm khuẩn bệnh viện và tác nhân gây bệnh thường gặp.
6. Trình bày được tiêu chuẩn chẩn đoán nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp.
7. Trình bày được nguyên tắc và các biện pháp phòng ngừa nhiễm khuẩn trong chăm sóc người bệnh.

## 2. Nội dung

- 2.1. Giám sát nhiễm khuẩn bệnh viện.
  - 2.1.1. Đại cương về giám sát nhiễm khuẩn bệnh viện.
  - 2.1.2. Các phương pháp giám sát nhiễm khuẩn bệnh viện.
  - 2.1.3. Giám sát ca bệnh nhiễm khuẩn bệnh viện thường sử dụng.
  - 2.1.4. Quy trình giám sát nhiễm khuẩn bệnh viện.
- 2.2. Phòng ngừa và kiểm soát các bệnh nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp
  - 2.2.1. Mở đầu
  - 2.2.2. Nguyên nhân gây nhiễm khuẩn bệnh viện.
  - 2.2.3. Tiêu chuẩn chẩn đoán nhiễm khuẩn bệnh viện.
  - 2.2.4. Nguyên tắc phòng ngừa nhiễm khuẩn bệnh viện.
  - 2.2.5. Biện pháp phòng ngừa các nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp.

## Chương 3: Khử khuẩn - tiệt khuẩn

Thời gian: 31 giờ

### 1. Mục tiêu

1. Trình bày được định nghĩa khử khuẩn, tiệt khuẩn.
2. Mô tả được cách phân loại dụng cụ theo Spaulding.
3. Trình bày được các nguyên tắc khử khuẩn.
4. Mô tả được các phương pháp khử khuẩn, tiệt khuẩn.
5. Trình bày được nội dung kiểm soát chất lượng tiệt khuẩn và bảo quản dụng cụ tiệt khuẩn.
6. Trình bày nguyên tắc làm vệ sinh, những quy định chung và cách phân vùng vệ sinh đúng
7. Trình bày được nguyên tắc phân loại, quy trình thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế
8. Nêu được các biện pháp phòng ngừa nhiễm lây nhiễm trong tiêm và xử trí phơi nhiễm với máu, dịch cơ thể, vật sắc nhọn trong tiêm

### 2. Nội dung

- 2.1. Các phương pháp khử khuẩn, tiệt khuẩn.
  - 2.1.1. Một số khái niệm.
  - 2.1.2. Một số yếu tố ảnh hưởng đến quá trình khử khuẩn, tiệt khuẩn.
  - 2.1.3. Phân loại dụng cụ.
  - 2.1.4. Nguyên tắc khử khuẩn và tiệt khuẩn dụng cụ.
  - 2.1.5. Các phương pháp tiệt khuẩn.
  - 2.1.6. Quy trình khử khuẩn, tiệt khuẩn trong các cơ sở khám, chữa bệnh.
- 2.2. Vệ sinh môi trường bệnh viện
  - 2.2.1. Nguyên tắc làm vệ sinh, những quy định chung và cách phân vùng vệ sinh đúng

- 2.2.2. Thực hiện đúng quy trình vệ sinh tại đơn vị làm việc
- 2.3. Quản lý chất thải rắn y tế
  - 2.3.1. Nguyên tắc phân loại chất thải rắn y tế
  - 2.3.1. Quy trình thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế
- 2.4. Phòng lây nhiễm trong tiêm và xử trí phơi nhiễm với máu, dịch cơ thể, vật sắc nhọn trong tiêm
  - 2.4.1. Các biện pháp phòng ngừa nhiễm lây nhiễm trong tiêm
  - 2.4.2. Cách xử trí phơi nhiễm với máu, dịch cơ thể, vật sắc nhọn trong tiêm

#### **IV. Điều kiện thực hiện môn học**

- 1. **Phòng học:** Lý thuyết
- 2. **Trang thiết bị:** Máy chiếu, tivi,...
- 3. **Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).
- 4. **Các điều kiện khác:** Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

#### **V. Nội dung và phương pháp đánh giá**

##### **1. Nội dung**

###### **- Kiến thức**

- 1. Trình bày được định nghĩa nhiễm khuẩn bệnh viện
- 2. Liệt kê được các loại vi khuẩn gây nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp
- 3. Kể được các loại nhiễm khuẩn bệnh viện và tác nhân gây bệnh thường gặp
- 4. Nêu các biện pháp phòng ngừa các nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp.
- 5. Trình bày được định nghĩa khử khuẩn, tiệt khuẩn
- 6. Trình bày được các nguyên tắc khử khuẩn

###### **- Kỹ năng:**

- 1. Thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng tránh nhiễm khuẩn bệnh viện.
- 2. Áp dụng được các qui trình kiểm soát nhiễm khuẩn thích hợp.

###### **- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

Người học rèn luyện được thái độ thận trọng, chính xác khi thực hiện các quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn.

##### **2. Phương pháp đánh giá:**

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội
- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).
- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

#### **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:**

##### **1. Phạm vi áp dụng môn học:** toàn trường.

##### **2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:**

- Đối với giáo viên, giảng viên: Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy học tích cực; Thực hành: Thực tập tại phòng thực tập của nhà trường, sử dụng quy trình kỹ thuật hoặc bảng kiểm để dạy thực hành, video, Slide.

- Đối với người học: Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập nhóm...

**3. Những trọng tâm cần chú ý:** Kiến thức và phương pháp về phòng chống nhiễm khuẩn bệnh viện

**Tài liệu tham khảo:**

1. Phạm Đức Mục (2012), Tài liệu kiểm soát nhiễm khuẩn cho cán bộ y tế cơ sở
2. Bộ Y tế (2003), Tài liệu hướng dẫn quy trình chống nhiễm khuẩn bệnh viện, NXB Y học.
3. Vụ khoa học Đào tạo - Bộ Y tế (2007), Điều dưỡng cơ bản 1, Nhà xuất bản Giáo dục Hà Nội.
4. Vụ khoa học Đào tạo - Bộ Y tế (2008), Điều dưỡng cơ bản 2, Nhà xuất bản Giáo dục Hà Nội.
5. Vụ khoa học và Đào tạo - Bộ Y tế (2002), Hướng dẫn quy trình chăm sóc người bệnh (Tập 1), Nhà xuất bản Y học.
6. Vụ khoa học và Đào tạo - Bộ Y tế (2004), Quản lý Điều dưỡng, Nhà xuất bản Y học.
7. Bộ Y tế (1997), Quy chế bệnh viện, Nhà xuất bản Y học.
8. Giáo trình môn học Khống chế nhiễm khuẩn của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 15

**Tên môn học:** GIẢI PHẪU – SINH LÝ CHUYÊN NGÀNH & CHĂM SÓC SỨC KHỎE PHỤ NỮ VÀ NAM HỌC

**Mã môn học:**

**Thời gian thực hiện môn học:** 50 giờ; (Lý thuyết: 19 giờ; Thực hành: 29 giờ; Kiểm tra 02 giờ).

### I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: thực hiện ở học kỳ nào IV.
- Tính chất: Môn học bắt buộc, thuộc khối học phần chuyên môn ngành, nghề.

### II. Mục tiêu môn học:

#### - Về kiến thức:

1. Trình bày được sự thay đổi của bộ phận sinh dục nữ và vai trò của nó trong quá trình mang thai, chuyển dạ, đẻ và thời kỳ sau đẻ.
2. Trình bày được đặc điểm của sức khỏe sinh sản bao gồm: tuổi vị thành niên, tuổi sinh đẻ, tuổi mãn kinh và nam học.
3. Trình bày được kỹ năng chăm sóc sức khỏe sinh sản đối với người phụ nữ và nam giới; Một số tình trạng rối loạn về thể chất, chức năng sinh sản; Một số bệnh thường gặp của bộ phận sinh dục: cách phát hiện, xử trí ban đầu và dự phòng.

#### - Về kỹ năng:

1. Vận dụng được kiến thức giải phẫu sinh lý để tư vấn, thực hành hộ sinh hiệu quả và an toàn.
2. Thực hành chăm sóc sức khỏe sinh sản cho tuổi vị thành niên, tuổi sinh đẻ, tuổi mãn kinh và nam giới tại nơi thực tập.

#### - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

1. Thể hiện qua việc chuẩn bị đầy đủ dụng cụ vật liệu cần thiết cho quá trình học tập, chuẩn bị bài, tính chuyên cần, năng động và sáng tạo của sinh viên.

### III. Nội dung môn học:

#### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Nhắc lại Giải phẫu bộ phận sinh dục nữ bình thường - Sinh lý phụ khoa: Hoạt động trực dưới đồi-tuyến yên	02	02		
2	Giải phẫu khung chậu, đáy chậu, tầng sinh môn bình thường và khi có thai, ứng dụng trong thăm khám.	07	02	04	01
3	Sự thay đổi giải phẫu, sinh lý của người phụ nữ khi mang thai khi sinh đẻ, sau khi đẻ và ứng dụng trong chăm sóc	02	02		
4	Giải phẫu vú và ứng dụng trong thăm khám Sinh lý tiết sữa. Sự thay đổi của vú trong quá trình mang thai, nuôi con và ứng dụng trong	04	02	02	

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	chăm sóc				
5	Vô khuẩn trong sản phụ khoa	03	01	02	
6	Khám phụ khoa	04	02	02	
7	Chăm sóc phụ nữ có ra máu bất thường đường sinh dục	05	01	03	01
8	Chăm sóc phụ nữ viêm nhiễm sinh dục	05	01	04	
9	Chăm sóc phụ nữ có khối u sinh dục và u vú	03	01	02	
10	Chăm sóc sức khỏe sinh sản phụ nữ tiền mãn kinh và mãn kinh	03	01	02	
11	Kỹ năng khai thác bệnh sử, làm kế hoạch chăm sóc	03	01	02	
12	Vô sinh	03	01	02	
13	Chăm sóc phụ nữ sa sinh dục, rò bàng quang sinh dục và tiểu không tự chủ	03	01	02	
14	Chăm sóc sức khỏe sinh sản nam giới	03	01	02	
<b>Tổng cộng</b>		<b>50</b>	<b>19</b>	<b>29</b>	<b>02</b>

## 2. Nội dung chi tiết

### **Bài 1. Nhắc lại Giải phẫu bộ phận sinh dục nữ bình thường – Sinh lý phụ khoa: Hoạt động trực dưới đồi-tuyến yên**

Thời gian: 02 giờ

#### 1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được giải phẫu bộ phận sinh dục nữ
- 1.2. Trình bày được sinh lý phụ khoa

#### 2. Nội dung

- 2.1. Giải phẫu bộ phận sinh dục nữ
  - 2.1.1. Âm hộ
  - 2.1.2. Âm đạo
  - 2.1.3. Tầng sinh môn
  - 2.1.4. Tử cung
  - 2.1.5. Buồng trứng
  - 2.1.6. Ống dẫn trứng (vòi trứng)
- 2.2. Sinh lý phụ khoa, hoạt động trực dưới đồi – tuyến yên
  - 2.2.1. Chu kỳ kinh nguyệt và hoạt động của buồng trứng
  - 2.2.2. Chức năng nội tiết của buồng trứng
  - 2.2.3. Các thay đổi khác trong chu kỳ kinh nguyệt

### **Bài 2. Giải phẫu khung chậu, đáy chậu, tầng sinh môn bình thường và khi có thai, ứng dụng trong thăm khám.**

Thời gian: 07 giờ

#### 1. Mục tiêu

- 1.1. Trình bày được giải phẫu khung chậu, đáy chậu, tầng sinh môn bình thường và khi có thai
- 1.2. Ứng dụng giải phẫu khung chậu, đáy chậu, tầng sinh môn bình thường và khi có thai trong thăm khám



## **2. Nội dung**

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Cấu tạo chung của khung chậu
  - 2.2.1. Khung chậu được cấu tạo bởi 4 xương
  - 2.2.2. Bốn xương của khung chậu khớp với nhau bởi 4 khớp bán động
  - 2.2.3. Mặt trong xương chậu có đường vô danh chia khung chậu làm 2 phần
- 2.3. Đại khung
  - 2.3.1. Cấu tạo
  - 2.3.2. Vai trò
  - 2.3.3. Các đường kính của đại khung
  - 2.3.4. Trám michaelis
- 2.4. Tiểu khung
  - 2.4.1. Cấu tạo
  - 2.4.2. Eo trên
  - 2.4.3. Eo giữa
  - 2.4.4. Eo dưới
- 2.5. Xếp loại khung chậu
- 2.6. Cách khám khung chậu
  - 2.6.1. Khám đại khung
  - 2.6.2. Khám tiểu khung

## **Bài 3. Sự thay đổi giải phẫu, sinh lý của người phụ nữ khi mang thai khi sinh đẻ, sau khi đẻ và ứng dụng trong chăm sóc.**

Thời gian: 02 giờ

### **1. Mục tiêu**

- 1.1. Trình bày được Sự thay đổi giải phẫu, sinh lý của người phụ nữ khi mang thai khi sinh đẻ, sau khi đẻ
- 1.2. ứng dụng Sự thay đổi giải phẫu, sinh lý của người phụ nữ khi mang thai khi sinh đẻ, sau khi đẻ trong chăm sóc

### **2. Nội dung**

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Thay đổi nội tiết sinh dục
  - 2.2.1. Hcg (human chorionique gonadotropin)
  - 2.2.2. Các hormon steroid
- 2.3. Thay đổi giải phẫu và sinh lý bộ phận sinh dục
  - 2.3.1. Tại tử cung
  - 2.3.2. Thay đổi ở cổ tử cung
  - 2.3.3. Thay đổi ở âm hộ, âm đạo
  - 2.3.4. Thay đổi ở buồng trứng và vòi trứng
  - 2.3.5. Thay đổi ở vú
  - 2.3.6. Tuần hoàn
  - 2.3.7. Hô hấp
  - 2.3.8. Tiêu hoá
  - 2.3.9. Thay đổi tiết niệu
  - 2.3.10. Thay đổi thần kinh
  - 2.3.11. Một số thay đổi khác
- 2.4. Áp dụng

#### **Bài 4. Giải phẫu vú và ứng dụng trong thăm khám. Sinh lý tiết sữa. Sự thay đổi của vú trong quá trình mang thai, nuôi con và ứng dụng trong chăm sóc.**

Thời gian: 04 giờ

##### **1. Mục tiêu**

- 1.1. Trình bày được giải phẫu vú và ứng dụng trong thăm khám
- 1.2. Trình bày được sự thay đổi của vú trong quá trình mang thai, nuôi con và ứng dụng trong chăm sóc

##### **2. Nội dung**

- 2.1. Giải phẫu vú
  - 2.1.1. Những thành phần chính của vú
  - 2.1.2. Chức năng của vú
- 2.2. Thăm khám vú
- 2.3. Sinh lý tiết sữa
  - 2.3.1. Sự điều khiển của hooc môn đối với việc tạo sữa và phun sữa.
  - 2.3.2. Những dấu hiệu và cảm giác của phản xạ oxytocin tích cực.
- 2.4. Ứng dụng trong chăm sóc
  - 2.4.1. Chất ức chế trong sữa mẹ
  - 2.4.2. Kiểm tra sản xuất sữa trong vú

#### **Bài 5. Vô khuẩn trong sản khoa**

Thời gian: 03 giờ

##### **1. Mục tiêu**

- 1.1. Nêu được đối tượng cách lựa chọn không chế nhiễm khuẩn
- 1.1. Trình bày được nguyên tắc vô khuẩn trong sản khoa

##### **2. Nội dung**

- 2.1. Các thuật ngữ dùng trong vô khuẩn sản khoa
  - 2.1.1. Vô khuẩn
  - 2.1.2. Sát khuẩn
  - 2.1.3. Khử nhiễm
  - 2.1.4. Làm sạch
  - 2.1.5. Khử khuẩn cao
  - 2.1.6. Tiệt khuẩn
- 2.2. Đối tượng cần không chế nhiễm khuẩn trong sản khoa
  - 2.2.1. Dụng cụ
  - 2.2.2. Thầy thuốc
  - 2.2.3. Sản phụ
  - 2.2.4. Môi trường
- 2.3. Lựa chọn cách không chế nhiễm khuẩn đối với dụng cụ
  - 2.3.1. Đối với dụng cụ kim loại
  - 2.3.2. Với đồ vải
  - 2.3.3. Với đồ nhựa
  - 2.3.4. Thủy tinh
  - 2.3.5. Với đồ cao su
- 2.4. Các nguyên tắc vô khuẩn đối với CBYT
- 2.5. Các nguyên tắc vô khuẩn đối với phòng đẻ
- 2.6. Tiêu chuẩn phòng đẻ sạch
  - 2.6.1. Cấu trúc
  - 2.6.2. Bảo quản

## **Bài 6. Khám phụ khoa**

Thời gian: 04 giờ

### **1. Mục tiêu**

- 1.1. Nêu được cách chuẩn bị dụng cụ và bệnh nhân
- 1.2. Trình bày được nội dung hỏi bệnh và cách khám phụ khoa

### **2. Nội dung**

- 2.1. Chuẩn bị dụng cụ và bệnh nhân
- 2.2. Nội dung hỏi bệnh
- 2.3. Khám phụ khoa
  - 2.3.1. Tư thế
  - 2.3.2. Quan sát
  - 2.3.3. Khám bộ phận sinh dục ngoài
  - 2.3.4. Khám bằng mỏ vịt
  - 2.3.5. Khám âm đạo bằng tay

## **Bài 7. Chăm sóc phụ nữ có ra máu bất thường đường sinh dục**

Thời gian: 05 giờ

### **1. Mục tiêu**

- 1.1. Trình bày được sinh lý kinh nguyệt.
- 1.2. Phân biệt được chu kỳ kinh nguyệt bình thường và bất thường.
- 1.3. Trình bày các nguyên nhân gây ra máu âm đạo bất thường.
- 1.4. Mô tả triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của rối loạn kinh nguyệt và ra máu âm đạo bất thường.
- 1.5. Trình bày các bước cơ bản trong điều trị ra máu âm đạo bất thường.

### **2. Nội dung**

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Sinh lý kinh nguyệt
- 2.3. Định nghĩa những bất thường chu kỳ kinh nguyệt
- 2.4. Nguyên nhân
  - 2.4.1. Rong kinh, rong huyết, kinh ít, kinh nhiều, băng kinh, vô kinh thứ phát... cơ năng
  - 2.4.2. Các tổn thương thực thể ở cơ quan sinh dục
  - 2.4.3. Các biến chứng liên quan với thai nghén
  - 2.4.4. Bệnh toàn thân
  - 2.4.5. Các yếu tố do thuốc
- 2.5. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng
  - 2.5.1. Khai thác tiền sử và bệnh sử
  - 2.5.2. Khám lâm sàng
  - 2.5.3. Các xét nghiệm cận lâm sàng
- 2.6. Điều trị
  - 2.6.1. Nguyên tắc điều trị
  - 2.6.2. Điều trị nguyên nhân

## **Bài 8. Chăm sóc phụ nữ viêm nhiễm sinh dục**

Thời gian: 05 giờ

### **1. Mục tiêu**

- 1.1. Nêu được các hình thái viêm nhiễm sinh dục thông thường ở phụ nữ.
- 1.2. Lập được kế hoạch chăm sóc cho phụ nữ bị viêm nhiễm đường sinh dục.

1.3. Thực hiện được kế hoạch chăm sóc cho phụ nữ bị viêm nhiễm đường sinh dục.

## **2. Nội dung**

2.1. Đại cương

2.2. Các hình thái viêm nhiễm đường sinh dục

2.2.1. Viêm âm hộ

2.2.2. Viêm hay áp xe tuyến Bartholin

2.2.3. Viêm âm đạo, cổ tử cung

2.2.4. Viêm tử cung

2.2.5. Viêm phần phụ

2.3. Kế hoạch chăm sóc cho phụ nữ bị viêm nhiễm đường sinh dục

2.3.1. Nhận định

2.3.2. Chẩn đoán điều dưỡng

2.3.3. Lập kế hoạch chăm sóc

2.3.4. Thực hiện kế hoạch chăm sóc

2.3.5. Đánh giá chăm sóc

## **Bài 9. Chăm sóc phụ nữ có khối u sinh dục và u vú**

Thời gian: 03 giờ

### **1. Mục tiêu**

1.1. Đặc điểm lâm sàng một số khối u buồng trứng

1.2. Mô tả một số bệnh lý lành tính của tuyến vú

1.3. Cách chẩn đoán và xử trí UXTC. Chẩn đoán u buồng trứng/ Cách tiếp cận-Chẩn đoán bệnh lý tuyến vú

1.4. Lập KHCS UXTC, UBT

### **2. Nội dung**

2.1. Khối u sinh dục và u vú

2.1.1. Đặt vấn đề

2.1.2. Giải phẫu học tuyến vú

2.1.3. Sinh lý học tuyến vú

2.1.4. Chẩn đoán

2.1.5. Khối u lành tính ở vú

2.1.6. Kết luận

2.2. U nang buồng trứng

2.2.1. Đại cương

2.2.2. Dịch tế học của u tế bào mầm và u mô đệm sinh dục

2.2.3. Mô bệnh học u mô đệm thừng giới của buồng trứng

2.2.4. Mô bệnh học các khối u tế bào mầm buồng trứng

2.2.5. Những u di căn đến buồng trứng

2.2.6. Kết luận

2.3. U xơ tử cung

2.3.1. Mở đầu

2.3.2. Yếu tố nguy cơ

2.3.3. Diễn biến UXTC

2.3.4. Chẩn đoán

2.3.5. Điều trị

## **Bài 10. Chăm sóc sức khỏe sinh sản phụ nữ tiền mãn kinh và mãn kinh**

Thời gian: 03 giờ

### **1. Mục tiêu**

- 1.1. Mô tả 6 thay đổi về thể chất ở người phụ nữ tuổi mãn kinh.
- 1.2. Phân tích được những biến cố hay gặp ở phụ nữ tuổi mãn kinh.
- 1.3. Kể 4 loại bệnh ung thư thường gặp ở phụ nữ tuổi mãn kinh.
- 1.4. Tư vấn và hỗ trợ chăm sóc sức khỏe sinh sản cho người phụ nữ tuổi mãn kinh

## **2. Nội dung**

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Tuổi mãn kinh
- 2.3. Những biến cố hay gặp ở tuổi mãn kinh
- 2.4. Tư vấn, CS người phụ nữ tuổi mãn kinh
- 2.5. Chăm sóc sức khỏe phụ nữ mãn kinh

## **Bài 11. Kỹ năng khai thác bệnh sử, làm kế hoạch chăm sóc**

Thời gian: 03 giờ

### **1. Mục tiêu**

- 1.1. Trình bày tầm quan trọng của khai thác bệnh sử trong y khoa
- 1.2. Phân tích cách khai thác bệnh sử
- 1.3. Vận dụng kiến thức đã học để khai thác bệnh sử trong sản phụ khoa
- 1.4. Cách lập kế hoạch chăm sóc

### **2. Nội dung**

- 2.1. Khai thác bệnh sử
  - 2.1.1. Hỏi, nhìn, sờ, gõ, nghe
- 2.2. Lập kế hoạch chăm sóc

## **Bài 12. Vô sinh**

Thời gian: 03 giờ

### **1. Mục tiêu**

- 1.1. Nêu định nghĩa vô sinh
- 1.2. Cách chẩn đoán và xử trí vô sinh.
- 1.3. Lập KHCS một trường hợp vô sinh

### **2. Nội dung**

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Sơ lược sinh sản nam
- 2.3. Cơ quan sinh dục nữ
- 2.4. Sinh lý thụ thai
- 2.5. Nguyên nhân vô sinh

## **Bài 13. Chăm sóc phụ nữ sa sinh dục, rò bàng quang sinh dục và tiểu không tự chủ**

Thời gian: 03 giờ

### **1. Mục tiêu**

- 1.1. Nêu định nghĩa, nguyên nhân, chẩn đoán, cách điều trị rò BQ-AD
- 1.2. Nêu định nghĩa, nguyên nhân tiểu không tự chủ
- 1.3. Trình bày triệu chứng tiểu không tự chủ, hướng xử trí

### **2. Nội dung**

- 2.1. Định nghĩa rò BQ-AD
- 2.2. Nguyên nhân rò BQ-AM
- 2.3. Chẩn đoán và điều trị rò BQ-AD
- 2.4. Định nghĩa tiểu không tự chủ
- 2.5. Nguyên nhân tiểu không tự chủ
- 2.6. Triệu chứng và hướng xử trí tiểu không tự chủ

## **Bài 14. Chăm sóc sức khỏe sinh sản nam giới**

Thời gian: 03 giờ

### **1. Mục tiêu**

- 1.1. Trình bày cách tiếp cận suy sinh dục nam.
- 1.2. Nêu cách chăm sóc môi trường hợp suy sinh dục nam
- 1.3. Phân tích nguyên nhân và cách tiếp cận môi trường hợp rối loạn cương dương.
- 1.4. Nêu cách CS môi trường hợp rối loạn cương dương.

### **2. Nội dung**

- 2.1. Giải phẫu học dương vật
- 2.2. Mãn dục nam giới
  - 2.2.1. Nguyên nhân
  - 2.2.2. Chẩn đoán
  - 2.2.3. Điều trị
- 2.3. Suy sinh dục nam
  - 2.3.1. Nguyên nhân
  - 2.3.2. Chẩn đoán
  - 2.3.3. Điều trị
- 2.4. Vô sinh nam
  - 2.4.1. Nguyên nhân
  - 2.4.2. Chẩn đoán
  - 2.4.3. Điều trị
- 2.5. Rối loạn cương dương
  - 2.5.1. Nguyên nhân
  - 2.5.2. Chẩn đoán
  - 2.5.3. Điều trị
- 2.6. Xơ cứng vật hang
  - 2.6.1. Nguyên nhân
  - 2.6.2. Chẩn đoán
  - 2.6.3. Điều trị
- 2.7. Tinh dục đồng giới
  - 2.7.1. Nguyên nhân
  - 2.7.2. Chẩn đoán
  - 2.7.3. Điều trị

### **IV. Điều kiện thực hiện môn học:**

1. Phòng học: Giảng đường, phòng thực hành.
2. Trang thiết bị máy móc: laptop, projector, mô hình giải phẫu.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập.
4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

### **V. Nội dung và phương pháp đánh giá:**

1. Nội dung
  - Về kiến thức:
    - + Trình bày được sự thay đổi của bộ phận sinh dục nữ và vai trò của nó trong quá trình mang thai, chuyển dạ, đẻ và thời kỳ sau đẻ.

+ Trình bày được đặc điểm của sức khỏe sinh sản bao gồm: tuổi vị thành niên, tuổi sinh đẻ, tuổi mãn kinh và nam học.

+ Trình bày được kỹ năng chăm sóc sức khỏe sinh sản đối với người phụ nữ và nam giới; Một số tình trạng rối loạn về thể chất, chức năng sinh sản; Một số bệnh thường gặp của bộ phận sinh dục: cách phát hiện, xử trí ban đầu và dự phòng.

- Về kỹ năng:

+ Vận dụng được kiến thức giải phẫu sinh lý để tư vấn, thực hành hộ sinh hiệu quả và an toàn.

+ Thực hành chăm sóc sức khỏe sinh sản cho tuổi vị thành niên, tuổi sinh đẻ, tuổi mãn kinh và nam giới tại nơi thực tập.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Thể hiện qua việc chuẩn bị đầy đủ dụng cụ vật liệu cần thiết cho quá trình học tập, chuẩn bị bài, tính chuyên cần, năng động và sáng tạo của sinh viên.

## 2. Phương pháp

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (2 cột kiểm tra thường xuyên, 2 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

## VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: môn học dùng để giảng dạy cho sinh viên hộ sinh hệ cao đẳng trong cả nước.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Giảng lý thuyết lớp lớn kết hợp dạy học truyền thống và dạy học tích cực.

- Thực hành tại trường: Hướng dẫn tự học, thảo luận, các bài tập tình huống: nhóm nhỏ (20-25 sinh viên). Học sinh thảo luận, làm các chủ đề:

Các chủ đề: Sự thay đổi của pH trong chu kỳ kinh nguyệt. Ứng dụng pH âm đạo trong chăm sóc phụ khoa. Rối loạn kinh nguyệt tuổi tiền mãn kinh và mãn kinh. Vô sinh nữ và ứng dụng. Vô sinh nam và ứng dụng.

Sản phẩm: Các nhóm trình bày: Bài luận trên file word. Bài trình bày Power point.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Giảng viên cần chú ý cung cấp các kiến thức chuyên sâu về sự thay đổi của bộ phận sinh dục nữ và vai trò của nó trong quá trình mang thai, chuyển dạ, đẻ và thời kỳ sau đẻ, kiến thức cơ bản về sức khỏe sinh sản bao gồm tuổi vị thành niên, tuổi sinh đẻ, tuổi mãn kinh và nam học; Trang bị các kỹ năng chăm sóc sức khỏe sinh sản đối với người phụ nữ và nam giới; Một số tình trạng rối loạn về thể chất, chức năng sinh sản; Một số bệnh thường gặp của bộ phận sinh dục: cách phát hiện, xử trí ban đầu và dự phòng.

4. Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình do bộ môn sản phụ khoa biên soạn

- Bộ Y tế, Vụ khoa học Đào tạo (2005), Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, NXB Y học, 2005.

- Alat giải phẫu người, NXB Y học 2009.

- Bộ Y tế, vụ khoa học đào tạo (2005) "Chăm sóc bà mẹ trong thời kỳ thai nghén", NXB Y học 2005

- Bộ môn Sản - Đại học y Hà nội (2004) “Phụ khoa dành cho thầy thuốc thực hành”, NXB Y học
- Bộ Y tế - Ủy ban dân số quốc gia và kế hoạch hóa gia đình (2002) “Chăm sóc sức khỏe sinh sản”, NXB Y học
- Trường Đại học Y Hà Nội: Bài giảng Sinh lý, 2003.
- Trường đại học Y Dược TP.HCM, Bài giảng Giải phẫu tập I-II, 2004.
- Đại học Y Dược TP.HCM, Sản phụ khoa, tập 1, 2, NXB Y học chi nhánh TP.HCM, 2009.
- Bộ Y tế, 2009, chương II: Làm mẹ an toàn. Chương 8: Nam học, Hướng dẫn quốc gia các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, 2009.
- Bộ Y tế, Vụ Khoa học Đào tạo, Chăm sóc bà mẹ trong thời kỳ thai nghén, NXB Y học, 2005.
- Bộ môn Sản - Đại học Y Hà Nội, Bài giảng Sản phụ khoa, tập 1, 2, NXB Y học, 2002.
- Bộ môn Sản - Đại học Y Hà Nội, Phụ khoa dành cho thầy thuốc thực hành, NXB Y học, 2004.
- Bộ Y tế -Ủy ban Dân số quốc gia và kế hoạch hoá gia đình, Chăm sóc sức khỏe sinh sản, NXB Y học, 2002.
- Trường Đại học Y Hà Nội, Bài giảng Sinh lý, 2003.
- Trường đại học Y – Dược thành phố Hồ Chí Minh: Bài giảng Giải phẫu tập I-II, 2004.
- Đại học Y Dược TP.HCM, Sản phụ khoa, tập 1, 2, NXB Y học chi nhánh TP.HCM, 2009
- Giáo trình môn học Giải phẫu – sinh lý chuyên ngành và chăm sóc sức khỏe phụ nữ nà nam học của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp

## **CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 16**

**Tên môn học:** CHĂM SÓC THAI NGHÉN

**Mã môn học:**

**Thời gian thực hiện môn học:** 20 giờ; (Lý thuyết: 19 giờ; Kiểm tra: 01 giờ).

### **I. Vị trí, tính chất của môn học:**

- Vị trí: thực hiện ở học kỳ IV.
- Tính chất: Môn học bắt buộc, thuộc khối học phần chuyên môn ngành, nghề.

### **II. Mục tiêu môn học:**

- Về kiến thức:
  - + Trình bày được sự thay đổi của người phụ nữ trong thời kỳ thai nghén, các nhu cầu của người phụ nữ trong thời kỳ thai nghén.
  - + Trình bày được tác động của môi trường sống, điều kiện làm việc và quá trình chăm sóc đến sức khỏe bà mẹ và sự phát triển của thai nhi.
- Về kỹ năng:
  - + Thực hiện được kỹ năng chăm sóc người phụ nữ trong thời kỳ thai nghén tại bệnh viện và tại cộng đồng.
  - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm
    - + Người học có khả năng chăm sóc người phụ nữ trong thời kỳ thai nghén tại bệnh viện và tại cộng đồng.



### III. Nội dung môn học:

#### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian học tập (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
	<b>Chương 1. Tổng quan về quá trình mang thai và các xét nghiệm thực hiện trong thai kỳ.</b>	<b>06</b>	<b>06</b>	
1	Tổng quan về quá trình mang thai và một số thuật ngữ.	02	02	
2	Sự thụ tinh, làm tổ và phát triển của trứng.	02	02	
3	Các xét nghiệm cơ bản khi mang thai. Các xét nghiệm sàng lọc trong chẩn đoán trước sinh.	02	02	
	<b>Chương 2. Khám thai, quản lý và chăm sóc thai nghén.</b>	<b>14</b>	<b>13</b>	<b>01</b>
4	Khám thai và quản lý thai nghén.	04	03	
5	Thai nghén có nguy cơ cao.	04	02	
6	Tư vấn cho sản phụ trong thời kỳ mang thai.	02	02	01
7	Chăm sóc phụ nữ mang thai 3 tháng đầu.	06	02	
8	Chăm sóc phụ nữ mang thai 3 tháng giữa.	06	02	
9	Chăm sóc phụ nữ mang thai 3 tháng cuối.	06	02	
	<b>Tổng</b>	<b>20</b>	<b>19</b>	<b>01</b>

#### 2. Nội dung chi tiết:

##### Chương 1. Tổng quan về quá trình mang thai và các xét nghiệm thực hiện trong thai kỳ

Thời gian: 06 giờ

##### 1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được các hiện tượng thụ tinh, làm tổ và phát triển của trứng.
- 1.2. Trình bày các xét nghiệm cơ bản và các xét nghiệm giúp sàng lọc phát hiện thai dị tật.
- 1.3. Ứng dụng được vào công tác chăm sóc, quản lý thai.

##### 2. Nội dung chương:

- 2.1. Tổng quan về quá trình mang thai và một số thuật ngữ.
  - 2.1.1. Tổng quan về quá trình mang thai.
  - 2.1.2. Một số thuật ngữ dùng trong chuyên ngành sản phụ khoa.
- 2.2. Sự thụ tinh, làm tổ và phát triển của trứng.
  - 2.2.1. Định nghĩa các hiện tượng thụ tinh, làm tổ, di chuyển và phát triển của trứng.
  - 2.2.2. Mô tả các hiện tượng thụ tinh, làm tổ, di chuyển và phát triển của trứng.
  - 2.2.3. Các yếu tố sinh lý và bệnh lý ảnh hưởng đến quá trình thụ tinh, làm tổ, di chuyển và phát triển của trứng.
  - 2.2.4. Ứng dụng kiến thức đã học vào công tác chăm sóc và quản lý thai nghén.
- 2.3. Các xét nghiệm cơ bản khi mang thai – Các xét nghiệm sàng lọc trong chẩn đoán trước sinh.
  - 2.3.1. Các xét nghiệm cơ bản cần thực hiện khi mang thai.

2.3.2. Các xét nghiệm sàng lọc trong chẩn đoán trước sanh.

## **Chương 2. Khám thai, quản lý và chăm sóc thai nghén.**

Thời gian: 14 giờ

### **1. Mục tiêu**

- 1.1. Trình bày được cách khám thai và quản lý thai nghén. Thai nghén có nguy cơ
- 1.2. Trình bày cách tư vấn cho sản phụ trong thời kỳ mang thai.
- 1.3. Biết cách chăm sóc phụ nữ mang thai 3 tháng đầu, 3 tháng giữa và 3 tháng cuối.

### **2. Nội dung chương:**

- 2.1. Khám thai và quản lý thai nghén
  - 2.1.1. Lịch khám thai.
  - 2.1.2. Mục đích và nội dung khám thai 3 tháng đầu, ba tháng giữa, ba tháng cuối.
- 2.2. Thai nghén nguy cơ cao
  - 2.2.1. Thai nghén nguy cơ cao.
  - 2.2.2. Quản lý và xử trí thai nghén nguy cơ cao.
- 2.3. Tư vấn cho sản phụ trong thời kỳ mang thai
  - 2.3.1. Tư vấn: chế độ làm việc, nghỉ ngơi, sinh hoạt, thể dục, dinh dưỡng, tăng cân.
  - 2.3.2. Vệ sinh thai nghén.
  - 2.3.3. Tiêm ngừa.
  - 2.3.4. Tự theo dõi và chăm sóc thai kỳ.
- 2.4. Chăm sóc phụ nữ mang thai 3 tháng đầu.
  - 2.4.1. Những thay đổi của bà mẹ trong ba tháng đầu thai kỳ.
  - 2.4.2. Những biến cố có thể gặp trong ba tháng đầu thai kỳ.
  - 2.4.3. Chăm sóc bà mẹ trong ba tháng đầu thai kỳ.
- 2.5. Chăm sóc phụ nữ mang thai 3 tháng giữa.
  - 2.5.1. Những thay đổi của bà mẹ trong ba tháng giữa thai kỳ.
  - 2.5.2. Những biến cố có thể gặp trong ba tháng giữa thai kỳ.
  - 2.5.3. Chăm sóc bà mẹ trong ba tháng giữa thai kỳ.
- 2.6. Chăm sóc phụ nữ mang thai 3 tháng cuối.
  - 2.6.1. Những thay đổi của bà mẹ trong ba tháng cuối thai kỳ.
  - 2.6.2. Những biến cố có thể gặp trong ba tháng cuối thai kỳ.
  - 2.6.3. Chăm sóc bà mẹ trong ba tháng cuối thai kỳ.

### **IV. Điều kiện thực hiện môn học:**

1. Phòng học: Giảng đường, phòng thực hành, phòng khám và khoa sản, bệnh viện đa khoa tỉnh.
2. Trang thiết bị máy móc: laptop, projector.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).
4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

## **V. Nội dung và phương pháp đánh giá:**

### 1. Nội dung

#### - Về kiến thức:

+ Trình bày được sự thay đổi của người phụ nữ trong thời kỳ thai nghén, các nhu cầu của người phụ nữ trong thời kỳ thai nghén.

+ Trình bày được tác động của môi trường sống, điều kiện làm việc và quá trình chăm sóc đến sức khỏe bà mẹ và sự phát triển của thai nhi.

#### - Về kỹ năng:

+ Thực hiện được kỹ năng chăm sóc người phụ nữ trong thời kỳ thai nghén tại bệnh viện và tại cộng đồng.

#### - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Người học có khả năng chăm sóc người phụ nữ trong thời kỳ thai nghén tại bệnh viện và tại cộng đồng.

### 2. Phương pháp

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ (hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm). Trọng số 0,4.

- Thi kết thúc học phần: hình thức thi trắc nghiệm MCQs. Trọng số 0,6.

## **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:**

1. Phạm vi áp dụng môn học: môn học dùng để giảng dạy cho sinh viên hệ sinh hệ cao đẳng trong cả nước.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Thuyết trình kết hợp dạy học tích cực (giảng lớp lớn).

- Hướng dẫn tự học, làm việc nhóm nhỏ, thảo luận, các bài tập tình huống 18 tiết: nhóm nhỏ (20-25 sinh viên). Học sinh thảo luận, làm các chủ đề

Các chủ đề: Chăm sóc phụ nữ mang thai 3 tháng đầu. Chăm sóc phụ nữ mang thai 3 tháng giữa. Chăm sóc phụ nữ mang thai 3 tháng cuối.

Sản phẩm:

Bài luận trên file word. Bài trình bày Power point

Các nhóm trình bày

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Sinh viên phải học xong các học phần: Giải phẫu – Sinh lý chuyên ngành; Giao tiếp, giáo dục sức khỏe; Chăm sóc sức khỏe phụ nữ và nam học.

- Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về sự thay đổi của người phụ nữ trong thời kỳ thai nghén, các nhu cầu của người phụ nữ trong thời kỳ thai nghén, tác động của môi trường sống, điều kiện làm việc và quá trình chăm sóc đến sức khỏe bà mẹ và sự phát triển của thai nhi. Đồng thời học phần cung cấp kỹ năng chăm sóc người phụ nữ trong thời kỳ thai nghén tại bệnh viện và tại cộng đồng.

4. Tài liệu tham khảo:

- Bộ Y tế, Vụ Khoa học Đào tạo, Chăm sóc bà mẹ trong kỳ thai nghén, NXB Y học, 2005.

- Bộ Y tế, chương II: Làm mẹ an toàn, Hướng dẫn quốc gia các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, 2009.

- Bộ môn Sản - Đại học Y Hà Nội, Bài giảng Sản phụ khoa, tập 1, 2, NXB Y học, 2002.
- Bộ môn Sản - Đại học Y Hà Nội, Phụ khoa dành cho thầy thuốc thực hành, NXB Y học, 2004.
- Bộ Y tế - Ủy ban Dân số quốc gia và kế hoạch hoá gia đình, Chăm sóc sức khoẻ sinh sản, NXB Y học, 2002.
- Đại học Y Dược TP.HCM, Sản phụ khoa, tập 1, 2, NXB Y học chi nhánh TP.HCM, 2009
- Giáo trình môn học Chăm sóc thai nghén của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 17

**Tên môn học:** THỰC HÀNH BỆNH VIỆN CHĂM SÓC THAI NGHÉN

**Mã môn học:**

**Thời gian thực hiện môn học:** 45 giờ (Thực tập: 44 giờ; Kiểm tra: 01 giờ).

### I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: thực hiện ở học kỳ II.
- Tính chất: Môn học bắt buộc, thuộc khối học phân chuyên môn ngành, nghề.

### II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

1. Hệ thống lại toàn bộ những kiến thức liên quan đến sự thay đổi của người phụ nữ trong thời kỳ thai nghén, các nhu cầu của người phụ nữ trong thời kỳ thai nghén.

2. Sự tác động của môi trường sống, điều kiện làm việc và quá trình chăm sóc đến sức khoẻ bà mẹ và sự phát triển của thai nhi.

- Về kỹ năng:

1. Thực hiện được kỹ năng chăm sóc người phụ nữ trong thời kỳ thai nghén tại bệnh viện và tại cộng đồng.

2. Thể hiện được tầm quan trọng của cách tiếp cận lấy phụ nữ làm trung tâm trong việc chăm sóc phụ nữ trong thời kỳ thai nghén .

3. Thể hiện được tầm quan trọng của giao tiếp hiệu quả và nhạy cảm với phụ nữ trong thời kỳ thai nghén .

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

1. Người học cần hiểu rõ rằng mang thai là sự kiện cuộc sống bình thường.

2. Cần tôn trọng những khác biệt văn hóa liên quan đến mang thai và chăm sóc bà mẹ trong thời kỳ mang thai.

### III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian học tập (giờ)		Chỉ tiêu	
		Thực tập	Kiểm tra	Kiến tập	Thực tập
1	Các xét nghiệm cơ bản khi mang thai.	05			2

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian học tập (giờ)		Chỉ tiêu	
		Thực tập	Kiểm tra	Kiến tập	Thực tập
2	Các xét nghiệm sàng lọc trong chẩn đoán trước sinh.	05			3
3	Khám thai và quản lý thai nghén.	09	1		5
4	Thai nghén có nguy cơ cao.	05			2
5	Tư vấn cho sản phụ trong thời kỳ mang thai.	05			2
6	Chăm sóc phụ nữ mang thai 3 tháng đầu.	05			2
7	Chăm sóc phụ nữ mang thai 3 tháng giữa.	05			2
8	Chăm sóc phụ nữ mang thai 3 tháng cuối.	05			2
	<b>Tổng số</b>	<b>44</b>	<b>1</b>		<b>20</b>

#### IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Khoa sản bệnh viện đa khoa tỉnh
2. Trang thiết bị máy móc: dụng cụ trang thiết bị cần cho xét nghiệm, khám và quản lý thai nghén.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.
4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

#### V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung
  - Về kiến thức:
    1. Hệ thống lại toàn bộ những kiến thức liên quan đến sự thay đổi của người phụ nữ trong thời kỳ thai nghén, các nhu cầu của người phụ nữ trong thời kỳ thai nghén.
    2. Sự tác động của môi trường sống, điều kiện làm việc và quá trình chăm sóc đến sức khỏe bà mẹ và sự phát triển của thai nhi.
  - Về kỹ năng:
    1. Thực hiện được kỹ năng chăm sóc người phụ nữ trong thời kỳ thai nghén tại bệnh viện và tại cộng đồng.
    2. Thể hiện được tầm quan trọng của cách tiếp cận lấy phụ nữ làm trung tâm trong việc chăm sóc phụ nữ trong thời kỳ thai nghén .

3. Thể hiện được tầm quan trọng của giao tiếp hiệu quả và nhạy cảm với phụ nữ trong thời kỳ thai nghén .

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

1. Người học cần hiểu rõ rằng mang thai là sự kiện cuộc sống bình thường.

2. Cần tôn trọng những khác biệt văn hóa liên quan đến mang thai và chăm sóc bà mẹ trong thời kỳ mang thai.

2. Phương pháp:

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội.

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: Quy trình điều, bảng kiểm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6. Hình thức thi trình bệnh án, vấn đáp.

## **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:**

1. Phạm vi áp dụng môn học: học phần dùng để giảng dạy sinh viên thuộc khối ngành cao đẳng hộ sinh.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

Cầm tay chỉ việc trên lâm sàng: Giảng viên nhà trường kết hợp giảng viên bệnh viện. Mỗi giảng viên bệnh viện 1 nhóm 4-5 sinh viên theo dõi trong suốt đợt học, hướng dẫn và đánh giá theo bảng kiểm trong sổ theo dõi thực hành của sinh viên.

Trong suốt quá trình học tập của sinh viên phải có cơ chế phản hồi thường xuyên giữa giảng viên nhà trường và giảng viên bệnh viện. Giảng viên bệnh viện phải đánh giá cho sinh viên 3 lần theo 3 bảng kiểm có trong sổ và phải ghi nhận xét của cả 2 giảng viên vào sổ.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Đây là học phần chuyên về thực hành lâm sàng bệnh viện chăm sóc thai nghén. Giảng viên cần chú ý hướng dẫn sinh viên phải thực hành chăm sóc sản phụ và thai nhi trong suốt quá trình mang thai.

4. Tài liệu tham khảo:

- Bộ môn sản phụ khoa, Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh: Thực hành sản phụ khoa, 2004.

- Bộ Y tế, chương II: Làm mẹ an toàn, Hướng dẫn quốc gia các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, 2009.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 18

**Tên môn học:** CHĂM SÓC CHUYÊN DẠ VÀ ĐẼ THƯỜNG

**Mã môn học:**

**Thời gian thực hiện môn học:** 40 giờ (Lý thuyết: 39 giờ; Kiểm tra: 01 giờ).

### I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: thực hiện ở học kỳ II.
- Tính chất: Môn học bắt buộc, thuộc khối học phần chuyên môn ngành, nghề.

### II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

1. Trình bày được sự thay đổi của người phụ nữ trong thời kỳ chuyển dạ và sinh đẻ, các nhu cầu của người phụ nữ trong thời kỳ chuyển dạ và sinh đẻ bình thường.

2. Trình bày được tác động của quá trình theo dõi, chăm sóc đến sức khỏe bà mẹ và thai nhi trong quá trình chuyển dạ và sinh đẻ.

- Về kỹ năng:

1. Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng sản khoa và đỡ đẻ thường.

2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc sản phụ chuyển dạ và đẻ thường.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

1. Người học phải có tác phong nhanh nhẹn, thận trọng, chính xác, đảm bảo an toàn và tôn trọng sản phụ.

### III. Nội dung môn học:

#### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian học tập (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
	<b>Chương 1. Chuyển dạ - chăm sóc mẹ và thai trong ba giai đoạn của cuộc chuyển dạ.</b>	<b>38</b>	<b>37</b>	<b>01</b>
1	Đại cương chuyển dạ	03	03	
2	Các dấu hiệu chuyển dạ và theo dõi chuyển dạ	04	04	
3	Cơ chế đẻ	03	03	
4	Chăm sóc chuyển dạ giai đoạn I	05	04	01
	Biểu đồ chuyển dạ	03	03	
	Chăm sóc chuyển dạ giai đoạn II	03	03	
	Chuẩn bị cho cuộc đẻ thường	02	02	
	Đỡ đẻ thường	04	04	
6	Chăm sóc chuyển dạ giai đoạn III	03	03	
	Đỡ rau và kiểm tra rau	03	03	
	Chăm sóc trẻ sơ sinh ngay sau đẻ	02	02	
	Chăm sóc sản phụ sau đẻ 6 giờ đầu	03	03	
	<b>Chương 2. Chăm sóc chuyển dạ ngoài cơ sở y tế.</b>	<b>02</b>	<b>02</b>	
7	Đỡ đẻ ngoài cơ sở y tế	02	02	
<b>Tổng cộng</b>		<b>70</b>	<b>39</b>	<b>01</b>

#### 2. Nội dung chi tiết:

## **Chương 1. Chuyển dạ - chăm sóc mẹ và thai trong ba giai đoạn của cuộc chuyển dạ.**

Thời gian: 38  
giờ

### **1. Mục tiêu:**

- 1.1. Trình bày được những kiến thức cơ bản về cuộc chuyển dạ.
- 1.2. Trình bày những nội dung cần thực hiện để có thể chăm sóc và theo dõi được cuộc chuyển dạ cho an toàn.
- 1.3. Tiến hành theo dõi và chăm sóc được cho mẹ, thai nhi và trẻ sơ sinh trong ba giai đoạn của cuộc chuyển dạ và trong 6 giờ đầu sau sanh.
- 1.4. Rèn luyện tác phong ân cần, thận trọng, chính xác, thể hiện thái độ cảm thông với bà mẹ trong cuộc chuyển dạ.

### **2. Nội dung chương:**

- 2.1. Đại cương chuyển dạ
- 2.2. Các dấu hiệu chuyển dạ và theo dõi chuyển dạ.
  - 2.2.1. Các dấu hiệu chuyển dạ.
  - 2.2.2. Theo dõi chuyển dạ.
  - 2.2.3. Các trường hợp chuyển dạ bất thường
- 2.3. Cơ chế đẻ
  - 2.3.1. Nhắc lại giải phẫu khung chậu về phương diện sản khoa.
  - 2.3.2. Cơ chế đẻ ngôi chỏm.
- 2.4. Chăm sóc chuyển dạ giai đoạn I – Biểu đồ chuyển dạ.
  - 2.4.1. Chăm sóc chuyển dạ giai đoạn I.
  - 2.4.2. Biểu đồ chuyển dạ.
- 2.4. Chăm sóc chuyển dạ giai đoạn II – Chuẩn bị cho cuộc đẻ thường – Đỡ đẻ thường
  - 2.4.1. Chăm sóc chuyển dạ giai đoạn II.
  - 2.4.2. Chuẩn bị cho cuộc đẻ thường.
  - 2.4.3. Đỡ đẻ thường ngôi chỏm sổ kiểu chằm vệ.
- 2.5. Chăm sóc chuyển dạ giai đoạn III
  - 2.5.1. Chăm sóc chuyển dạ giai đoạn III.
  - 2.5.2. Đỡ nhau và kiểm tra nhau.
  - 2.5.3. Chăm sóc trẻ sơ sinh ngay sau đẻ.
  - 2.5.4. Chăm sóc sản phụ sau đẻ 6 giờ đầu

## **Chương 2. Chăm sóc chuyển dạ ngoài cơ sở y tế.**

Thời gian: 02 giờ

### **1. Mục tiêu:**

- 1.1. Trình bày được những kiến thức cơ bản về cuộc chuyển dạ.
- 1.2. Trình bày những nội dung cần thực hiện để có thể chăm sóc và theo dõi được cuộc chuyển dạ cho an toàn.
- 1.3. Tiến hành theo dõi và chăm sóc được cho mẹ, thai nhi và trẻ sơ sinh trong ba giai đoạn của cuộc chuyển dạ và trong 6 giờ đầu sau sanh.



1.4. Rèn luyện tác phong ân cần, thận trọng, chính xác, thể hiện thái độ cảm thông với bà mẹ trong cuộc chuyển dạ.

## **2. Nội dung chương:**

### **2.1. Đỡ đẻ ngoài cơ sở y tế**

2.1.1. Những điểm cần lưu ý khi đỡ đẻ ngoài cơ sở y tế.

2.1.2. Gói đỡ đẻ sạch.

2.1.3. Chuẩn bị và thực hiện đỡ đẻ ngoài cơ sở y tế.

2.1.4. Chăm sóc mẹ và con sau khi đỡ đẻ ngoài cơ sở y tế.

## **IV. Điều kiện thực hiện môn học:**

1. Phòng học: Giảng đường, phòng thực hành, phòng khám và khoa sản bệnh viện đa khoa tỉnh.

2. Trang thiết bị máy móc: laptop, projector.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập.

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

## **V. Nội dung và phương pháp đánh giá:**

### **1. Nội dung**

- Về kiến thức:

+ Trình bày được sự thay đổi của người phụ nữ trong thời kỳ chuyển dạ và sinh đẻ, các nhu cầu của người phụ nữ trong thời kỳ chuyển dạ và sinh đẻ bình thường.

+ Trình bày được tác động của quá trình theo dõi, chăm sóc đến sức khỏe bà mẹ và thai nhi trong quá trình chuyển dạ và sinh đẻ.

- Về kỹ năng:

+ Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng sản khoa và đỡ đẻ thường.

+ Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc sản phụ chuyển dạ và đẻ thường.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Người học phải có tác phong nhanh nhẹn, thận trọng, chính xác, đảm bảo an toàn và tôn trọng sản phụ.

### **2. Phương pháp**

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ (hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm). Trọng số 0,4.

- Thi kết thúc học phần: hình thức thi trắc nghiệm MCQs. Trọng số 0,6.

## **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:**

1. Phạm vi áp dụng môn học: môn học dùng để giảng dạy cho sinh viên hệ sinh hệ cao đẳng trong cả nước.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- *Lý thuyết*: Thuyết trình kết hợp dạy học tích cực

- *Thực hành tại trường*: Học các kỹ thuật làm mẹ an toàn, giảng viên hướng dẫn, phân tích tình huống, thực hành trên lab.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Sinh viên phải học xong các học phần Giải phẫu – Sinh lý chuyên ngành; Giao tiếp, giáo dục sức khỏe; Chăm sóc thai nghén.

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về sự thay đổi của người phụ nữ trong thời kỳ chuyên dục và sinh đẻ, các nhu cầu của người phụ nữ trong thời kỳ chuyên dục và sinh đẻ bình thường; Tác động của quá trình theo dõi, chăm sóc đến sức khoẻ bà mẹ và thai nhi trong quá trình chuyên dục và sinh đẻ. Đồng thời, học phần cung cấp kỹ năng thực hành hộ sinh và chăm sóc toàn diện bà mẹ chuyên dục đẻ bình thường.

4. Tài liệu tham khảo:

- Bộ Y tế, Chăm sóc trong đẻ, NXB Y học, 2005.
- Bộ Y tế, chương 3, Tài liệu hộ sinh 3 năm.
- Bộ Y tế, chương II: Làm mẹ an toàn, Hướng dẫn quốc gia các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ sinh sản, 2009.
- Bộ Y tế, Vụ Khoa học Đào tạo, Chăm sóc bà mẹ trong đẻ, NXB Y học, 2005.
- Bộ môn Sản - Đại học Y Hà Nội, Bài giảng Sản phụ khoa, tập 1, 2, NXB Y học, 2002.
- Bộ môn Sản - Đại học Y Hà Nội, Phụ khoa dành cho thầy thuốc thực hành, NXB Y học, 2004.
- Bộ Y tế - Ủy ban Dân số quốc gia và kế hoạch hoá gia đình, Chăm sóc sức khoẻ sinh sản, NXB Y học, 2002.
- Đại học Y Dược TP.HCM, Sản phụ khoa, tập 1, 2, NXB Y học chi nhánh TP.HCM, 2009.
- Giáo trình môn học Chăm sóc chuyên dục và đẻ thường của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 19

**Tên môn học:** THỰC HÀNH BỆNH VIỆN CHĂM SÓC CHUYÊN DẠ ĐỂ THƯỜNG

**Mã môn học:**

**Thời gian thực hiện môn học:** 45 giờ (Thực tập: 44 giờ; Kiểm tra: 01 giờ).

### I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: thực hiện ở học kỳ II.
- Tính chất: Môn học bắt buộc, thuộc khối học phần chuyên môn ngành, nghề.

### II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

1. Hệ thống lại toàn bộ những kiến thức liên quan đến sự thay đổi của người phụ nữ trong thời kỳ chuyển dạ và sinh đẻ, các nhu cầu của người phụ nữ trong thời kỳ chuyển dạ và sinh đẻ bình thường.

2. Sự tác động của quá trình theo dõi, chăm sóc đến sức khỏe bà mẹ và thai nhi trong quá trình chuyển dạ và sinh đẻ.

- Về kỹ năng:

1. Thực hiện được các kỹ thuật chăm sóc sản khoa và đỡ đẻ thường.

2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc sản phụ chuyển dạ và đẻ thường.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

1. Người học cần hiểu rõ rằng mang thai và sinh đẻ là sự kiện cuộc sống bình thường.

2. Người học phải có tác phong nhanh nhẹn, thận trọng, chính xác, đảm bảo an toàn và tôn trọng sản phụ khi thực hiện đỡ đẻ thường.

### III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Chỉ tiêu			
		Thực tập BV	Kiểm tra	Kiến tập	Thực tập
1	Các dấu hiệu chuyển dạ & theo dõi chuyển dạ	05			2
2	Chăm sóc chuyển dạ giai đoạn I	05			2
3	Biểu đồ chuyển dạ	05			2
4	Chăm sóc chuyển dạ giai đoạn II	05			2
5	Chuẩn bị cho cuộc đẻ thường	05			2
6	Đỡ đẻ thường	05			2
7	Chăm sóc chuyển dạ giai đoạn III	05			2
8	Đỡ rau và kiểm tra rau	05			2

Số TT	Tên chương, mục	Chỉ tiêu			
		Thực tập BV	Kiểm tra	Kiến tập	Thực tập
9	Chăm sóc trẻ sơ sinh và sản phụ ngay sau đẻ	05			2
	<b>Tổng số</b>	<b>45</b>			<b>18</b>

#### IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Khoa sản bệnh viện đa khoa tỉnh
2. Trang thiết bị máy móc: dụng cụ trang thiết bị cần cho đỡ đẻ thường.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.
4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

#### V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung
  - Về kiến thức:
    1. Hệ thống lại toàn bộ những kiến thức liên quan đến sự thay đổi của người phụ nữ trong thời kỳ chuyển dạ và sinh đẻ, các nhu cầu của người phụ nữ trong thời kỳ chuyển dạ và sinh đẻ bình thường.
    2. Sự tác động của quá trình theo dõi, chăm sóc đến sức khoẻ bà mẹ và thai nhi trong quá trình chuyển dạ và sinh đẻ.
  - Về kỹ năng:
    1. Thực hiện được các kỹ thuật chăm sóc sản khoa và đỡ đẻ thường.
    2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc sản phụ chuyển dạ và đẻ thường.
  - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:
    1. Người học cần hiểu rõ rằng mang thai và sinh đẻ là sự kiện cuộc sống bình thường.
    2. Người học phải có tác phong nhanh nhẹn, thận trọng, chính xác, đảm bảo an toàn và tôn trọng sản phụ khi thực hiện đỡ đẻ thường.
2. Phương pháp:
 

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội.

  - Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: Quy trình, bảng kiểm).
  - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6. Hình thức thi trình bệnh án, vấn đáp.

#### VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: học phần dùng để giảng dạy sinh viên thuộc khối ngành cao đẳng hộ sinh.
2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:
 

Cầm tay chỉ việc trên lâm sàng: Giảng viên nhà trường kết hợp giảng viên bệnh viện. Mỗi giảng viên bệnh viện 1 nhóm 4-5 sinh viên theo dõi trong suốt đợt học, hướng dẫn và đánh giá theo bảng kiểm trong sổ theo dõi thực hành của sinh viên. Trong suốt quá trình học tập của sinh viên phải có cơ chế phản hồi thường xuyên giữa

giảng viên nhà trường và giảng viên bệnh viện. Giảng viên bệnh viện phải đánh giá cho sinh viên 3 lần theo 3 bảng kiểm có trong sổ và phải ghi nhận xét của cả 2 giảng viên vào sổ.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Đây là học phần chuyên về thực hành lâm sàng bệnh viện đỡ đẻ thường. Giảng viên cần chú ý hướng dẫn sinh viên phải thực hành chăm sóc sản phụ và thai nhi trong cuộc đẻ. Chăm sóc tức thì trẻ sơ sinh ngay sau đẻ.

4. Tài liệu tham khảo:

- Bộ môn sản phụ khoa, Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh: Thực hành sản phụ khoa, 2004.

- Bộ Y tế, chương II: Làm mẹ an toàn, Hướng dẫn quốc gia các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, 2009.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 20

**Tên môn học:** NÂNG CAO SỨC KHỎE VÀ HÀNH VI CON NGƯỜI

**Mã môn học:**

**Thời gian thực hiện:** 20 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Kiểm tra: 01 giờ)

### I. Vị trí, tính chất của môn học

1. **Vị trí:** Môn học thực hiện ở học kỳ III

2. **Tính chất:** Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nội dung truyền thông giáo dục sức khỏe, phương pháp, phương tiện và các kỹ năng, các nguyên tắc chính của truyền thông nâng cao sức khỏe; rèn luyện và nâng cao thái độ đúng trong khi giao tiếp với người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng.

### II. Mục tiêu môn học

#### - Về Kiến thức

1. Nêu được các khái niệm về sức khỏe, giáo dục sức khỏe, nâng cao sức khỏe, hành vi, hành vi sức khỏe.
2. Trình bày được các nguyên tắc chính của truyền thông nâng cao sức khỏe.
3. Trình bày được các mô hình lý thuyết và dự đoán quá trình thay đổi hành vi cá nhân.
4. Trình bày được các mô hình nâng cao sức khỏe.
5. Trình bày được nguyên tắc lựa chọn nội dung và nội dung truyền thông giáo dục sức khỏe
6. Trình bày được các phương pháp, phương tiện truyền thông giáo dục sức khỏe;
7. Trình bày được các kỹ năng giáo dục sức khỏe, nâng cao sức khỏe, các cách tiếp cận truyền thông.
8. Xây dựng được mục tiêu và lập được kế hoạch chương trình nâng cao sức khỏe.
9. Trình bày được tầm quan trọng của các hoạt động nâng cao sức khỏe tại trường học, nơi làm việc.

#### - Về kỹ năng

1. Xác định được các nhu cầu của công tác nâng cao sức khỏe và các vấn đề ưu tiên.
2. Phân tích các yếu tố tác động đến thay đổi hành vi sức khỏe.

#### - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Người học vận dụng các bước thay đổi hành vi sức khỏe trong sinh hoạt hàng ngày; Xác định vấn đề sức khỏe ưu tiên; Lập kế hoạch truyền thông vấn đề sức khỏe ưu tiên trong cộng đồng.

### III. Nội dung môn học

#### 1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian học tập (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
1	<b>Chương 1: Những nội dung cơ bản của nâng cao sức khỏe</b>	07	07	
1.1	Khái niệm về truyền thông giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe	01	01	
1.2	Nguyên tắc truyền thông giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe	02	02	

Số TT	Tên chương, mục, bài	Thời gian học tập (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
1.3	Hành vi sức khỏe và quá trình thay đổi hành vi sức khỏe	02	02	
1.4	Các phương thức tiếp cận và mô hình nâng cao sức khỏe	02	02	
<b>2</b>	<b>Chương 2: Những kỹ năng chính trong nâng cao sức khỏe</b>	<b>08</b>	<b>07</b>	<b>01</b>
2.1	Nội dung truyền thông giáo dục sức khỏe	02	02	
2.2	Phương pháp, phương tiện truyền thông sức khỏe	02	02	
2.3	Kỹ năng truyền thông giáo dục sức khỏe	02	02	
2.4	Lập kế hoạch chương trình nâng cao sức khỏe	02	01	01
<b>3</b>	<b>Chương 3: Triển khai chương trình nâng cao sức khỏe tại cộng đồng</b>	<b>05</b>	<b>05</b>	
3.1	Phát triển cộng đồng trong nâng cao sức khỏe	03	03	
3.2	Nâng cao sức khỏe ở một số cơ sở	02	02	
<b>Tổng cộng</b>		<b>20</b>	<b>19</b>	<b>01</b>

## 2. Nội dung chi tiết

**Chương 1: khái niệm về sức khỏe và nâng cao sức khỏe** Thời gian: 7 giờ

### 1. Mục tiêu

1. Nêu được các khái niệm về sức khỏe, giáo dục sức khỏe, nâng cao sức khỏe, hành vi, hành vi sức khỏe.
2. Trình bày được các nguyên tắc chính của truyền thông nâng cao sức khỏe.
3. Giải thích được những yếu tố quyết định sức khỏe.
4. Trình bày được các mô hình lý thuyết và dự đoán quá trình thay đổi hành vi cá nhân.
5. Mô tả được các cách tiếp cận trong nâng cao sức khỏe.
6. Trình bày được các mô hình nâng cao sức khỏe.

### 2. Nội dung

- 2.1. Giới thiệu về nâng cao sức khỏe
  - 2.1.1. Sức khỏe và chăm sóc sức khỏe ban đầu.
  - 2.1.2. Các khái niệm giáo dục sức khỏe, nâng cao sức khỏe.
  - 2.1.3. Các nguyên tắc chính của truyền thông nâng cao sức khỏe.
- 2.2. Nguyên tắc truyền thông giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe
  - 2.2.1. Khái niệm
  - 2.2.2. Nguyên tắc truyền thông giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe
- 2.3. Hành vi sức khỏe và quá trình thay đổi hành vi
  - 2.3.1. Những yếu tố quyết định sức khỏe.
  - 2.3.2. Hành vi sức khỏe và những yếu tố ảnh hưởng.
  - 2.3.3. Quá trình thay đổi hành vi và can thiệp thích hợp.
- 2.4. Các phương thức tiếp cận và mô hình nâng cao sức khỏe
  - 2.4.1. Các phương thức tiếp cận nâng cao sức khỏe

#### 2.4.2. Các mô hình nâng cao sức khỏe

### **Chương 2: Những kỹ năng chính trong nâng cao sức khỏe** Thời gian: 8 giờ

#### **1. Mục tiêu**

1. Trình bày được nguyên tắc lựa chọn nội dung và nội dung truyền thông giáo dục sức khỏe
2. Trình bày được các phương pháp, phương tiện truyền thông giáo dục sức khỏe;
3. Trình bày được các kỹ năng giáo dục sức khỏe, nâng cao sức khỏe, các cách tiếp cận truyền thông.
4. Xây dựng được mục tiêu và lập được kế hoạch chương trình nâng cao sức khỏe.

#### **2. Nội dung**

##### 2.1. Nội dung truyền thông giáo dục sức khỏe

###### 2.1.1. Nguyên tắc lựa chọn nội dung truyền thông giáo dục sức khỏe

###### 2.1.2. Nội dung truyền thông giáo dục sức khỏe

##### 2.2. Phương pháp, phương tiện truyền thông sức khỏe

###### 2.2.1. Phương pháp truyền thông.

###### 2.2.2. Phương tiện truyền thông.

##### 2.3. Kỹ năng truyền thông giáo dục sức khỏe

###### 2.3.1. Các khâu cơ bản và quá trình truyền thông

###### 2.3.2. Các yêu cầu làm cho truyền thông giao tiếp có hiệu quả.

###### 2.3.3. Các kỹ năng truyền thông giao tiếp cơ bản cần rèn luyện

##### 2.3. Lập kế hoạch chương trình nâng cao sức khỏe

###### 2.3.1. Khái niệm mục đích, mục tiêu.

###### 2.3.2. Các tiêu chuẩn của mục tiêu.

###### 2.3.3. Xây dựng được mục tiêu và lập được kế hoạch chương trình nâng cao sức khỏe.

### **Chương 3: Triển khai chương trình nâng cao sức khỏe tại cộng đồng**

Thời gian: 5 giờ

#### **1. Mục tiêu**

1. Nêu được khái niệm cộng đồng và phát triển cộng đồng.
2. Trình bày được cách tiếp cận phát triển cộng đồng.
3. Trình bày được tầm quan trọng của các hoạt động nâng cao sức khỏe tại trường học, nơi làm việc.

#### **2. Nội dung**

##### 2.1. Phát triển cộng đồng trong nâng cao sức khỏe

###### 2.1.1. Khái niệm.

###### 2.1.2. Các quan điểm định hướng phát triển cộng đồng.

###### 2.1.3. Các cách tiếp cận phát triển cộng đồng.

###### 2.1.4. Các dạng hoạt động trong phát triển cộng đồng.

##### 2.2. Nâng cao sức khỏe ở một số cơ sở

###### 2.2.1. Nâng cao sức khỏe trong trường học.

###### 2.2.2. Nâng cao sức khỏe nơi làm việc.

### **IV. Điều kiện thực hiện môn học**

#### **1. Phòng học:** Lý thuyết.

#### **2. Trang thiết bị:** Máy chiếu.

**3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).



**4. Các điều kiện khác:** Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

## **V. Nội dung và phương pháp đánh giá**

### **1. Nội dung**

#### **- Kiến thức**

- + Trình bày được các khái niệm, mục đích của sức khỏe và nâng cao sức khỏe.
- + Phân tích được các yếu tố quyết định sức khỏe.
- + Trình bày các mô hình nâng cao sức khỏe.
- + Nêu được khái niệm hành vi, hành vi sức khỏe.
- + Trình bày được hành vi có lợi, có hại cho sức khỏe.
- + Các bước thay đổi hành vi sức khỏe.

#### **- Kỹ năng**

- + Liệt kê được các vấn sức khỏe.
- + Xác định vấn đề sức khỏe ưu tiên.
- + Lập kế hoạch truyền thông vấn đề sức khỏe ưu tiên.

#### **- Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

Người học xác định được hành vi có lợi, có hại cho sức khỏe; Vận dụng các bước thay đổi hành vi sức khỏe trong sinh hoạt hàng ngày; Xác định vấn đề sức khỏe ưu tiên; Lập kế hoạch truyền thông vấn đề sức khỏe ưu tiên trong cộng đồng.

### **2. Phương pháp đánh giá**

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

## **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học**

**1. Phạm vi áp dụng môn học:** toàn trường.

### **2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học**

- Đối với giảng viên: Lý thuyết: Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

- Đối với người học: Tham gia thảo luận nhóm, làm bài tập...

### **3. Những trọng tâm cần chú ý**

Kiến thức về hành vi sức khỏe, phân tích các vấn đề sức khỏe ưu tiên tại cộng đồng.

### **Tài liệu tham khảo:**

1. Bộ Y tế (2005), Khoa học hành vi và giáo dục sức khỏe, Nhà xuất bản Y học Hà Nội.

2. Bộ Y tế (2007), Giáo dục và nâng cao sức khỏe, Nhà xuất bản Y học Hà Nội.

3. Bộ Y tế (1998), Nâng cao Sức khỏe - Hướng dẫn thực hành, Nhà xuất bản Y học Hà Nội.

4. Bộ Y tế (2013), Giáo dục và nâng cao sức khỏe, Nhà xuất bản Y học Hà Nội.

5. Giáo trình môn học Nâng cao sức khỏe và hành vi con người của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp

## **CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 21**

**Tên môn học:** NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

**Mã môn học:**

**Thời gian thực hiện:** 20 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Kiểm tra: 01 giờ)

**I. Vị trí, tính chất của môn học:**

Vị trí: Môn học thực hiện học kỳ III.

Tính chất: Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng thực hành cơ bản về phương pháp luận và cách tiến hành các nghiên cứu khoa học điều dưỡng, hiểu và tiếp cận các phương pháp nghiên cứu khác nhau hiện đang được sử dụng để thực hành nghiên cứu điều dưỡng và nâng cao chất lượng chăm sóc người bệnh, biết cách nhận xét và đánh giá có hệ thống các báo cáo nghiên cứu và các tài liệu khoa học; học tập khả năng trình bày một nội dung nghiên cứu điều dưỡng một cách khoa học.

**II. Mục tiêu môn học:**

Kiến thức: Trình bày được những kiến thức khoa học cơ bản về nghiên cứu khoa học.

Kỹ năng: Nhận xét và đánh giá có hệ thống các báo cáo nghiên cứu và các tài liệu khoa học.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Tiến hành các nghiên cứu khoa học điều dưỡng.

**III. Nội dung môn học:**

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian học tập (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
1	<b>Chương 1:</b> Vai trò nghiên cứu và quy trình nghiên cứu	04	04	
	<b>Chương 2:</b> Các PP nghiên cứu và PP chọn mẫu.			
2	Các phương pháp nghiên cứu	03	02	01
3	Phương pháp chọn mẫu	06	06	
4	<b>Chương 3:</b> Trình bày và phiên giải số liệu	03	03	
5	<b>Chương 4:</b> Viết đề cương, đề tài nghiên cứu	04	04	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>20</b>	<b>19</b>	<b>01</b>

2. Nội dung chi tiết

**Chương 1:** Vai trò nghiên cứu và quy trình nghiên cứu

1. Mục tiêu

1.1. Mô tả được những đặc điểm chính của nghiên cứu và vai trò nghiên cứu điều dưỡng

1.2. Liệt kê được tám bước của quy trình xây dựng đề cương nghiên cứu

2. Nội dung chương:

2.1. Vai trò nghiên cứu và quy trình nghiên cứu

2.1.1. Kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học

2.1.2. Quy trình xây dựng đề cương nghiên cứu.

**Chương 2:** Các phương pháp nghiên cứu và phương pháp chọn mẫu

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được phương pháp nghiên cứu áp dụng trong nghiên cứu khoa học.

1.2. Trình bày được đặc điểm của các thiết kế nghiên cứu

1.3. Mô tả được phương pháp tính cỡ mẫu phù hợp và liệt kê được bốn phương pháp chọn mẫu phù hợp cho nghiên cứu.

2. Nội dung chương:

2.1. Các phương pháp nghiên cứu

2.1.1. Các thiết kế nghiên cứu

2.2. Phương pháp tính cỡ mẫu

2.1.1. Phương pháp tính cỡ mẫu

2.1.2. Phương pháp chọn và liệt kê các biến số nghiên cứu.

**Chương 3:** Trình bày và phiên giải số liệu

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày một số khái niệm cơ bản về thống kê.

1.2. Mô tả được thống kê mô tả và thống kê suy luận

1.3. Phiên giải được các kết quả phân tích số liệu

2. Nội dung chương:

2.1. Trình bày và phiên giải số liệu

2.1.1. Phương pháp thống kê cơ bản

2.1.2. Kết quả nghiên cứu và phiên giải kết quả.

**Chương 4:** Viết đề cương, đề tài nghiên cứu

1. Mục tiêu

1.1. Trình bày được khung viết đề cương, đề tài nghiên cứu khoa học

1.2. Mô tả được các viết tổng quan tài liệu và viết tài liệu tham khảo cho nghiên cứu.

2. Nội dung chương:

2.1. Viết đề cương, đề tài nghiên cứu

2.1.1. Viết tổng quan

2.1.2. Viết tài liệu tham khảo cho nghiên cứu.

**IV. Điều kiện thực hiện môn học:**

1. Phòng học chuyên môn: Lý thuyết học trên hội trường, thực hành trên hội trường

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, phấn, Tài liệu phát tay cho học sinh, giáo trình bài giảng, tài liệu tham khảo); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

**V. Nội dung và phương pháp đánh giá:**

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

**VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:**

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Cung cấp những kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học cho điều dưỡng, môn học được áp dụng trong các trường cao đẳng có đào tạo khối ngành sức khỏe trong phạm vi toàn quốc.

2. *Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:*

- Đối với giáo viên, giảng viên: Thuyết trình kết hợp với đặt câu hỏi, nêu vấn đề...

- Đối với người học: Làm bài tập, thảo luận nhóm

3. *Những trọng tâm cần chú ý:* Quy trình nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, phân tích và phiên giải số liệu, đặc biệt là phải thực hiện được đề cương nghiên cứu.

4. *Tài liệu tham khảo*

4.1. Phạm Đức Mục (2007), Nghiên cứu điều dưỡng, Nhà xuất bản y học.

4.2. Đại học Y Dược TP. HCM (2005), Phương pháp nghiên cứu sức khỏe cộng đồng và xử lý số liệu với Stata 8. 0, NXB Y học.

4.3. Đại học Y tế công cộng (2005), Giáo trình thống kê y tế công cộng, NXB Y học Hà Nội.

4.4. Giáo trình môn học Nghiên cứu khoa học của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 22

**Tên môn học:** CHĂM SÓC CHUYÊN DẠ ĐẼ KHÓ

**Mã môn học:**

**Thời gian thực hiện môn học:** 40 giờ; (Lý thuyết: 39 giờ; Kiểm tra: 01 giờ).

### I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: thực hiện ở học kỳ III.
- Tính chất: môn học bắt buộc, thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành.

### II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:
  1. Trình bày được những khó khăn thuộc về người mẹ, thai nhi, phần phụ trong thời kỳ chuyển dạ và sinh đẻ.
  2. Trình bày được tác động của quá trình theo dõi, chăm sóc, xử trí đúng lúc đến sức khỏe bà mẹ và thai nhi trong quá trình chuyển dạ và đẻ khó.
- Về kỹ năng:
  1. Thực hiện được y lệnh và trợ giúp bác sỹ thực hiện các kỹ thuật can thiệp trong chuyển dạ và đẻ khó.
  2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc sản phụ chuyển dạ và đẻ khó.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm
  1. Người học cần thận trọng, chính xác, đảm bảo an toàn và tôn trọng sản phụ.

### III. Nội dung môn học:

#### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian học tập (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
	<b>Chương 1. Đẻ khó</b>	<b>15</b>	<b>15</b>	
1	Đẻ khó do thai và ngôi bất thường (thai già tháng, thai non tháng, thai to, đa thai và ngôi bất thường...)	04	04	
2	Đẻ khó do mẹ (khung chậu, phần mềm và u tiền đạo..)	04	04	
3	Đẻ khó do cơn co tử cung	03	03	
4	Đẻ khó do phần phụ (đa ối, thiếu ối, ối vỡ non, ối vỡ sớm, tắc mạch ối, sa dây rau...)	04	04	
	<b>Chương 2. Các biến cố xảy ra trong cuộc đẻ, sau đẻ và cách khắc phục</b>	<b>25</b>	<b>24</b>	<b>01</b>
5	Các biến cố trong cuộc đẻ (thai suy, thai ngạt, chảy máu sau đẻ, chuyển dạ kéo dài, chuyển dạ đình trệ, dọa vỡ và vỡ tử cung, sang chấn trong cuộc đẻ)	12	12	
6	Chăm sóc chảy máu sau đẻ	02	02	
7	Cắt- Khâu tầng sinh môn	02	02	
8	Hồi sức sơ sinh	02	02	
9	Bám ối, kiểm soát tử cung và bóc rau nhân tạo	03	03	
10	Sanh thủ thuật, sanh kèm, sanh hút, sanh mổ	04	03	01
	<b>Tổng cộng</b>	<b>40</b>	<b>39</b>	<b>01</b>

#### 2. Nội dung chi tiết:

##### Chương 1. Đẻ khó

Thời gian: 15 giờ

## **1. Mục tiêu:**

- 1.1. Trình bày đặc điểm lâm sàng của từng nguyên nhân gây đẻ khó.
- 1.2. Mô tả cách xử trí và chăm sóc cho từng loại đẻ khó.

## **2. Nội dung chương:**

- 2.1. Đẻ khó do thai và ngôi bất thường.
  - 2.1.1. Thai già tháng.
  - 2.1.2. Thai non tháng.
  - 2.1.3. Thai to.
  - 2.1.4. Đa thai.
  - 2.1.5. Ngôi bất thường.
- 2.2. Đẻ khó do mẹ.
  - 2.2.1. Đẻ khó do khung chậu.
  - 2.2.2. Đẻ khó do phần mềm của mẹ.
  - 2.2.3. Đẻ khó do u tiền đạo.
- 2.3. Đẻ khó do cơ co tử cung.
  - 2.3.1. Đẻ khó do cơ co tử cung tăng.
  - 2.3.2. Đẻ khó do cơ co tử cung giảm
- 2.4. Đẻ khó do phân phụ.
  - 2.4.1. Đa ối.
  - 2.4.2. Thiếu ối.
  - 2.4.3. Ối vỡ non, ối vỡ sớm.
  - 2.4.4. Tắc mạch ối.
  - 2.4.5. Sa dây rốn.

## **Chương 2. Các biến cố xảy ra trong cuộc đẻ, sau đẻ và cách khắc phục**

Thời gian 25 giờ

### **1. Mục tiêu:**

1.1. Trình bày các biến cố có thể xảy ra cho mẹ và thai trong cuộc chuyển dạ, ngay sau đẻ.

- 1.2. Mô tả các thủ thuật sản khoa hỗ trợ cho cuộc chuyển dạ.
- 1.3. Trình bày cách hồi sức sơ sinh.

### **2. Nội dung chương:**

- 2.1. Các biến cố trong cuộc đẻ.
  - 2.1.1. Thai suy.
  - 2.1.2. Chảy máu sau đẻ.
  - 2.1.3. Chuyển dạ kéo dài, chuyển dạ đình trệ.
  - 2.1.4. Dọa vỡ và vỡ tử cung.
  - 2.1.5. Sang chấn trong cuộc đẻ)
- 2.2. Chăm sóc chảy máu sau đẻ
  - 2.2.1. Định nghĩa băng huyết sau sanh.
  - 2.2.2. Các yếu tố nguy cơ của BHSS.
  - 2.2.3. Cách xử trí và chăm sóc một sản phụ bị BHSS.
- 2.3. Cắt- Khâu tầng sinh môn
  - 2.3.1. Nhắc lại giải phẫu học vùng tầng sinh môn.
  - 2.3.2. Chỉ định cắt tầng sinh môn.
  - 2.3.3. Kỹ thuật khâu tầng sinh môn.
- 2.4. Hồi sức sơ sinh
  - 2.4.1. Đánh giá trẻ ngay sau đẻ bằng bảng chỉ số Apgar.

- 2.4.2. Hồi sức trẻ ngạt nhẹ.
- 2.4.3. Hồi sức trẻ ngạt nặng.
- 2.5. Bấm ối, kiểm soát tử cung và bóc rau nhân tạo
  - 2.5.1. Bấm ối: kỹ thuật bấm ối, mục đích của việc bấm ối.
  - 2.5.2. Chỉ định kiểm soát tử cung và bóc rau nhân tạo.
  - 2.5.3. Kỹ thuật kiểm soát tử cung và bóc rau nhân tạo
- 2.6. Sanh thủ thuật, sanh kiểm, sanh hút, sanh mổ.
  - 2.6.1. Sanh thủ thuật: nội xoay thai, đại kéo thai, đỡ đầu hậu trong ngôi mông.
  - 2.6.2. Thủ thuật giúp sanh: sanh kềm, sanh giác hút.
  - 2.6.3. Sanh mổ: chỉ định, chuẩn bị cho một cuộc mổ, tai biến có thể xảy ra cho mẹ và thai, theo dõi sau sanh mổ.

#### **IV. Điều kiện thực hiện môn học:**

- 1. Phòng học: học lý thuyết trên giảng đường.
- 2. Trang thiết bị máy móc: để giảng dạy lý thuyết, thực hành?
- 3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính);
- 4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

#### **V. Nội dung và phương pháp đánh giá:**

- 1. Nội dung:
  - Về kiến thức: đánh giá kiến thức của sinh viên về các nguyên nhân gây đẻ khó và sự tác động của nó đến mẹ và thai trong cuộc sanh.
  - Về kỹ năng: đánh giá việc thăm khám, chẩn đoán, chăm sóc các cuộc chuyển dạ đẻ khó và giải quyết hậu quả của nó lên mẹ và thai (băng huyết sau sanh, hồi sức trẻ ngạt,...).
  - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: học tập với tinh thần trách nhiệm, thái độ ân cần chia sẻ và cảm thông với sản phụ và gia đình của họ.

#### **2. Phương pháp:**

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ (hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm). Trọng số 0,4.
- Thi kết thúc học phần: hình thức thi trắc nghiệm MCQs. Trọng số 0,6.

#### **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:**

1. Phạm vi áp dụng môn học: môn học dùng để giảng dạy cho sinh viên cao đẳng ngành hộ sinh trên toàn quốc.

#### **2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:**

- Thuyết trình kết hợp dạy học tích cực (giảng dạy lớp lớn).
- Giảng viên hướng dẫn: tự học, thảo luận và làm bài tập nhóm nhỏ.

#### **3. Những trọng tâm cần chú ý:**

- Giảng viên cần cung cấp những kiến thức cơ bản về những vấn đề khó khăn thuộc về người mẹ, thai nhi... trong thời kỳ chuyển dạ và sinh đẻ; Tác động của quá trình theo dõi, chăm sóc, xử trí đúng lúc đến sức khỏe bà mẹ và thai nhi trong quá trình chuyển dạ và sinh đẻ.

#### **4. Tài liệu học tập và tham khảo:**

- Bộ Y tế, Giáo trình chăm sóc chuyển dạ và đẻ khó, 2009.
- Bộ Y tế, Hướng dẫn Quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, 2009.

- Bộ Y tế, Vụ Khoa học Đào tạo, Chăm sóc bà mẹ trong đẻ, NXB Y học, 2005.
- Bộ môn Sản - Đại học Y Hà Nội, Bài giảng Sản phụ khoa, tập 1, 2, NXB Y học, 2002.
- Bộ môn Sản - Đại học Y Hà Nội, Phụ khoa dành cho thầy thuốc thực hành, NXB Y học, 2004.
- Bộ Y tế -Ủy ban Dân số Quốc gia và kế hoạch hoá gia đình, Chăm sóc sức khoẻ sinh sản, NXB Y học, 2002.
- Đại học Y Dược TP.HCM, Sản phụ khoa, tập 1, 2, NXB Y học chi nhánh TP.HCM, 2009.
- Giáo trình môn học Chăm sóc chuyên dạ đẻ khó của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp



## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 23

**Tên môn học:** THỰC HÀNH BỆNH VIỆN CHĂM SÓC CHUYÊN DẠ ĐẸ KHÓ

**Mã môn học:**

**Thời gian thực hiện môn học:** 45 giờ (Thực tập: 44 giờ; Kiểm tra: 01 giờ).

### I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: thực hiện ở học kỳ III.
- Tính chất: môn học bắt buộc, thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành.

### II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

1. Hệ thống lại toàn bộ những kiến thức liên quan đến những khó khăn thuộc về người mẹ, thai nhi, phần phụ trong thời kỳ chuyển dạ và sinh đẻ.

2. Thực hiện được quá trình theo dõi, chăm sóc, xử trí đúng lúc đến sức khỏe bà mẹ và thai nhi trong quá trình chuyển dạ và đẻ khó.

- Về kỹ năng:

1. Thực hiện được y lệnh và trợ giúp bác sỹ thực hiện các kỹ thuật can thiệp trong chuyển dạ và đẻ khó.

2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc sản phụ chuyển dạ và đẻ khó.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Người học cần thận trọng, chính xác, đảm bảo an toàn và tôn trọng sản phụ.

### III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian học tập (giờ)		Chỉ tiêu	
		Thực tập BV	Kiểm tra	Kiến tập	Thực tập
1	Phụ đẻ khó do thai và ngôi bất thường	05		1	1
2	Phụ đẻ khó do mẹ	05		1	1
3	Phụ đẻ khó do cơ co tử cung	05		1	1
4	Phụ đẻ khó do phần phụ	05			2
5	Các biến cố trong cuộc đẻ	02			1
6	Chăm sóc chảy máu sau đẻ	04	01		1
7	Cắt- Khâu tầng sinh môn	10			5
8	Hồi sức sơ sinh	03			1
9	Bám ối, kiểm soát tử cung và bóc rau nhân tạo	02			1
10	Phụ sinh thủ thuật, sanh kiểm, sanh hút	03			1

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian học tập (giờ)		Chỉ tiêu	
		Thực tập BV	Kiểm tra	Kiến tập	Thực tập
	<b>Tổng số</b>	<b>44</b>	<b>01</b>	<b>3</b>	<b>15</b>

#### IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Khoa sản bệnh viện đa khoa tỉnh
2. Trang thiết bị máy móc: dụng cụ trang thiết bị cần cho đỡ đẻ khó.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.
4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

#### V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung
  - Về kiến thức:
    1. Hệ thống lại toàn bộ những kiến thức liên quan đến những khó khăn thuộc về người mẹ, thai nhi, phần phụ trong thời kỳ chuyển dạ và sinh đẻ.
    2. Thực hiện được quá trình theo dõi, chăm sóc, xử trí đúng lúc đến sức khoẻ bà mẹ và thai nhi trong quá trình chuyển dạ và đẻ khó.
  - Về kỹ năng:
    1. Thực hiện được y lệnh và trợ giúp bác sỹ thực hiện các kỹ thuật can thiệp trong chuyển dạ và đẻ khó.
    2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc sản phụ chuyển dạ và đẻ khó.
  - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm :
 

Người học cần thận trọng, chính xác, đảm bảo an toàn và tôn trọng sản phụ.
2. Phương pháp:
 

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội.

  - Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: Quy trình, bảng kiểm).
  - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6. Hình thức thi trình bệnh án, vấn đáp.

#### VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: học phần dùng để giảng dạy sinh viên thuộc khối ngành cao đẳng hộ sinh.
2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:
 

Cầm tay chỉ việc trên lâm sàng: Giảng viên nhà trường kết hợp giảng viên bệnh viện. Mỗi giảng viên bệnh viện 1 nhóm 4-5 sinh viên theo dõi trong suốt đợt học, hướng dẫn và đánh giá theo bảng kiểm trong sổ theo dõi thực hành của sinh viên. Trong suốt quá trình học tập của sinh viên phải có cơ chế phản hồi thường xuyên giữa giảng viên nhà trường và giảng viên bệnh viện. Giảng viên bệnh viện phải đánh giá cho sinh viên 3 lần theo 3 bảng kiểm có trong sổ và phải ghi nhận xét của cả 2 giảng viên vào sổ.
3. Những trọng tâm cần chú ý:

Đây là học phần chuyên về thực hành lâm sàng bệnh viện đỡ đẻ khó. Giảng viên cần chú ý hướng dẫn sinh viên phải thực hành chăm sóc sản phụ và thai nhi trong cuộc đẻ. Khó. Chăm sóc tức thì trẻ sơ sinh ngay sau đẻ.

4. Tài liệu tham khảo:

- Bộ môn sản phụ khoa, Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh: Thực hành sản phụ khoa, 2004.

- Bộ Y tế, chương II: Làm mẹ an toàn, Hướng dẫn quốc gia các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, 2009.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 24

**Tên môn học:** CHĂM SÓC SAU ĐẸ - CHĂM SÓC SƠ SINH

**Mã môn học:**

**Thời gian thực hiện môn học:** 40 giờ (Lý thuyết: 39 giờ; Kiểm tra: 01 giờ)

### I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: thực hiện ở học kỳ III.
- Tính chất: Môn học bắt buộc, thuộc khối học phần chuyên môn ngành, nghề.

### II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

1. Trình bày được sự thay đổi của người phụ nữ trong thời kỳ sau đẻ, các nhu cầu của người phụ nữ trong thời kỳ sau đẻ bình thường và những diễn biến bất thường sau đẻ.
2. Trình bày được tác động của quá trình theo dõi, chăm sóc đến sức khỏe bà mẹ trong quá trình sau đẻ.
3. Trình bày được đặc điểm giải phẫu, sinh lý, bệnh lý của trẻ sơ sinh bình thường khỏe mạnh và trẻ sơ sinh non tháng.
4. Trình bày được nguyên tắc chăm sóc trẻ sơ sinh bình thường khỏe mạnh và sơ sinh non tháng.
5. Trình bày được đặc điểm giải phẫu, sinh lý, bệnh lý của trẻ sơ sinh bình thường khỏe mạnh và trẻ sơ sinh non tháng.
6. Trình bày được nguyên tắc chăm sóc trẻ sơ sinh bình thường khỏe mạnh và sơ sinh non tháng.

- Về kỹ năng:

1. Thực hiện được kỹ năng thực hành hộ sinh và chăm sóc toàn diện bà mẹ sau đẻ tại bệnh viện và tại nhà.
2. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc sản phụ sau đẻ.
3. Phát hiện và xử lý sớm các dấu hiệu bất thường của trẻ sơ sinh trong quá trình chăm sóc.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Biết vận dụng kiến thức đã học vào chăm sóc trẻ sơ sinh bình thường khỏe mạnh và sơ sinh non tháng.

### III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian học tập (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
	<b>Chương 1. Chăm sóc sau đẻ</b>	<b>22</b>	<b>22</b>	
1	Các hiện tượng lâm sàng của thời kỳ sau đẻ	03	03	
2	Chăm sóc bà mẹ sau đẻ	04	04	
3	Các bệnh lý về vú của bà mẹ sau đẻ và chăm sóc vú	03	03	
4	Nhiễm khuẩn sau đẻ	04	04	
5	Rối loạn tâm thần sau đẻ	02	02	
6	Tư vấn cho bà mẹ sau đẻ	02	02	
7	Kế hoạch hóa gia đình sau đẻ	02	02	
8	Thống kê trong chăm sóc bà mẹ sau đẻ	02	02	
	<b>Chương 2. Chăm sóc sơ sinh</b>	<b>18</b>	<b>17</b>	
9	Chăm sóc trẻ sơ sinh đủ tháng	02	02	

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian học tập (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
10	Chăm sóc trẻ sơ sinh thiếu tháng/nhẹ cân	02	01	01
11	Phát hiện trẻ sơ sinh có dị tật bẩm sinh	01	01	
12	Bú sớm - Nuôi con bằng sữa mẹ	04	04	
13	Chăm sóc trẻ sơ sinh nhiễm khuẩn da, rốn	02	02	
14	Chăm sóc trẻ sơ sinh vàng da	02	02	
14	Chăm sóc trẻ sơ sinh viêm phổi	02	02	
16	Chăm sóc trẻ sơ sinh xuất huyết não – màng não	02	02	
17	Chăm sóc trẻ sơ sinh tiêu chảy	01	01	
<b>Tổng cộng</b>		<b>40</b>	<b>39</b>	<b>01</b>

## 2. Nội dung chi tiết:

### Chương 1. Chăm sóc sau đẻ Thời gian: 22 giờ

#### 1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được các hiện tượng lâm sàng của thời kỳ sau đẻ sinh lý và bệnh lý.

1.2. Trình bày được hướng xử trí và chăm sóc cho bà mẹ trong thời kỳ sau đẻ.

1.3. Ứng dụng được những kiến thức đã được học vào công tác chăm sóc cho bà mẹ trong thời kỳ sau đẻ.

1.4. Rèn luyện thái độ ân cần, tỉ mỉ, cảm thông với bà mẹ trong thời kỳ sau đẻ.

#### 2. Nội dung chương:

2.1. Các hiện tượng lâm sàng của thời kỳ sau đẻ

2.1.1. Các hiện tượng lâm sàng của thời kỳ sau đẻ.

2.1.2. Các biến cố lâm sàng thường gặp trong thời kỳ sau đẻ.

2.2. Chăm sóc bà mẹ sau đẻ

2.2.1. Chăm sóc bà mẹ trong 24 giờ đầu sau đẻ.

2.2.2. Chăm sóc bà mẹ trong những ngày đầu sau đẻ.

2.2.3. Chăm sóc bà mẹ trong tuần đầu sau đẻ.

2.3. Các bệnh lý về vú của bà mẹ sau đẻ và chăm sóc vú

2.3.1. Viêm tắc tia sữa.

2.3.2. Nứt nẻ đầu vú.

2.3.3. Absces vú.

4. Nhiễm khuẩn sau đẻ

2.4.1. Các hình thái lâm sàng của nhiễm khuẩn sau đẻ.

2.4.2. Hướng xử trí và chăm sóc sản phụ bị nhiễm khuẩn sau đẻ.

2.5. Rối loạn tâm thần sau đẻ

2.5.1. Biểu hiện của tình trạng rối loạn tâm thần sau đẻ.

2.5.2. Cách xử trí và chăm sóc sản phụ rối loạn tâm thần sau đẻ.

2.6. Tư vấn cho bà mẹ sau đẻ

2.6.1. Cách tự chăm sóc cho mẹ trong thời kỳ sau đẻ.

2.6.2. Chăm sóc trẻ trong thời kỳ sơ sinh.

2.7. Thống kê trong chăm sóc bà mẹ sau đẻ

2.7.1. Đại cương về các chỉ số y tế.

2.7.2. Thống kê trong chăm sóc bà mẹ sau đẻ.

### Chương 2. Chăm sóc sơ sinh

Thời gian: 18 giờ

#### 1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được cách chăm sóc trẻ sơ sinh đủ tháng hay non tháng, nhẹ cân.
- 1.2. Trình bày được cách phát hiện và chăm sóc trẻ sơ sinh dị tật.
- 1.3. Trình bày được lợi ích của viện nuôi con bằng sữa mẹ, hướng dẫn bà mẹ cho trẻ bú đúng cách.

1.4. Trình bày được cách chăm sóc trẻ sơ sinh có bệnh lý.

1.5. Vận dụng kiến thức đã học vào thực hành chăm sóc mẹ và trẻ sơ sinh.

2. Nội dung chương:

2.1. Chăm sóc trẻ sơ sinh đủ tháng.

2.1.1. Đặc điểm của trẻ sơ sinh đủ tháng.

2.1.2. Chăm sóc trẻ khỏe mạnh ngay sau đẻ.

2.1.3. Cách chăm sóc trẻ sơ sinh đủ tháng

2.2. Chăm sóc trẻ sơ sinh thiếu tháng/nhẹ cân

2.2.1. Đặc điểm của trẻ sơ sinh thiếu tháng.

2.2.2. Chăm sóc trẻ thiếu tháng ngay sau đẻ.

2.2.3. Cách chăm sóc trẻ sơ sinh thiếu tháng

2.3. Phát hiện trẻ sơ sinh có dị tật bẩm sinh

2.3.1. Phát hiện trẻ sơ sinh dị tật.

2.3.2. Chăm sóc trẻ sơ sinh dị tật.

2.3.3. Bú sớm - Nuôi con bằng sữa mẹ

2.3.4. Lợi ích của sữa mẹ.

2.3.5. Cho trẻ bú đúng cách.

2.3.6. Đánh giá bữa bú.

2.3.7. Hướng dẫn bà mẹ việc thực hành nuôi con bằng sữa mẹ.

2.4. Chăm sóc trẻ sơ sinh nhiễm khuẩn da, rốn

2.4.1. Chăm sóc trẻ nhiễm khuẩn rốn.

2.4.2. Chăm sóc trẻ sơ sinh nhiễm khuẩn da.

2.5. Chăm sóc trẻ sơ sinh vàng da.

2.5.1. Vàng da sinh lý.

2.5.2. Vàng da bệnh lý.

2.5.3. Chăm sóc trẻ sơ sinh vàng da.

2.6. Chăm sóc trẻ sơ sinh viêm phổi.

2.6.1. Dấu hiệu bệnh nặng ở trẻ sơ sinh.

2.6.2. Chăm sóc trẻ sơ sinh viêm phổi.

2.7. Chăm sóc trẻ sơ sinh xuất huyết não – màng não.

2.7.1. Vai trò của Vitamin K.

2.7.2. Triệu chứng xuất huyết não – màng não do thiếu vitamin K ở trẻ sơ sinh.

2.7.3. Chăm sóc trẻ xuất huyết não – màng não.

2.8. Chăm sóc trẻ sơ sinh tiêu chảy.

2.8.1. Dấu hiệu mất nước.

2.8.2. Dấu hiệu bệnh nặng.

2.8.3. Xử trí và chăm sóc.

#### **IV. Điều kiện thực hiện môn học:**

1. Phòng học: Giảng đường

2. Trang thiết bị máy móc: laptop, projector.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: dụng cụ học tập, dụng cụ cần cho thực hành.

#### **V. Nội dung và phương pháp đánh giá:**

## **1. Nội dung**

- Về kiến thức:

+ Trình bày được sự thay đổi của người phụ nữ trong thời kỳ sau đẻ, các nhu cầu của người phụ nữ trong thời kỳ sau đẻ bình thường và những diễn biến bất thường sau đẻ.

+ Trình bày được tác động của quá trình theo dõi, chăm sóc đến sức khỏe bà mẹ trong quá trình sau đẻ.

+ Trình bày được đặc điểm giải phẫu, sinh lý, bệnh lý của trẻ sơ sinh bình thường khỏe mạnh và trẻ sơ sinh non tháng.

+ Trình bày được nguyên tắc chăm sóc trẻ sơ sinh bình thường khỏe mạnh và sơ sinh non tháng.

+ Trình bày được đặc điểm giải phẫu, sinh lý, bệnh lý của trẻ sơ sinh bình thường khỏe mạnh và trẻ sơ sinh non tháng.

+ Trình bày được nguyên tắc chăm sóc trẻ sơ sinh bình thường khỏe mạnh và sơ sinh non tháng.

- Về kỹ năng:

+ Thực hiện được kỹ năng thực hành hộ sinh và chăm sóc toàn diện bà mẹ sau đẻ tại bệnh viện và tại nhà.

+ Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc sản phụ sau đẻ.

+ Phát hiện và xử lý sớm các dấu hiệu bất thường của trẻ sơ sinh trong quá trình chăm sóc.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

+ Vận dụng kiến thức đã học vào chăm sóc trẻ sơ sinh bình thường khỏe mạnh và sơ sinh non tháng.

## **2. Phương pháp**

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (2 cột kiểm tra thường xuyên, 2 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

## **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:**

1. Phạm vi áp dụng môn học: môn học dùng để giảng dạy cho sinh viên hộ sinh hệ cao đẳng trong cả nước.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học: Thuyết trình kết hợp dạy học tích cực lấy sinh viên làm trung tâm (giảng lớp lớn).

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về sự thay đổi của người phụ nữ trong thời kỳ sau đẻ, các nhu cầu của người phụ nữ trong thời kỳ sau đẻ bình thường và bất thường;

Tác động của quá trình theo dõi, chăm sóc đến sức khỏe bà mẹ trong quá trình sau đẻ. Đồng thời, học phần cung cấp kỹ năng thực hành hộ sinh và chăm sóc toàn diện bà mẹ sau đẻ tại bệnh viện và tại nhà.

Đặc điểm giải phẫu, sinh lý của trẻ sơ sinh bình thường khỏe mạnh, trẻ sơ sinh non tháng, bệnh lý; Chăm sóc trẻ sơ sinh (cả hồi sức sơ sinh), phát hiện và xử trí các bất thường của trẻ sơ sinh trong quá trình chăm sóc.

4. Tài liệu tham khảo:

- Bộ Y tế, Giáo trình chăm sóc sau đẻ, 2009.

- Bộ Y tế, Giáo trình chăm sóc sơ sinh, 2009.
  - Bộ Y tế, Hướng dẫn chuẩn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, - 2003.
  - Bộ Y tế, Hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, 2009.
  - Bộ Y tế, Vụ Khoa học Đào tạo, Chăm sóc bà mẹ sau đẻ, NXB Y học, 2005.
  - Bộ môn Sản - Đại học Y Hà Nội, Bài giảng Sản phụ khoa, tập 1, 2, NXB Y học, 2002.
  - Bộ môn Sản - Đại học Y Hà Nội, Phụ khoa dành cho thầy thuốc thực hành, NXB Y học, 2004.
  - Bộ Y tế - Ủy ban Dân số quốc gia và kế hoạch hoá gia đình, Chăm sóc sức khỏe sinh sản, NXB Y học, 2002.
  - Đại học Y Dược TP.HCM, Sản phụ khoa, tập 1, 2, NXB Y học chi nhánh TP.HCM, 2009.
  - Bộ Y tế: Xử trí lồng ghép các bệnh thường gặp ở trẻ từ 0 – 2 tháng, Văn phòng Kỹ thuật IMCI 2009.
  - Trường Đại học Y khoa Hà Nội: Nhi khoa tập I, NXB Y học 2003.
  - Giáo trình môn học Chăm sóc sau đẻ - chăm sóc sơ sinh của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp
5. Ghi chú và giải thích: không.



## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 25

**Tên môn học:** TTBV CHĂM SÓC SAU ĐẼ - CHĂM SÓC SƠ SINH

**Mã môn học:**

**Thời gian thực hiện môn học:** 90 giờ ( Thực tập: 88 giờ; Kiểm tra: 02 giờ).

### I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: thực hiện ở học kỳ III.

- Tính chất: Môn học bắt buộc, thuộc khối học phần chuyên môn ngành, nghề.

### II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

+ Hệ thống kiến thức về các đặc điểm thay đổi thời kỳ sau đẻ của bà mẹ, đặc điểm trẻ sơ sinh và các nguyên tắc tư vấn, chăm sóc bà mẹ sau đẻ, chăm sóc trẻ sơ sinh.

- Về kỹ năng:

+ Thực hiện được kỹ năng thực hành hộ sinh và chăm sóc toàn diện bà mẹ sau đẻ, trẻ sơ sinh tại bệnh viện và tại nhà.

+ Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc sản phụ sau đẻ.

+ Phát hiện và xử lý sớm các dấu hiệu bất thường của trẻ sơ sinh trong quá trình chăm sóc.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

+ Biết vận dụng kiến thức đã học vào chăm sóc bà mẹ, chăm sóc trẻ sơ sinh bình thường khỏe mạnh và sơ sinh non tháng.

### III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian học tập (giờ)		Chỉ tiêu	
		Thực tập BV	Kiểm tra	Kiến tập	Thực tập
	<b>Chương 1. Chăm sóc sau đẻ</b>	<b>41</b>	<b>01</b>		
1	Nhận định các hiện tượng lâm sàng của thời kỳ sau đẻ	05			
2	Chăm sóc bà mẹ sau đẻ	05			
3	Nhận định các bệnh lý về vú của bà mẹ sau đẻ và chăm sóc vú	05			
4	Đánh giá nhiễm khuẩn sau đẻ	04	01		
5	Nhận định tình trạng rối loạn tâm thần sau đẻ	02			
6	Tư vấn cho bà mẹ sau đẻ	10			

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian học tập (giờ)		Chỉ tiêu	
		Thực tập BV	Kiểm tra	Kiến tập	Thực tập
7	Tư vấn kế hoạch hóa gia đình sau đẻ	10			
	<b>Chương 2. Chăm sóc sơ sinh</b>	<b>47</b>	<b>01</b>		
8	Chăm sóc trẻ sơ sinh đủ tháng	10			
9	Chăm sóc trẻ sơ sinh thiếu tháng/nhẹ cân	10			
10	Phát hiện trẻ sơ sinh có dị tật bẩm sinh	05			
11	Tư vấn bú sớm - Nuôi con bằng sữa mẹ	05	01		
12	Chăm sóc trẻ sơ sinh nhiễm khuẩn da, rốn	05			
13	Chăm sóc trẻ sơ sinh vàng da	05			
14	Chăm sóc trẻ sơ sinh viêm phổi	02			
15	Chăm sóc trẻ sơ sinh xuất huyết não – màng não	03			
16	Chăm sóc trẻ sơ sinh tiêu chảy	02			
<b>Tổng cộng</b>		<b>88</b>	<b>2</b>		<b>02</b>

#### IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Khoa sản bệnh viện đa khoa tỉnh
2. Trang thiết bị máy móc: dụng cụ trang thiết bị cần cho cuộc sanh, cấp cứu trẻ ngay sau đẻ, giảm đau trong đẻ.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: sổ ghi, trang phục bệnh viện, ..
4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

#### V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

##### 1. Nội dung

- Về kiến thức:

Hệ thống kiến thức về các đặc điểm thay đổi thời kỳ sau đẻ của bà mẹ, đặc điểm trẻ sơ sinh và các nguyên tắc tư vấn, chăm sóc bà mẹ sau đẻ, chăm sóc trẻ sơ sinh.

- Về kỹ năng:

Thực hiện được kỹ năng thực hành hộ sinh và chăm sóc toàn diện bà mẹ sau đẻ, trẻ sơ sinh tại bệnh viện và tại nhà.

Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc sản phụ sau đẻ.

Phát hiện và xử lý sớm các dấu hiệu bất thường của trẻ sơ sinh trong quá trình chăm sóc.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Biết vận dụng kiến thức đã học vào chăm sóc bà mẹ, chăm sóc trẻ sơ sinh bình thường khỏe mạnh và sơ sinh non tháng.

## **2. Phương pháp**

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (2 cột kiểm tra thường xuyên, 2 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: bệnh án, quy trình, bảng kiểm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6. Hình thức thi: làm bệnh án+ vấn đáp

## **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:**

1. Phạm vi áp dụng môn học: học phần dùng để giảng dạy sinh viên thuộc khối ngành cao đẳng hộ sinh.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

Cầm tay chỉ việc trên lâm sàng: Giảng viên nhà trường kết hợp giảng viên bệnh viện. Mỗi giảng viên bệnh viện 1 nhóm 4-5 sinh viên theo dõi trong suốt đợt học, hướng dẫn và đánh giá theo bảng kiểm trong sổ theo dõi thực hành của sinh viên. Trong suốt quá trình học tập của sinh viên phải có cơ chế phản hồi thường xuyên giữa giảng viên nhà trường và giảng viên Bệnh viện. Giáo viên bệnh viện phải đánh giá cho sinh viên 4 lần theo 4 bảng kiểm có trong sổ và phải ghi nhận xét của cả 2 giáo viên vào sổ.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Đây là học phần chuyên về thực hành lâm sàng bệnh viện chăm sóc sau đẻ, chăm sóc sơ sinh. Giảng viên cần chú ý hướng dẫn sinh viên phải thực hành chăm sóc sản phụ và trẻ sơ sinh sau đẻ.

4. Tài liệu tham khảo:

- Bộ Y tế, Giáo trình chăm sóc sau đẻ, 2009.

- Bộ Y tế, Giáo trình chăm sóc sơ sinh, 2009.

- Bộ Y tế, Hướng dẫn chuẩn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, - 2003.

- Bộ Y tế, Hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, 2009.

- Bộ Y tế, Vụ Khoa học Đào tạo, Chăm sóc bà mẹ sau đẻ, NXB Y học, 2005.

- Bộ môn Sản - Đại học Y Hà Nội, Bài giảng Sản phụ khoa, tập 1, 2, NXB Y học, 2002.

- Bộ môn Sản - Đại học Y Hà Nội, Phụ khoa dành cho thầy thuốc thực hành, NXB Y học, 2004.

- Bộ Y tế - Ủy ban Dân số quốc gia và kế hoạch hoá gia đình, Chăm sóc sức khoẻ sinh sản, NXB Y học, 2002.

- Đại học Y Dược TP.HCM, Sản phụ khoa, tập 1, 2, NXB Y học chi nhánh TP.HCM, 2009.

- Bộ Y tế: Xử trí lồng ghép các bệnh thường gặp ở trẻ từ 0 – 2 tháng, Văn phòng Kỹ thuật IMCI 2009.

- Trường Đại học Y khoa Hà Nội: Nhi khoa tập I, NXB Y học 2003.

5. Ghi chú và giải thích: không.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 26

**Tên môn học:** CHĂM SÓC HỘ SINH NÂNG CAO

**Mã môn học:**

**Thời gian thực hiện môn học:** 20 giờ; (Lý thuyết: 19 giờ; Kiểm tra: 01 giờ).

### I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: thực hiện ở học kỳ III.
- Tính chất: môn học bắt buộc, thuộc khối ngành và chuyên ngành.

### II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

1. Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng, ảnh hưởng đến thai nghén và sinh đẻ của một số bệnh thường gặp.

2. Trình bày được cách chăm sóc phụ nữ bị mắc một số bệnh trong thời kỳ thai nghén, chuyển dạ đẻ và sau đẻ.

- Về kỹ năng:

1. Vận dụng kiến thức đã học để phát hiện và xử trí sớm một số bệnh thường gặp trong thời kỳ thai nghén, chuyển dạ đẻ và sau đẻ.

2. Thực hiện được các quy trình điều trị các tình trạng bệnh lý có thể gặp trong chăm sóc bà mẹ trong thời kỳ thai nghén, chuyển dạ đẻ và sau đẻ.

3. Tư vấn được cho phụ nữ cách dự phòng các tình trạng bệnh lý này trong quá trình thai nghén, chuyển dạ đẻ và sau đẻ.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Người học cần rèn luyện tác phong nhanh nhẹn, thận trọng, chính xác, đảm bảo an toàn và tôn trọng sản phụ.

### III. Nội dung môn học:

#### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Tên chương, mục	Thời gian học tập (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
	<b>Chương 1. Chăm sóc thai phụ xuất huyết âm đạo bất thường trong thời kỳ thai nghén</b>	<b>04</b>	<b>04</b>	
1	Chăm sóc thai phụ xuất huyết nửa đầu thời kỳ thai nghén.	02	02	
2	Chăm sóc thai phụ xuất huyết nửa sau thời kỳ thai nghén.	02	02	
	<b>Chương 2. Chăm sóc thai phụ có bệnh nội, ngoại khoa, bệnh truyền nhiễm, huyết học.</b>	<b>16</b>	<b>15</b>	<b>01</b>
3	Chăm sóc thai phụ có bệnh nội khoa (Bệnh tim, bệnh thận).	02	02	
4	Chăm sóc thai phụ có bệnh ngoại khoa (Viêm ruột thừa, tắc ruột, chấn thương).	02	02	
5	Chăm sóc thai phụ sốt xuất huyết.	02	02	
6	Chăm sóc thai phụ xuất huyết giảm tiểu cầu.	02	02	
7	Sử dụng và lạm dụng thuốc trong khi mang thai và sinh đẻ.	03	02	01
8	Chăm sóc thai phụ có nhiễm khuẩn.	01	01	

TT	Tên chương, mục	Thời gian học tập (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
9	Chăm sóc thai phụ tiểu đường.	01	01	
10	Chăm sóc thai phụ tiền sản giật và sản giật	02	02	
11	Chăm sóc thai phụ có hội chứng nôn nặng	01	01	
<b>Tổng cộng</b>		<b>20</b>	<b>19</b>	<b>01</b>

2. Nội dung chi tiết:

### **Chương 1. Chăm sóc thai phụ xuất huyết âm đạo bất thường trong thời kỳ thai nghén**

Thời gian: 04 giờ

#### **1. Mục tiêu:**

1.1. Trình bày được triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng của các bệnh lý gây chảy máu âm đạo ở ba tháng đầu và ba tháng cuối thai kỳ.

1.2. Trình bày được cách xử trí và chăm sóc thai phụ bị xuất huyết âm đạo bất thường ở ba tháng đầu và ba tháng cuối thai kỳ.

#### **2. Nội dung chương:**

2.1. Chăm sóc thai phụ xuất huyết nửa đầu thời kỳ thai nghén.

2.1.1. Chăm sóc thai phụ dọa sảy thai – sảy thai.

2.1.2. Chăm sóc thai phụ bị thai ngoài tử cung.

2.1.3. Chăm sóc thai phụ bị thai trứng.

2.1.4. Chăm sóc thai phụ bị thai ngưng tiến triển.

2.2. Chăm sóc thai phụ xuất huyết nửa sau thời kỳ thai nghén.

2.2.1. Chăm sóc thai phụ dọa sanh non – sanh non.

2.2.2. Chăm sóc thai phụ bị nhau tiền đạo.

2.2.3. Chăm sóc thai phụ bị nhau bong non.

2.2.4. Chăm sóc thai phụ bị thai chết lúy.

2.2.5. Chăm sóc thai phụ dọa vỡ tử cung – vỡ tử cung.

### **Chương 2. Chăm sóc thai phụ có bệnh nội, ngoại khoa, bệnh truyền nhiễm, huyết học**

Thời gian: 16 giờ

#### **1. Mục tiêu:**

1.1. Trình bày được triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng của các bệnh nội khoa, ngoại khoa, truyền nhiễm, huyết học, nội tiết thường gặp trong thai kỳ.

1.2. Trình bày cách xử trí và chăm sóc sản phụ mắc các bệnh nội khoa, ngoại khoa, truyền nhiễm, huyết học, nội tiết thường gặp trong thai kỳ.

1.3. Mô tả cách sử dụng và tránh lạm dụng thuốc trong khi mang thai và sinh đẻ.

#### **2. Nội dung chương:**

2.1. Chăm sóc thai phụ có bệnh nội khoa (Bệnh tim, bệnh thận).

2.1.1. Triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng các bệnh nội khoa thường gặp trong thai kỳ.

2.1.2. Chăm sóc thai phụ mắc các bệnh nội khoa thường gặp trong thai kỳ.

2.2. Chăm sóc thai phụ có bệnh ngoại khoa (Viêm ruột thừa, tắc ruột, chấn thương).

2.2.1. Triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng các bệnh ngoại khoa thường gặp trong thai kỳ.

2.2.2. Chăm sóc thai phụ mắc các bệnh ngoại khoa thường gặp trong thai kỳ.

- 2.3. Chăm sóc thai phụ sốt xuất huyết.
  - 2.3.1. Triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng bệnh sốt xuất huyết trong thai kỳ.
  - 2.3.2. Chăm sóc thai phụ mắc bệnh sốt xuất huyết trong thai kỳ.
- 2.4. Chăm sóc thai phụ xuất huyết giảm tiểu cầu.
  - 2.4.1. Triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng bệnh xuất huyết giảm tiểu cầu trong thai kỳ.
  - 2.4.2. Chăm sóc thai phụ mắc bệnh xuất huyết giảm tiểu cầu trong thai kỳ.
- 2.5. Sử dụng và lạm dụng thuốc trong khi mang thai và sinh đẻ.
  - 2.5.1. Vấn đề sử dụng và lạm dụng thuốc trong thai kỳ.
  - 2.5.2. Sử dụng thuốc đúng trong thai kỳ.
- 2.6. Chăm sóc thai phụ có nhiễm khuẩn.
  - 2.6.1. Triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng các bệnh nhiễm khuẩn thường gặp trong thai kỳ.
  - 2.6.2. Chăm sóc thai phụ mắc các bệnh nhiễm khuẩn thường gặp trong thai kỳ.
- 2.7. Chăm sóc thai phụ tiểu đường.
  - 2.7.1. Triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng các bệnh tiểu đường trong thai kỳ.
  - 2.7.2. Ảnh hưởng của tiểu đường đối với thai kỳ.
  - 2.7.3. Test phát hiện sớm tiểu đường và thai kỳ.
  - 2.7.4. Chăm sóc thai phụ mắc các bệnh tiểu đường trong thai kỳ.
- 2.8. Chăm sóc thai phụ tiền sản giật và sản giật
  - 2.8.1. Triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng bệnh tiền sản giật – sản giật trong thai kỳ.
  - 2.8.2. Chăm sóc thai phụ mắc bệnh tiền sản giật – sản giật trong thai kỳ.
- 2.9. Chăm sóc thai phụ có hội chứng nôn nặng
  - 2.9.1. Triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng bệnh nôn nặng trong thai kỳ.
  - 2.9.2. Chăm sóc thai phụ bị nôn nặng trong thai kỳ.

#### **IV. Điều kiện thực hiện môn học:**

1. Phòng học chuyên môn hóa, khoa phụ sản bệnh viện đa khoa tỉnh, trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản tỉnh.
2. Trang thiết bị máy móc: laptop, projector, máy chiếu video.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).
4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

#### **V. Nội dung và phương pháp đánh giá:**

- Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội
- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ). Trọng số 0,4.
  - Thi kết thúc học phần: hình thức thi trắc nghiệm MCQs. Trọng số 0,6.

#### **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:**

1. Phạm vi áp dụng môn học: học phần dùng để giảng dạy sinh viên thuộc khối ngành cao đẳng hộ sinh.
  2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:
    - Thuyết trình kết hợp dạy học tích cực (giảng lớp lớn).
- Các chủ đề thảo luận:  
Quản lý thai nghén phát hiện những thai phụ mắc các bệnh nội khoa đi kèm.

Các xét nghiệm giúp chẩn đoán các bệnh nội khoa.

Chăm sóc các thai phụ mắc các bệnh nội khoa.

### 3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Giảng viên cần hướng dẫn sinh viên tập trung vào một số bệnh thường gặp có thể ảnh hưởng đến thai nghén, sinh đẻ và cách chăm sóc những phụ nữ bị bệnh này trong thời kỳ thai nghén, chuyển dạ đẻ và sau đẻ. Giới thiệu những kiến thức và các quy trình điều trị các tình trạng bệnh lý có thể gặp trong thời kỳ mang thai và sinh đẻ. Đồng thời học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng đánh giá, phương thức điều trị, dự phòng các tình trạng bệnh lý này trong quá trình thai nghén, chuyển dạ đẻ và sau đẻ.

### 4. Tài liệu học tập và tham khảo:

- Bộ Y tế, Giáo trình Hộ sinh nâng cao, 2009.
- Bộ Y tế, Hướng dẫn chuẩn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, 2003
- Bộ Y tế, Hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, 2009.
- Bộ Y tế, Vụ Khoa học Đào tạo, Chăm sóc bà mẹ trong đẻ, NXB Y học, 2005.
- Bộ môn Sản - Đại học Y Hà Nội, Bài giảng Sản phụ khoa, tập 1, 2, NXB Y học, 2002.
- Bộ môn Sản - Đại học Y Hà Nội, Phụ khoa dành cho thầy thuốc thực hành, NXB Y học, 2004.
- Bộ Y tế - Ủy ban Dân số quốc gia và kế hoạch hoá gia đình, Chăm sóc sức khỏe sinh sản, NXB Y học, 2002.
- Giáo trình môn học Chăm sóc hộ sinh nâng cao của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 27

**Tên môn học:** THỰC HÀNH BỆNH VIỆN CHĂM SÓC HỘ SINH NÂNG CAO

**Mã môn học:**

**Thời gian thực hiện môn học:** 45 giờ (Thực tập: 44 giờ; Kiểm tra: 01 giờ).

### I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: thực hiện ở học kỳ III.

- Tính chất: môn học bắt buộc thuộc kiến thức khối ngành và chuyên ngành.

### II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

1. Hệ thống lại các nguyên nhân, triệu chứng, ảnh hưởng đến thai nghén và sinh đẻ của một số bệnh thường gặp.

2. Thực hiện được cách chăm sóc phụ nữ bị mắc một số bệnh trong thời kỳ thai nghén, chuyển dạ đẻ và sau đẻ.

- Về kỹ năng:

1. Vận dụng kiến thức đã học để phát hiện và xử trí sớm một số bệnh thường gặp trong thời kỳ thai nghén, chuyển dạ đẻ và sau đẻ.

2. Thực hiện được các quy trình điều trị các tình trạng bệnh lý có thể gặp trong chăm sóc bà mẹ trong thời kỳ thai nghén, chuyển dạ đẻ và sau đẻ.

3. Tư vấn được cho phụ nữ cách dự phòng các tình trạng bệnh lý này trong quá trình thai nghén, chuyển dạ đẻ và sau đẻ.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Người học cần rèn luyện tác phong nhanh nhẹn, thận trọng, chính xác, đảm bảo an toàn và tôn trọng sản phụ.

### III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số T T	Tên chương, mục	Thời gian học tập (giờ)		Chỉ tiêu	
		Thực tập BV	Kiểm tra	Kiến tập	Thực tập
1	Chăm sóc thai phụ xuất huyết thời kỳ thai nghén.	05			2
2	Chăm sóc thai phụ có bệnh nội khoa	05			2
3	Chăm sóc thai phụ có bệnh ngoại khoa	03			1
4	Chăm sóc thai phụ sốt xuất huyết, xuất huyết giảm tiểu cầu.	02			1
5	Chăm sóc thai phụ có nhiễm khuẩn.	10			4



6	Chăm sóc thai phụ tiểu đường.	10			2
7	Chăm sóc thai phụ tiền sản giật và sản giật	04	1		2
8	Chăm sóc thai phụ có hội chứng nôn nặng	05			1
	<b>Tổng số</b>	<b>44</b>	<b>01</b>		<b>15</b>

#### **IV. Điều kiện thực hiện môn học:**

1. Khoa sản bệnh viện đa khoa tỉnh
2. Trang thiết bị máy móc: dụng cụ trang thiết bị cần cho thực hiện chăm sóc hộ sinh nâng cao.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.
4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

#### **V. Nội dung và phương pháp đánh giá:**

1. Nội dung
  - Về kiến thức:
    1. Hệ thống lại các nguyên nhân, triệu chứng, ảnh hưởng đến thai nghén và sinh đẻ của một số bệnh thường gặp.
    2. Thực hiện được cách chăm sóc phụ nữ bị mắc một số bệnh trong thời kỳ thai nghén, chuyển dạ đẻ và sau đẻ.
      - Về kỹ năng:
        1. Vận dụng kiến thức đã học để phát hiện và xử trí sớm một số bệnh thường gặp trong thời kỳ thai nghén, chuyển dạ đẻ và sau đẻ.
        2. Thực hiện được các quy trình điều trị các tình trạng bệnh lý có thể gặp trong chăm sóc bà mẹ trong thời kỳ thai nghén, chuyển dạ đẻ và sau đẻ.
        3. Tư vấn được cho phụ nữ cách dự phòng các tình trạng bệnh lý này trong quá trình thai nghén, chuyển dạ đẻ và sau đẻ.
          - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm
2. Phương pháp:
  - Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội.
  - Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: Quy trình, bảng kiểm).
  - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6. Hình thức thi trình bệnh án, vấn đáp.

#### **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:**

1. Phạm vi áp dụng môn học: học phần dùng để giảng dạy sinh viên thuộc khối ngành cao đẳng hộ sinh.
2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

Cầm tay chỉ việc trên lâm sàng: Giảng viên nhà trường kết hợp giảng viên bệnh viện. Mỗi giảng viên bệnh viện 1 nhóm 4-5 sinh viên theo dõi trong suốt đợt học, hướng dẫn và đánh giá theo bảng kiểm trong sổ theo dõi thực hành của sinh viên. Trong suốt quá trình học tập của sinh viên phải có cơ chế phản hồi thường xuyên giữa giảng viên nhà trường và giảng viên bệnh viện. Giảng viên bệnh viện phải đánh giá cho sinh viên 3 lần theo 3 bảng kiểm có trong sổ và phải ghi nhận xét của cả 2 giảng viên vào sổ.

### 3. Những trọng tâm cần chú ý:

Đây là học phần chuyên về thực hành lâm sàng bệnh viện về chăm sóc hộ sinh nâng cao. Giảng viên cần chú ý hướng dẫn sinh viên phải thực hành tư vấn về từng trường hợp cụ thể.

### 4. Tài liệu tham khảo:

- Bộ môn sản phụ khoa, Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh: Thực hành sản phụ khoa, 2004.

- Bộ Y tế, chương II: Làm mẹ an toàn, Hướng dẫn quốc gia các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ sinh sản, 2009.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 28

**Tên môn học:** TƯ VẤN NÂNG CAO THỰC HÀNH CHĂM SÓC TRẺ

**Mã môn học:**

**Thời gian thực hiện môn học:** 20 giờ; (Lý thuyết: 19 giờ; Kiểm tra: 01 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: môn học được thực hiện ở học kỳ III.
- Tính chất: là môn học mang tính chất đặc thù nghề nghiệp, thuộc khối kiến thức bổ trợ.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

1. Trình bày được nguyên nhân, đường lây truyền, biểu hiện, biến chứng của một số bệnh thường gặp ở trẻ em.
2. Trình bày được cách xử trí, biện pháp dự phòng của một số bệnh thường gặp ở trẻ em trong từng thời kỳ phát triển của trẻ.

- Về kỹ năng:

1. Thực hiện được tư vấn nâng cao kiến thức, kỹ năng cho các bà mẹ và người trong gia đình về cách phát hiện sớm, chăm sóc tại nhà và dự phòng một số bệnh thường gặp ở trẻ em trong từng thời kỳ phát triển.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Người học cần có tính cẩn thận, thông cảm và tôn trọng người bệnh.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian học tập (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
1	Tư vấn chăm sóc trẻ nhiễm khuẩn hô hấp cấp.	02	02	
2	Tư vấn chăm sóc trẻ tiêu chảy.	02	02	
3	Tư vấn chăm sóc trẻ sốt.	02	02	
4	Tư vấn chăm sóc trẻ thiếu máu, suy dinh dưỡng, còi xương	02	02	
5	Tư vấn chăm sóc trẻ nôn trớ, táo bón, biếng ăn.	02	02	
6	Tư vấn cho bà mẹ về hăm sóc trẻ nhiễm giun đũa, giun móc, giun kim.	02	01	01
7	Tư vấn chăm sóc trẻ bị bệnh tim bẩm sinh.	01	01	
8	Tư vấn chăm sóc trẻ bệnh thận nhiễm mỡ, viêm cầu thận cấp	02	02	
9	Tư vấn chăm sóc trẻ nhiễm khuẩn tiết niệu.	01	01	
10	Tư vấn chăm sóc trẻ co giật.	02	02	
11	Tư vấn chăm sóc trẻ viêm tai.	01	01	
12	Kỹ năng tư vấn cho bà mẹ và người chăm sóc trẻ.	01	01	
<b>Tổng cộng</b>		<b>20</b>	<b>19</b>	<b>01</b>

2. Nội dung chi tiết:

**Bài 1: Tư vấn chăm sóc trẻ nhiễm khuẩn hô hấp cấp.**

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được nguyên nhân, đường lây truyền, biểu hiện, biến chứng của nhiễm khuẩn hô hấp cấp.

- Trình bày được cách xử trí, biện pháp dự phòng nhiễm khuẩn hô hấp cấp trẻ em
- Hướng dẫn, tư vấn cho bà mẹ chăm sóc trẻ hợp lý

2. Nội dung:

- Khái niệm
- Nguyên nhân, điều kiện thuận lợi
- Triệu chứng lâm sàng
- Nguyên tắc xử trí, chăm sóc
- Tư vấn cho bà mẹ

**Bài 2: Tư vấn chăm sóc trẻ tiêu chảy.** Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được nguyên nhân, đường lây truyền, biểu hiện, biến chứng của trẻ tiêu chảy.

- Trình bày được cách xử trí, biện pháp dự phòng tiêu chảy
- Hướng dẫn, tư vấn cho bà mẹ chăm sóc trẻ hợp lý.

2. Nội dung:

- Khái niệm
- Nguyên nhân, điều kiện thuận lợi
- Triệu chứng lâm sàng
- Nguyên tắc xử trí, chăm sóc
- Tư vấn cho bà mẹ

**Bài 3: Tư vấn chăm sóc trẻ sốt.** Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được nguyên nhân, biến chứng của trẻ sốt.
- Trình bày được cách xử trí trẻ sốt
- Hướng dẫn, tư vấn cho bà mẹ chăm sóc trẻ hợp lý

2. Nội dung:

- Khái niệm
- Nguyên nhân, điều kiện thuận lợi
- Triệu chứng lâm sàng
- Nguyên tắc xử trí, chăm sóc
- Tư vấn cho bà mẹ

**Bài 4: Tư vấn chăm sóc trẻ thiếu máu, suy dinh dưỡng, còi xương.** Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được nguyên nhân, biểu hiện, biến chứng của trẻ thiếu máu, suy dinh dưỡng, còi xương.

- Trình bày được cách xử trí trẻ thiếu máu, suy dinh dưỡng, còi xương.
- Hướng dẫn, tư vấn cho bà mẹ chăm sóc trẻ hợp lý

2. Nội dung:

- Khái niệm
- Nguyên nhân, điều kiện thuận lợi
- Triệu chứng lâm sàng
- Nguyên tắc xử trí, chăm sóc
- Tư vấn cho bà mẹ

**Bài 5: Tư vấn chăm sóc trẻ nôn trớ, táo bón, biếng ăn.** Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được nguyên nhân, biểu hiện, biến chứng của trẻ nôn trớ, táo bón, biếng ăn.

- Trình bày được cách xử trí trẻ nôn trớ, táo bón, biếng ăn.

- Hướng dẫn, tư vấn cho bà mẹ chăm sóc trẻ hợp lý

2. Nội dung:

- Khái niệm

- Nguyên nhân, điều kiện thuận lợi

- Triệu chứng lâm sàng

- Nguyên tắc xử trí, chăm sóc

- Tư vấn cho bà mẹ

### **Bài 6: Tư vấn cho bà mẹ về hăm sóc trẻ nhiễm giun đũa, giun móc, giun kim.**

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được nguyên nhân, đường lây, biểu hiện, biến chứng của trẻ nhiễm giun đũa, giun móc, giun kim.

- Trình bày được cách xử trí trẻ nhiễm giun đũa, giun móc, giun kim.

- Hướng dẫn, tư vấn cho bà mẹ chăm sóc trẻ hợp lý

2. Nội dung:

- Khái niệm

- Nguyên nhân, điều kiện thuận lợi

- Triệu chứng lâm sàng

- Nguyên tắc xử trí, chăm sóc

- Tư vấn cho bà mẹ

### **Bài 7: Tư vấn chăm sóc trẻ tim bẩm sinh.** Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được nguyên nhân, biểu hiện, biến chứng của trẻ tim bẩm sinh.

- Trình bày được cách xử trí trẻ tim bẩm sinh.

- Hướng dẫn, tư vấn cho bà mẹ chăm sóc trẻ hợp lý

2. Nội dung:

- Khái niệm

- Nguyên nhân, điều kiện thuận lợi

- Triệu chứng lâm sàng

- Nguyên tắc xử trí, chăm sóc

- Tư vấn cho bà mẹ

### **Bài 8: Tư vấn chăm sóc trẻ bệnh thận nhiễm mỡ, viêm cầu thận cấp** Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được nguyên nhân, biểu hiện, biến chứng của trẻ bệnh thận nhiễm mỡ, viêm cầu thận cấp.

- Trình bày được cách xử trí trẻ bệnh thận nhiễm mỡ, viêm cầu thận cấp.

- Hướng dẫn, tư vấn cho bà mẹ chăm sóc trẻ hợp lý

2. Nội dung:

- Khái niệm

- Nguyên nhân, điều kiện thuận lợi

- Triệu chứng lâm sàng

- Nguyên tắc xử trí, chăm sóc

- Tư vấn cho bà mẹ

**Bài 9: Tư vấn chăm sóc trẻ nhiễm khuẩn tiết niệu.**

Thời gian: 1 giờ

## 1. Mục tiêu:

- Trình bày được nguyên nhân, biểu hiện, biến chứng của trẻ nhiễm khuẩn tiết niệu.
- Trình bày được cách xử trí trẻ nhiễm khuẩn tiết niệu.
- Hướng dẫn, tư vấn cho bà mẹ chăm sóc trẻ hợp lý.

## 2. Nội dung:

- Khái niệm
- Nguyên nhân, điều kiện thuận lợi
- Triệu chứng lâm sàng
- Nguyên tắc xử trí, chăm sóc
- Tư vấn cho bà mẹ

**Bài 10: Tư vấn chăm sóc trẻ co giật.**

Thời gian: 2 giờ

## 1. Mục tiêu:

- Trình bày được nguyên nhân, biểu hiện, biến chứng của trẻ co giật.
- Trình bày được cách xử trí trẻ co giật.
- Hướng dẫn, tư vấn cho bà mẹ chăm sóc trẻ hợp lý.

## 2. Nội dung:

- Khái niệm
- Nguyên nhân, điều kiện thuận lợi
- Triệu chứng lâm sàng
- Nguyên tắc xử trí, chăm sóc
- Tư vấn cho bà mẹ

**Bài 11: Tư vấn chăm sóc trẻ viêm tai.**

Thời gian: 1 giờ

## 1. Mục tiêu:

- Trình bày được nguyên nhân, biểu hiện, biến chứng của trẻ viêm tai.
- Trình bày được cách xử trí trẻ viêm tai.
- Hướng dẫn, tư vấn cho bà mẹ chăm sóc trẻ hợp lý.

## 2. Nội dung:

- Khái niệm
- Nguyên nhân, điều kiện thuận lợi
- Triệu chứng lâm sàng
- Nguyên tắc xử trí, chăm sóc
- Tư vấn cho bà mẹ

**Bài 12: Kỹ năng tư vấn cho bà mẹ và người chăm sóc trẻ.**

Thời gian: 1 giờ

## 1. Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm, đặc điểm và mục đích của tư vấn.
- Trình bày được tiến trình tư vấn và rèn luyện kỹ năng tư vấn cho bà mẹ và người chăm sóc trẻ

## 2. Nội dung:

- Khái niệm tư vấn
- Đặc điểm, mục đích tư vấn
- Tiến trình tư vấn

**IV. Điều kiện thực hiện môn học:**

1. Phòng học chuyên môn hóa, khoa nhi bệnh viện tỉnh.
2. Trang thiết bị máy móc: laptop, projector, máy chiếu video.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

#### **V. Nội dung và phương pháp đánh giá:**

##### **1. Nội dung**

- Về kiến thức: Trình bày được nguyên nhân, đường lây truyền, biểu hiện, biến chứng của một số bệnh thường gặp ở trẻ em. Trình bày được cách xử trí, biện pháp dự phòng của một số bệnh thường gặp ở trẻ em trong từng thời kỳ phát triển của trẻ.

- Về kỹ năng: Thực hiện được tư vấn nâng cao kiến thức, kỹ năng cho các bà mẹ và người trong gia đình về cách phát hiện sớm, chăm sóc tại nhà và dự phòng một số bệnh thường gặp ở trẻ em trong từng thời kỳ phát triển.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Người học cần có tính cẩn thận, thông cảm và tôn trọng người bệnh.

##### **2. Phương pháp**

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 2 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6. Hình thức: trắc nghiệm MCQ.

#### **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:**

1. Phạm vi áp dụng môn học: môn học dùng để giảng dạy cho sinh viên hệ sinh hệ cao đẳng trong cả nước.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Lý thuyết: thuyết trình kết hợp dạy học tích cực lấy sinh viên làm trung tâm (giảng lớp lớn).

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Giảng viên cần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguyên nhân, đường lây truyền, biểu hiện, biến chứng và cách xử trí, biện pháp dự phòng của một số bệnh thường gặp ở trẻ em trong từng thời kỳ phát triển của trẻ. Trên cơ sở đó sinh viên thực hiện tư vấn nâng cao kiến thức, kỹ năng cho các bà mẹ và người trong gia đình về cách phát hiện sớm, chăm sóc tại nhà và dự phòng một số bệnh thường gặp ở trẻ em trong từng thời kỳ phát triển.

4. Tài liệu học tập và tham khảo:

- Giáo trình do giảng viên trường biên soạn.

- Giáo trình Điều dưỡng Nhi khoa, năm 2008.

- Bộ Y tế, Điều dưỡng Nhi khoa, NXB Y học năm 2006.

- Bộ Y tế - Văn phòng Kỹ thuật IMCI, Xử trí lồng ghép các bệnh thường gặp ở trẻ em, 2009.

- Bệnh viện Nhi Trung Ương, Cẩm nang điều trị Nhi khoa, NXB Y học, năm 2000.

- Trường Đại học Y khoa Hà Nội, Nhi khoa tập I, II, NXB Y học, 2003.

- Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định, Giáo trình Điều dưỡng nhi khoa, 2005.

- Giáo trình môn học Tư vấn nâng cao thực hành chăm sóc trẻ của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp

5. Ghi chú và giải thích: không.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 29

**Tên môn học:** TTBV TƯ VẤN NÂNG CAO THỰC HÀNH CHĂM SÓC TRẺ

**Mã môn học:**

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ; (Thực hành: 45 giờ; Kiểm tra: 01 giờ).

### I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: môn học được thực hiện ở học kỳ IV.
- Tính chất: là môn học mang tính chất đặc thù nghề nghiệp, thuộc khối kiến thức bổ trợ.

### II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

Hệ thống lại kiến thức về nguyên nhân, đường lây, triệu chứng và nguyên tắc xử trí, phòng bệnh của các bệnh lý theo các hệ cơ quan của trẻ.

- Về kỹ năng:

1. Thực hiện được tư vấn nâng cao kiến thức, kỹ năng cho các bà mẹ và người trong gia đình về cách phát hiện sớm, chăm sóc tại nhà và dự phòng một số bệnh thường gặp ở trẻ em trong từng thời kỳ phát triển.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Người học cần có tính cẩn thận, thông cảm và tôn trọng người bệnh.

### III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)		Chỉ tiêu	
		Thực tập bệnh viện	Kiểm tra	Kiến tập	Thực tập
1	Tư vấn chăm sóc trẻ nhiễm khuẩn hô hấp cấp.	4			4
2	Tư vấn chăm sóc trẻ tiêu chảy.	4			4
3	Tư vấn chăm sóc trẻ sốt.	4			4
4	Tư vấn chăm sóc trẻ thiếu máu, suy dinh dưỡng, còi xương	4	1		4
5	Tư vấn chăm sóc trẻ nôn trớ, táo bón, biếng ăn.	4			4
6	Tư vấn cho bà mẹ về chăm sóc trẻ nhiễm giun đũa, giun móc, giun kim.	4			4
7	Tư vấn chăm sóc trẻ bị bệnh tim bẩm sinh.	4			4
8	Tư vấn chăm sóc trẻ bệnh thận	4			4



TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)		Chỉ tiêu	
		Thực tập bệnh viện	Kiểm tra	Kiến tập	Thực tập
	nhiễm mỡ, viêm cầu thận cấp				
9	Tư vấn chăm sóc trẻ nhiễm khuẩn tiết niệu.	4			4
10	Tư vấn chăm sóc trẻ co giật.	4			4
11	Tư vấn chăm sóc trẻ viêm tai.	4			4
Tổng cộng		<b>44</b>	<b>1</b>		<b>44</b>

#### IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa, khoa nhi bệnh viện tỉnh.
2. Trang thiết bị máy móc: laptop, projector, máy chiếu video.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Sổ ghi, trang phục bệnh viện.
4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

#### V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

##### 1. Nội dung

- Về kiến thức: Trình bày được nguyên nhân, đường lây truyền, biểu hiện, biến chứng của một số bệnh thường gặp ở trẻ em. Trình bày được cách xử trí, biện pháp dự phòng của một số bệnh thường gặp ở trẻ em trong từng thời kỳ phát triển của trẻ.

- Về kỹ năng: Thực hiện được tư vấn nâng cao kiến thức, kỹ năng cho các bà mẹ và người trong gia đình về cách phát hiện sớm, chăm sóc tại nhà và dự phòng một số bệnh thường gặp ở trẻ em trong từng thời kỳ phát triển.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Người học cần có tính cẩn thận, thông cảm và tôn trọng người bệnh.

##### 2. Phương pháp

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: bệnh án, bảng kiểm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6. Hình thức: làm bệnh án + Vấn đáp.

#### VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: môn học dùng để giảng dạy cho sinh viên hệ sinh hệ cao đẳng trong cả nước.

##### 2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Thực hành bệnh viện: giảng viên nhà trường kết hợp giảng viên bệnh viện. Mỗi giảng viên bệnh viện 1 nhóm 4-5 sinh viên theo dõi trong suốt đợt học, hướng dẫn và đánh giá theo bảng kiểm trong sổ theo dõi thực hành của sinh viên. Trong suốt quá trình sinh viên học, phải có cơ chế phản hồi thường xuyên giữa giảng viên nhà trường, giảng viên BV và sinh viên, có đánh giá vào sổ của sinh viên.

##### 3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Giảng viên cần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguyên nhân, đường lây truyền, biểu hiện, biến chứng và cách xử trí, biện pháp dự phòng của một số bệnh thường gặp ở trẻ em trong từng thời kỳ phát triển của trẻ. Trên cơ sở đó sinh viên thực hiện tư vấn nâng cao kiến thức, kỹ năng cho các bà mẹ và người trong gia đình về cách phát hiện sớm, chăm sóc tại nhà và dự phòng một số bệnh thường gặp ở trẻ em trong từng thời kỳ phát triển.

4. Tài liệu học tập và tham khảo:

- Giáo trình do giảng viên trường biên soạn.
  - Giáo trình Điều dưỡng Nhi khoa, năm 2008.
  - Bộ Y tế, Điều dưỡng Nhi khoa, NXB Y học năm 2006.
  - Bộ Y tế - Văn phòng Kỹ thuật IMCI, Xử trí lồng ghép các bệnh thường gặp ở trẻ em, 2009.
  - Bệnh viện Nhi Trung Ương, Cẩm nang điều trị Nhi khoa, NXB Y học, năm 2000.
  - Trường Đại học Y khoa Hà Nội, Nhi khoa tập I, II, NXB Y học, 2003.
  - Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định, Giáo trình Điều dưỡng nhi khoa, 2005.
5. Ghi chú và giải thích: không.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 30 (A)

**Tên môn học:** GIỚI THIỆU NGÀNH HỘ SINH VÀ QUÁ TRÌNH SINH ĐẼ - HỘ SINH QUỐC TẾ

**Mã môn học:**

**Thời gian thực hiện môn học:** 20 giờ; (Lý thuyết: 19 giờ; Kiểm tra: 01 giờ).

### I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: thực hiện ở học kỳ IV.

- Tính chất: Môn học tự chọn, thuộc khối học phần chuyên môn ngành, nghề.

### II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

1. Mô tả được vai trò của người hộ sinh trong việc chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh.

2. Thảo luận được vai trò của người hộ sinh trong bối cảnh Việt Nam, về đỡ đẻ như một chiến lược chăm sóc sức khỏe ban đầu, về tác động của các MDGs về hành nghề hộ sinh ở Việt Nam.

3. Giải thích được cho bà mẹ việc sinh con tác động đến đời sống của họ như thế nào.

4. Mô tả các quy chế hành nghề hộ sinh ở Việt Nam và so sánh với các nước khác trong khu vực châu Á-Thái Bình Dương.

5. Tổng quan về vai trò của các tổ chức quốc tế về việc cung cấp chăm sóc hộ sinh ở Việt Nam.

- Về kỹ năng:

1. Thể hiện được tầm quan trọng của cách tiếp cận lấy phụ nữ làm trung tâm trong việc chăm sóc bà mẹ mang thai.

2. Thể hiện tầm quan trọng của giao tiếp hiệu quả và nhạy cảm với bà mẹ mang thai.

3. Giải thích thống kê cơ bản về bà mẹ và chu sinh

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Thể hiện qua việc chuẩn bị đầy đủ dụng cụ vật liệu cần thiết cho quá trình học tập, chuẩn bị bài, tính chuyên cần và sáng tạo của sinh viên.

### III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên bài	Thời gian học tập (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
	<b>Chương 1. Giới thiệu ngành hộ sinh và quá trình sinh đẻ</b>	<b>11</b>	<b>11</b>	
1	Năng lực người hộ sinh, hành nghề hộ sinh ở Việt Nam	02	02	
2	Vai trò của người hộ sinh và phạm vi hành nghề hộ sinh.	02	02	
3	Tác động của việc sinh con đến người phụ nữ và gia đình của họ.	01	01	
4	Kiểm soát nhiễm khuẩn trong chăm sóc hộ sinh.	02	02	
5	Kỹ năng giao tiếp trong hành nghề hộ sinh.	01	01	
6	Chăm sóc hộ sinh dựa trên bằng chứng.	02	02	
7	Chăm sóc lấy người phụ nữ làm trung tâm.	01	01	
	<b>Chương 2. Hộ sinh quốc tế</b>	<b>09</b>	<b>08</b>	<b>01</b>

Số TT	Tên bài	Thời gian học tập (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
8	Quy chế các nhóm nghề nghiệp và các quy chế nghề Hộ sinh quốc tế	02	02	
9	Thu thập dữ liệu chu sinh và bà mẹ. Phân tích và xu hướng	02	02	
10	Các chỉ số về sức khỏe sinh sản	01	01	
11	Bối cảnh quốc tế về mối quan hệ giữa Hộ sinh và bà mẹ	01	01	
12	Các năng lực hộ sinh quốc tế	02	01	01
13	Vai trò của hộ sinh quốc tế	01	01	
<b>Tổng cộng</b>		<b>20</b>	<b>19</b>	<b>01</b>

2. Nội dung chi tiết:

**Chương 1. Giới thiệu ngành hộ sinh và quá trình sinh đẻ.**

Thời gian: 11 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được năng lực, vai trò, kỹ năng và phạm vi hành nghề hộ sinh ở Việt Nam.

1.2. Thực hiện được các kỹ năng hành nghề hộ sinh.

1.3. Thực hiện được việc thực hành hộ sinh dựa vào bằng chứng và nghiên cứu khoa học.

2. Nội dung chương

2.1. Năng lực người hộ sinh, hành nghề hộ sinh ở Việt Nam

2.2. Vai trò của người hộ sinh và phạm vi hành nghề hộ sinh.

2.3. Tác động của việc sinh con đến người phụ nữ và gia đình của họ.

2.4. Kiểm soát nhiễm khuẩn trong chăm sóc hộ sinh.

2.5. Kỹ năng giao tiếp trong hành nghề hộ sinh.

2.6. Chăm sóc hộ sinh dựa trên bằng chứng.

2.7. Chăm sóc lấy người phụ nữ làm trung tâm.

**Chương 2. Hộ sinh quốc tế**

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được các nhóm qui chế nghề nghiệp và qui chế nghề hộ sinh.

1.2. Trình bày được các năng lực và vai trò của hộ sinh quốc tế.

1.3. Thực hiện được cách tính các chỉ số sức khỏe sinh sản, việc thu thập dữ liệu chu sinh và bà mẹ, phân tích và xu hướng.

2. Nội dung chương

2.1. Quy chế các nhóm nghề nghiệp và các quy chế nghề Hộ sinh quốc tế

2.2. Thu thập dữ liệu chu sinh và bà mẹ. Phân tích và xu hướng

2.3. Các chỉ số về sức khỏe sinh sản

2.4. Bối cảnh quốc tế về mối quan hệ giữa Hộ sinh và bà mẹ

2.5. Các năng lực hộ sinh quốc tế

2.6. Vai trò của hộ sinh quốc tế

**IV. Điều kiện thực hiện môn học:**

1. Phòng học: giảng đường.

2. Trang thiết bị máy móc: laptop, projector, máy chiếu video.

**V. Nội dung và phương pháp đánh giá:**

## 1. Nội dung

### - Về kiến thức:

- + Mô tả được vai trò của người hộ sinh trong việc chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh.
- + Thảo luận được vai trò của người hộ sinh trong bối cảnh Việt Nam, về đỡ đẻ như một chiến lược chăm sóc sức khỏe ban đầu, về tác động của các MDGs về hành nghề hộ sinh ở Việt Nam.
- + Giải thích được cho bà mẹ việc sinh con tác động đến đời sống của họ như thế nào. Mô tả các quy chế hành nghề hộ sinh ở Việt Nam và so sánh với các nước khác trong khu vực châu Á-Thái Bình Dương.
- + Tổng quan về vai trò của các tổ chức quốc tế về việc cung cấp chăm sóc hộ sinh ở Việt Nam.

### - Về kỹ năng:

- + Thể hiện được tầm quan trọng của cách tiếp cận lấy phụ nữ làm trung tâm trong việc chăm sóc bà mẹ mang thai.
- + Thể hiện được tầm quan trọng của giao tiếp hiệu quả và nhạy cảm với bà mẹ mang thai.

Giải thích thống kê cơ bản về bà mẹ và chu sinh

### - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- + Thể hiện qua việc chuẩn bị đầy đủ dụng cụ vật liệu cần thiết cho quá trình học tập, chuẩn bị bài, tính chuyên cần và sáng tạo của sinh viên.

## 2. Phương pháp

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).
- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6. Hình thức thi: trắc nghiệm MCQ

## **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:**

**1. Phạm vi áp dụng môn học:** môn học dùng để giảng dạy cho sinh viên hộ sinh hệ cao đẳng trong cả nước.

### **2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:**

- Thuyết trình kết hợp dạy học tích cực (giảng lớp lớn).
- Giảng lý thuyết theo nhóm nhỏ, thảo luận.

### **3. Những trọng tâm cần chú ý:**

- Chú trọng phát triển các kỹ năng kiến thức và thái độ hành nghề an toàn của hộ sinh tại Việt Nam.

Giới thiệu cho sinh viên các chủ đề chương trình học, triết học hộ sinh và bối cảnh của thực hành hộ sinh, bối cảnh nghề hộ sinh trên thế giới và trong khu vực, quy chế của các nhóm nghề, thu thập dữ liệu chu sinh và bà mẹ, phân tích và xu hướng; Các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ (MDGs) và hành nghề hộ sinh; Một số cơ quan quốc tế khác - UNFPA và UNICEF; Liên đoàn quốc tế về hộ sinh (ICM) và hành nghề hộ sinh tại Việt Nam.

### **4. Tài liệu tham khảo:**

- Bộ Y tế, chương II: Làm mẹ an toàn, Hướng dẫn quốc gia các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, 2009.
- Bộ Y tế, Quyết định số 3982/QĐ – BYT “ Kỹ năng cơ bản của người đỡ đẻ”, ngày 3 tháng 10 năm 2014.

- Bộ Y tế -Ủy ban Dân số quốc gia và kế hoạch hoá gia đình, Chăm sóc sức khoẻ sinh sản, NXB Y học, 2002.
- Harris P Nagy S Vardaxis N (eds) Mosby's Dictionary of Medicine, Nursing and Health Professions, Australian and New Zealand Edition, Sydney, Mosby Elsevier, 2006.
- Pairman S Pincombe J, Thorogood C, Tracy S K (Eds) Midwifery: Preparation for Practice (2006) Elsevier Science, Sydney Australia
- WHO, World Health Report 2005, Geneva, World Health Organization, 2005.
- Giáo trình môn học Giới thiệu ngành hộ sinh và quá trình sinh đẻ - Hộ sinh quốc tế của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp

**5. Ghi chú và giải thích:** không.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 30 (B)

**Tên môn học:** QUẢN LÝ HỘ SINH - THỰC HÀNH HỘ SINH DỰA VÀO BẰNG CHỨNG & NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

**Mã môn học:**

**Thời gian thực hiện môn học:** 20 giờ; (Lý thuyết: 19 giờ; Kiểm tra: 01 giờ).

### I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: thực hiện ở học kỳ IV.
- Tính chất: môn học bắt buộc, thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành.

### II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

1. Trình bày được khái niệm về quản lý và lãnh đạo, các tiêu chuẩn của người quản lý, các phương pháp quản lý, khái niệm, chức năng, nhiệm vụ của người hộ sinh trong thực hành hộ sinh

2. Trình bày được khái niệm, lịch sử của thực hành dựa vào bằng chứng và những ảnh hưởng của chúng đến việc chăm sóc người mẹ và trẻ em.

3. Trình bày được phương pháp luận và cách tiến hành các nghiên cứu khoa học hộ sinh và nâng cao chăm sóc sức khỏe sinh sản.

- Về kỹ năng:

1. Thể hiện được vai trò của người hộ sinh trong chăm sóc sức khỏe sinh sản.

2. Có khả năng nhận xét và đánh giá có hệ thống các báo cáo nghiên cứu và các tài liệu khoa học.

3. Có khả năng trình bày một nội dung nghiên cứu hộ sinh một cách khoa học.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Người học cần rèn luyện tính cẩn thận, chính xác và trung thực trong quản lý hộ sinh, trong nghiên cứu khoa học và thực hành hộ sinh dựa vào bằng chứng.

### III. Nội dung môn học:

#### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Tên chương, mục	Thời gian học tập (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
	<b>Chương 1. Quản lý hộ sinh</b>	<b>08</b>	<b>08</b>	
1	Khái niệm về quản lý hộ sinh và các phương pháp quản lý hộ sinh	04	02	
2	Quản lý khoa phòng, Quản lý các nguồn lực và quản lý các nguy cơ	04	02	
3	Quản lý thời gian, Phân công công việc và giám sát	04	02	
4	Đối phó với các xung đột và giải quyết xung đột	04	02	
	<b>Chương 2. Thực hành hộ sinh dựa vào bằng chứng và nghiên cứu khoa học</b>	<b>12</b>	<b>11</b>	<b>01</b>
5	Giới thiệu khái niệm chăm sóc sức khỏe dựa trên bằng chứng	03	03	
6	Cách lựa chọn, tập hợp bằng chứng và tìm kiếm thông tin	03	03	

TT	Tên chương, mục	Thời gian học tập (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
7	Cách tiếp cận và lựa chọn vấn đề nghiên cứu khoa học phục vụ thực hành hộ sinh	03	02	01
8	Lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe sinh sản dựa vào bằng chứng và nghiên cứu khoa học	03	03	
<b>Tổng cộng</b>		<b>20</b>	<b>19</b>	<b>01</b>

## 2. Nội dung chi tiết:

### Chương 1. Quản lý hộ sinh

Thời gian: 08 giờ

#### 1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày đặc điểm quản lý hộ sinh.
- 1.2. Thực hiện được quản lý khoa phòng, nhân sự.
- 1.3. Giải quyết được các xung đột xảy ra tại khoa phòng.

#### 2. Nội dung:

- 2.1. Khái niệm về quản lý hộ sinh và các phương pháp quản lý hộ sinh
  - 2.1.1. Khái niệm về quản lý hộ sinh.
  - 2.1.2. Các phương pháp quản lý hộ sinh.
- 2.2. Quản lý khoa phòng, Quản lý các nguồn lực và quản lý các nguy cơ
  - 2.2.1. Quản lý khoa phòng.
  - 2.2.2. Quản lý các nguồn lực.
  - 2.2.3. Quản lý các nguy cơ.
- 2.3. Quản lý thời gian, Phân công công việc và giám sát
  - 2.3.1. Quản lý thời gian.
  - 2.3.2. Phân công việc và giám sát.
- 2.4. Đối phó với các xung đột và giải quyết xung đột
  - 2.4.1. Đối phó với các xung đột.
  - 2.4.2. Giải quyết xung đột.

### Chương 2. Thực hành hộ sinh dựa vào bằng chứng và nghiên cứu khoa học

Thời gian: 12 giờ

#### 1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày những điểm mấu chốt trong việc chăm sóc hộ sinh dựa vào bằng chứng và nghiên cứu khoa học.
- 1.2. Thực hiện được các công việc cụ thể trong việc chăm sóc hộ sinh dựa vào bằng chứng và nghiên cứu khoa học.

#### 2. Nội dung:

- 2.1. Giới thiệu khái niệm chăm sóc sức khỏe dựa trên bằng chứng
  - 2.1.1. Khái niệm chăm sóc sức khỏe dựa trên bằng chứng.
  - 2.1.2. Ích lợi của việc chăm sóc sức khỏe dựa trên bằng chứng.
- 2.2. Cách lựa chọn, tập hợp bằng chứng và tìm kiếm thông tin
  - 2.2.1. Cách lựa chọn, tập hợp bằng chứng.
  - 2.2.2. Cách tìm kiếm thông tin.
- 2.3. Cách tiếp cận và lựa chọn vấn đề nghiên cứu khoa học phục vụ thực hành hộ sinh
  - 2.3.1. Cách tiếp cận nghiên cứu khoa học.
  - 2.3.2. Cách lựa chọn vấn đề nghiên cứu khoa học.



2.4. Lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe sinh sản dựa vào bằng chứng và nghiên cứu khoa học.

2.4.1. Lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe sinh sản dựa vào bằng chứng và nghiên cứu khoa học.

2.4.2. Thực hiện kế hoạch chăm sóc sức khỏe sinh sản dựa vào bằng chứng và nghiên cứu khoa học.

#### **IV. Điều kiện thực hiện môn học:**

1. Phòng học chuyên môn hóa ở trường và khoa sản bệnh viện đa khoa tỉnh.

2. Trang thiết bị máy móc: laptop, projector.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

#### **V. Nội dung và phương pháp đánh giá:**

1. Nội dung:

- Kiến thức: quản lý hộ sinh, quản lý khoa phòng, chăm sóc sức khỏe dựa vào bằng chứng và nghiên cứu khoa học.

- Kỹ năng: đánh giá khả năng quản lý khoa phòng, giải quyết các mối quan hệ của sinh viên khi làm việc.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: thái độ làm việc và học tập của sinh viên.

2. Phương pháp:

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ). Hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm. Trọng số 0,4.

- Thi kết thúc học phần: hình thức thi trắc nghiệm MCQs. Trọng số 0,6.

#### **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:**

1. Phạm vi áp dụng môn học: môn học dùng để giảng dạy cho sinh viên cao đẳng thuộc ngành hộ sinh trên toàn quốc.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

Thuyết trình kết hợp dạy học tích cực (thảo luận nhóm nhỏ, giải quyết tình huống, bài tập, đóng vai).

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Giảng viên chú ý cung cấp cách xây dựng các khối kiến thức về hộ sinh, giúp sinh viên hiểu cách tiếp cận "bằng chứng" trong việc thực hành hộ sinh dựa trên bằng chứng thông qua các hiểu biết về chuyên ngành, các khái niệm và lịch sử của thực hành dựa vào bằng chứng và những ảnh hưởng của chúng đến việc chăm sóc người mẹ và trẻ em. Sinh viên hiểu được bản chất của công việc hộ sinh, bản chất của kiến thức, các cách nghiên cứu các vấn đề trên cơ sở thực hành.

Đồng thời cần trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản về phương pháp luận và cách tiến hành các nghiên cứu khoa học hộ sinh, hiểu và tiếp cận các phương pháp nghiên cứu khác nhau hiện đang được sử dụng để thực hành nghiên cứu hộ sinh và nâng cao chăm sóc sức khỏe sinh sản; Biết cách nhận xét và đánh giá có hệ thống các báo cáo nghiên cứu và các tài liệu khoa học. Học tập khả năng trình bày một nội dung nghiên cứu hộ sinh một cách khoa học.

Bên cạnh đó, giảng viên nên cung cấp cho sinh viên khái niệm về quản lý hộ sinh và các phương pháp quản lý hộ sinh, quản lý khoa phòng, quản lý nguồn lực, các yếu

tổ nguy cơ, thời gian. Phân công và giám sát công việc, đối phó với các xung đột và giải quyết xung đột.

4. Tài liệu tham khảo:

- Bộ Y tế, Giáo trình quản lý hộ sinh, 2009.
- Bộ Y tế, Giáo trình Thực hành hộ sinh dựa vào bằng chứng và nghiên cứu khoa học, 2009.
- Bộ Y tế - Dự án Hỗ trợ y tế Quốc gia, Quản lý và giám sát y tế cơ sở, NXB Y học, 1999.
- Bộ Y tế, Hướng dẫn chuẩn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, 2003.
- Bộ Y tế, Vụ khoa học và đào tạo (2005), “Chăm sóc bà mẹ trong đẻ”, NXB Y học, 2005
- Bộ môn Sản – Đại học Y Hà Nội (2002) “Bài giảng Sản phụ khoa”, tập 1, 2, NXB Y học
- Bộ môn Sản – Đại học Y Hà Nội (2004), “Phụ khoa dành cho thầy thuốc thực hành”, NXB Y học.
- Bộ Y tế - Ủy ban Dân số quốc gia và kế hoạch hóa gia đình (2002), “Chăm sóc sức khỏe sinh sản”, NXB Y học.
- Trường Đại học y khoa Hà Nội: Các phương pháp nghiên cứu dịch tễ học trong y học, 2003.
- Giáo trình môn học Quản lý hộ sinh – Thực hành hộ sinh dựa vào bằng chứng và nghiên cứu khoa học của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 31

**Tên môn học:** PHÁ THAI AN TOÀN - CHĂM SÓC SỨC KHỎE SINH SẢN VỊ THÀNH NIÊN

**Mã môn học:**

**Thời gian thực hiện môn học:** 20 giờ; (Lý thuyết: 19 giờ; Kiểm tra: 01 giờ).

### I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: môn học được thực hiện ở học kỳ IV.
- Tính chất: là môn học mang tính chất đặc thù nghề nghiệp, thuộc khối kiến thức bổ trợ.

### II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:
  1. Trình bày được sự thay đổi tâm sinh lý tuổi vị thành niên, các nhu cầu của tuổi vị thành niên.
  2. Trình bày được nguy cơ có thai trước hôn nhân, nguy cơ mắc bệnh ở tuổi vị thành niên và kỹ năng tư vấn, giáo dục giới tính cho tuổi vị thành niên.
  3. Trình bày được các phương pháp phá thai theo tuổi thai an toàn nhất.
  4. Trình bày được cách chăm sóc khách hàng phá thai an toàn và hiệu quả nhất, giảm thiểu đến mức tối đa các tai biến có thể xảy ra.

- Về kỹ năng:

1. Vận dụng kiến thức đã học để giáo dục giới tính, tư vấn chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh cho tuổi vị thành niên.
2. Vận dụng kiến thức đã học để tư vấn cho khách hàng lựa chọn các phương pháp phá thai theo tuổi thai an toàn nhất.
3. Cung cấp được các dịch vụ phá thai an toàn và chăm sóc khách hàng an toàn và hiệu quả nhất, giảm thiểu tối đa các tai biến có thể xảy ra.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Người học cần có tính cẩn thận, thông cảm chia sẻ và tôn trọng khách hàng.

### III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian học tập (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
	<b>Chương 1. Phá thai an toàn và toàn diện</b>	<b>09</b>	<b>09</b>	
1	Các khái niệm cơ bản về phá thai an toàn và nguyên lý của các phương pháp phá thai.	02	02	
2	Phá thai nhỏ dưới 8 tuần, Phá thai trên 8 tuần.	02	02	
3	Phá thai bệnh lý.	01	01	
4	Tư vấn KH lựa chọn các biện pháp phá thai.	02	02	
5	Tư vấn chăm sóc trước, trong và sau phá thai.	<b>02</b>	<b>02</b>	
	<b>Chương 2. Chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên</b>	11	10	
6	Đặc điểm tâm, sinh lý tuổi VTN.	03	02	01

7	Tình dục tuổi VTN.	02	02	
8	Vấn đề thai nghén tuổi VTN.	03	03	
9	Các nguy cơ thường gặp tuổi VTN.	03	03	
<b>Tổng cộng</b>		<b>20</b>	<b>19</b>	<b>01</b>

2. Nội dung chi tiết:

**Chương 1. Phá thai an toàn và toàn diện      Thời gian: 9 giờ**

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được những khái niệm cơ bản về phá thai an toàn, các nguyên lý của các phương pháp phá thai.

1.2. Tư vấn cho khách hàng lựa chọn được phương pháp phá thai an toàn và phù hợp.

1.3. Thực hiện chăm sóc khách hàng trước, trong và sau khi phá thai.

2. Nội dung:

2.1. Các khái niệm cơ bản về phá thai an toàn và nguyên lý của các phương pháp phá thai.

2.1.2. Các khái niệm cơ bản về phá thai an toàn.

2.1.3. Nguyên lý của các phương pháp phá thai

2.2. Phá thai nhỏ dưới 8 tuần, Phá thai trên 8 tuần.

2.2.1. Phá thai nhỏ dưới 8 tuần.

2.2.2. Phá thai trên 8 tuần.

2.3. Phá thai bệnh lý.

2.3.1. Các bệnh lý của thai trong ba tháng đầu.

2.3.2. Các bệnh của thai ở ba tháng giữa.

2.3.3. Các phương pháp phá thai phù hợp.

2.4. Tư vấn KH lựa chọn các biện pháp phá thai.

2.4.1. Các bước của một buổi tư vấn.

2.4.2. Tư vấn khách hàng lựa chọn một biện pháp phá thai phù hợp.

2.5. Tư vấn chăm sóc trước, trong và sau phá thai.

2.5.1. Tư vấn chăm sóc khách hàng trước khi phá thai.

2.5.2. Tư vấn chăm sóc khách hàng trong khi phá thai.

2.5.3. Tư vấn chăm sóc khách hàng sau khi phá thai.

**Chương 2. Chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên      Thời gian: 11 giờ**

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày những đặc điểm tâm sinh lý của vị thành niên.

1.2. Trình bày vấn đề tình dục, thai nghén, nguy cơ thai nghén ở độ tuổi vị thành niên.

1.3. Tư vấn cho vị thành niên các vấn đề liên quan đến sức khỏe sinh sản và thai nghén.

2. Nội dung:

2.1. Đặc điểm tâm, sinh lý tuổi VTN.

2.1.1. Đặc điểm tâm lý tuổi vị thành niên.

2.1.2. Đặc điểm sinh lý tuổi vị thành niên.

2.2. Tình dục tuổi VTN.

2.2.1. Nhu cầu tình dục ở tuổi vị thành niên.

2.2.2. Giáo dục tình dục cho tuổi vị thành niên.

2.2.3. Nguy cơ tình dục ở tuổi vị thành niên.

2.3. Vấn đề thai nghén tuổi VTN.

- 2.3.1. Đặc điểm thai nghén ở tuổi vị thành niên.
- 2.3.2. Nguy cơ thai nghén ở độ tuổi vị thành niên.
- 2.4. Các nguy cơ thường gặp tuổi VTN.
  - 2.4.1. Các nguy cơ tình dục không an toàn.
  - 2.4.2. Nguy cơ bị xâm phạm tình dục.
  - 2.4.3. Nguy cơ mang thai và sinh đẻ.
- 2.5. Tư vấn cho VTN các vấn đề liên quan đến SKSS VTN.
  - 2.5.1. Đặc điểm tư vấn cho vị thành niên.
  - 2.5.2. Tư vấn cho VTN về các vấn đề liên quan đến SKSS. VTN.

#### **IV. Điều kiện thực hiện môn học:**

1. Phòng học chuyên môn hóa, phòng thực hành sức khỏe sinh sản, khoa phụ sản bệnh viện tỉnh, trung tâm chăm sóc khỏe bà mẹ và trẻ em tỉnh.
2. Trang thiết bị máy móc: laptop, projector
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).
4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ .

#### **V. Nội dung và phương pháp đánh giá:**

1. Nội dung
  - Về kiến thức: Trình bày được sự thay đổi tâm sinh lý tuổi vị thành niên, các nhu cầu của tuổi vị thành niên. Trình bày được nguy cơ có thai trước hôn nhân, nguy cơ mắc bệnh ở tuổi vị thành niên và kỹ năng tư vấn, giáo dục giới tính cho tuổi vị thành niên. Trình bày được các phương pháp phá thai theo tuổi thai an toàn nhất. Trình bày được cách chăm sóc khách hàng phá thai an toàn và hiệu quả nhất, giảm thiểu đến mức tối đa các tai biến có thể xảy ra.
  - Về kỹ năng: Vận dụng kiến thức đã học để giáo dục giới tính, tư vấn chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh cho tuổi vị thành niên. Vận dụng kiến thức đã học để tư vấn cho khách hàng lựa chọn các phương pháp phá thai theo tuổi thai an toàn nhất. Cung cấp được các dịch vụ phá thai an toàn và chăm sóc khách hàng an toàn và hiệu quả nhất, giảm thiểu tối đa các tai biến có thể xảy ra.
  - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Người học cần có tính cẩn thận, thông cảm chia sẻ và tôn trọng khách hàng.
2. Phương pháp
 

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

  - Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).
  - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6.

#### **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:**

1. Phạm vi áp dụng môn học: môn học dùng giảng dạy cho sinh viên cao đẳng hộ sinh trong toàn quốc.
2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:
  - Thuyết trình kết hợp dạy học tích cực (giảng lớp lớn)
  - Thực hành tại trường: thực hành trên lab, giảng viên hướng dẫn, đóng vai, cemina, thảo luận.
  - Thực hành bệnh viện: giảng viên nhà trường kết hợp giảng viên bệnh viện. Mỗi giảng viên bệnh viện 1 nhóm 4-5 sinh viên theo dõi trong suốt đợt học, hướng dẫn và

đánh giá theo bảng kiểm trong sổ theo dõi thực hành của sinh viên. Trong suốt quá trình sinh viên học, phải có cơ chế phản hồi thường xuyên giữa giảng viên nhà trường, giảng viên bệnh viện và sinh viên, có đánh giá vào sổ của sinh viên.

### 3. Những trọng tâm cần chú ý:

Giảng viên cần cung cấp kiến thức và kỹ năng về: các phương pháp phá thai theo tuổi thai an toàn nhất, cách chăm sóc an toàn và hiệu quả nhất, cung cấp dịch vụ sau phá thai cho khách hàng.

Huấn luyện sinh viên thành thực công tác tư vấn cho khách hàng lựa chọn các phương pháp phá thai theo tuổi thai an toàn nhất, thực hiện các biện pháp phá thai và chăm sóc khách hàng an toàn và hiệu quả nhất, giảm thiểu đến mức tối đa các biến cố gần cũng như các biến chứng xa cho khách hàng, tư vấn và cung cấp dịch vụ sau phá thai cho khách hàng.

Học phần cũng sẽ cung cấp những kiến thức cơ bản về: sự thay đổi tâm sinh lý tuổi vị thành niên, các nhu cầu của tuổi vị thành niên, các nguy cơ có thai trước hôn nhân, nguy cơ mắc bệnh ở tuổi vị thành niên và kỹ năng tư vấn, giáo dục giới tính cho tuổi vị thành niên. Trên cơ sở đó sinh viên thực hiện kỹ năng giáo dục giới tính, tư vấn chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh cho tuổi vị thành niên.

### 4. Tài liệu học tập và tham khảo:

- Giáo trình do giảng viên trường biên soạn.
- Bộ Y tế, Giáo trình Phá thai an toàn và toàn diện, 2009.
- Bộ Y tế - Dự án hỗ trợ y tế Quốc gia, Quản lý và giám sát y tế cơ sở, NXB Y học, 1999.
- Bộ Y tế, Hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, 2009.
- Bộ môn Sản - Đại học Y Hà Nội, Bài giảng Sản phụ khoa, tập 1, 2, NXB Y học, 2002.
- Bộ môn Sản - Đại học Y Hà Nội, Phụ khoa dành cho thầy thuốc thực hành, NXB Y học, 2004.
- Bộ Y tế - Ủy ban Dân số quốc gia và kế hoạch hoá gia đình, Chăm sóc sức khỏe sinh sản, NXB Y học, 2002.
- Bộ Y tế, Giải phẫu – sinh lý chuyên ngành, 2009.
- Đại học Y Dược TP.HCM, Sản phụ khoa, tập 1, 2, NXB Y học chi nhánh TP.HCM, 2009.
- Giáo trình môn học Phá thai an toàn – chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp

### 5. Ghi chú và giải thích: không.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 32

**Tên môn học:** THỰC HÀNH BỆNH VIỆN PHÁ THAI AN TOÀN VÀ TOÀN DIỆN, CHĂM SÓC SỨC KHỎE SINH SẢN VỊ THÀNH NIÊN

**Mã môn học:**

**Thời gian thực hiện môn học:** 45 giờ (Thực tập: 44 giờ; Kiểm tra: 01 giờ).

### I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: môn học được thực hiện ở học kỳ IV.
- Tính chất: là môn học mang tính chất đặc thù nghề nghiệp, thuộc khối kiến thức bổ trợ.

### II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

1. Hệ thống lại sự thay đổi tâm sinh lý tuổi vị thành niên, các nhu cầu của tuổi vị thành niên.
2. Biết được nguy cơ có thai trước hôn nhân, nguy cơ mắc bệnh ở tuổi vị thành niên và thực hiện được kỹ năng tư vấn, giáo dục giới tính cho tuổi vị thành niên.
3. Hệ thống được các phương pháp phá thai theo tuổi thai an toàn nhất.
4. Trình bày được cách chăm sóc khách hàng phá thai an toàn và hiệu quả nhất, giảm thiểu đến mức tối đa các tai biến có thể xảy ra.

- Về kỹ năng:

1. Vận dụng kiến thức đã học để giáo dục giới tính, tư vấn chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh cho tuổi vị thành niên.
2. Vận dụng kiến thức đã học để tư vấn cho khách hàng lựa chọn các phương pháp phá thai theo tuổi thai an toàn nhất.
3. Cung cấp được các dịch vụ phá thai an toàn và chăm sóc khách hàng an toàn và hiệu quả nhất, giảm thiểu tối đa các tai biến có thể xảy ra.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Người học cần có tính cẩn thận, thông cảm chia sẻ và tôn trọng khách hàng.

### III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian học tập (giờ)		Chỉ tiêu	
		Thực tập BV	Kiểm tra	Kiến tập	Thực tập
1	Phá thai nhỏ dưới 8 tuần, Phá thai trên 8 tuần.	03		2	
2	Phá thai bệnh lý.	02		2	
3	Tư vấn chăm sóc trước, trong và sau phá thai. Tư vấn KH lựa chọn các biện pháp phá thai.	09	01		4

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian học tập (giờ)		Chỉ tiêu	
		Thực tập BV	Kiểm tra	Kiến tập	Thực tập
4	Đặc điểm tâm, sinh lý tuổi VTN.	05			2
5	Vấn đề thai nghén tuổi VTN, tình dục tuổi VTN.	10			2
6	Các nguy cơ thường gặp tuổi VTN.	10			2
7	Tư vấn cho VTN các vấn đề liên quan đến SKSS VTN.	05			2
	<b>Tổng số</b>	<b>44</b>	<b>01</b>	<b>4</b>	<b>12</b>

#### IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Khoa sản bệnh viện đa khoa tỉnh
2. Trang thiết bị máy móc: dụng cụ trang thiết bị cần cho thực hiện chăm sóc người bệnh phá thai, trẻ vị thành niên.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.
4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

#### V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung
  - Về kiến thức:
    1. Hệ thống lại sự thay đổi tâm sinh lý tuổi vị thành niên, các nhu cầu của tuổi vị thành niên.
    2. Biết được nguy cơ có thai trước hôn nhân, nguy cơ mắc bệnh ở tuổi vị thành niên và thực hiện được kỹ năng tư vấn, giáo dục giới tính cho tuổi vị thành niên.
    3. Hệ thống được các phương pháp phá thai theo tuổi thai an toàn nhất.
    4. Trình bày được cách chăm sóc khách hàng phá thai an toàn và hiệu quả nhất, giảm thiểu đến mức tối đa các tai biến có thể xảy ra.
  - Về kỹ năng:
    1. Vận dụng kiến thức đã học để giáo dục giới tính, tư vấn chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh cho tuổi vị thành niên.
    2. Vận dụng kiến thức đã học để tư vấn cho khách hàng lựa chọn các phương pháp phá thai theo tuổi thai an toàn nhất.
    3. Cung cấp được các dịch vụ phá thai an toàn và chăm sóc khách hàng an toàn và hiệu quả nhất, giảm thiểu tối đa các tai biến có thể xảy ra.
  - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm  
Người học cần có tính cẩn thận, thông cảm chia sẻ và tôn trọng khách hàng.
2. Phương pháp:



Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội.

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: Quy trình, bảng kiểm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6. Hình thức thi trình bệnh án, vấn đáp.

#### **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:**

1. Phạm vi áp dụng môn học: học phần dùng để giảng dạy sinh viên thuộc khối ngành cao đẳng hộ sinh.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

Cầm tay chỉ việc trên lâm sàng: Giảng viên nhà trường kết hợp giảng viên bệnh viện. Mỗi giảng viên bệnh viện 1 nhóm 4-5 sinh viên theo dõi trong suốt đợt học, hướng dẫn và đánh giá theo bảng kiểm trong sổ theo dõi thực hành của sinh viên. Trong suốt quá trình học tập của sinh viên phải có cơ chế phản hồi thường xuyên giữa giảng viên nhà trường và giảng viên bệnh viện. Giảng viên bệnh viện phải đánh giá cho sinh viên 3 lần theo 3 bảng kiểm có trong sổ và phải ghi nhận xét của cả 2 giảng viên vào sổ.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Đây là học phần chuyên về thực hành lâm sàng bệnh viện về phá thai an toàn và toàn diện, sức khỏe sinh sản vị thành niên. Giảng viên cần chú ý hướng dẫn sinh viên phải thực hành chăm sóc và tư vấn về từng trường hợp cụ thể.

4. Tài liệu tham khảo:

- Bộ môn sản phụ khoa, Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh: Thực hành sản phụ khoa, 2004.

- Bộ Y tế, chương II: Làm mẹ an toàn, Hướng dẫn quốc gia các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, 2009.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 33

**Tên môn học:** CÁC BỆNH LÂY TRUYỀN QUA ĐƯỜNG TÌNH DỤC VỚI SỨC KHỎE SINH SẢN VÀ THAI NGHÉN

**Mã môn học:**

**Thời gian thực hiện môn học:** 20 giờ; (Lý thuyết: 19 giờ; Kiểm tra: 01 giờ).

### I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: thực hiện ở học kỳ IV.
- Tính chất: môn học đặc thù của ngành, thuộc khối kiến thức bổ trợ.

### II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức

1. Trình bày được ảnh hưởng của các bệnh lây truyền qua đường tình dục, đặc biệt là HIV/AIDS và viêm gan B với sức khỏe sinh sản của người phụ nữ.

2. Trình bày được quá trình lây nhiễm từ mẹ sang con của nhiễm HIV/AIDS và viêm gan B. Quá trình quản lý lây truyền mẹ con.

- Về kỹ năng

1. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc, quản lý thai sản đối với những trường hợp mắc bệnh lây truyền qua đường tình dục, đặc biệt là HIV/AIDS và viêm gan B.

2. Tư vấn được các biện pháp phòng tránh các bệnh lây qua đường tình dục cho cộng đồng.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Cần rèn luyện tính cẩn thận, thông cảm và tôn trọng người bệnh.

### III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian học tập (giờ)		
		Tổng số	Lý thuyết	Kiểm tra
	<b>Chương 1. Các bệnh LTQĐTD với SKSS</b>	<b>14</b>	<b>14</b>	
1	Đại cương các bệnh LTQĐTD với SKSS.	02	02	
2	Các bệnh LTQĐTD với phụ nữ mang thai.	04	04	
3	HIV với thai nghén và sinh đẻ.	04	04	
4	Viêm gan B với thai nghén và sinh đẻ.	04	04	
	<b>Chương 2. Các bệnh LTQĐTD với trẻ sơ sinh – Công tác tư vấn cho phụ nữ mang thai về các BLTQĐTD</b>	<b>06</b>	<b>05</b>	
5	Trẻ sơ sinh với các bệnh LTQĐTD.	04	03	01
6	Tư vấn cho phụ nữ mang thai phát hiện, dự phòng và tự chăm sóc khi mắc các bệnh LTQĐTD.	02	02	
<b>Tổng cộng</b>		<b>20</b>	<b>19</b>	<b>01</b>

2. Nội dung chi tiết:

#### Chương 1. Các bệnh LTQĐTD với SKSS

**Thời gian: 14 giờ**

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của các bệnh lây truyền qua đường tình dục.

1.2. Trình bày được đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng, cách xử trí và chăm sóc cho các thai phụ và sản phụ mắc các các BLTQĐTD.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương các bệnh LTQĐTD với SKSS.

2.1.1. Đại cương về các bệnh lây truyền qua đường tình dục.

2.1.2. Một số bệnh lây truyền qua đường tình dục thường gặp.

2.2. Các bệnh LTQĐTD với phụ nữ mang thai.

2.2.1. Hội chứng loét sinh dục và sưng hạch bẹn: giang mai, Herpes sinh dục, hạ cam mềm, mồng gà.

2.2.2. Viêm âm đạo do Trichomonas.

2.2.3. Viêm cổ tử cung do lậu và Chlamydia.

2.3. HIV với thai nghén và sinh đẻ.

2.3.1. Nhiễm HIV.

2.3.2. Nhiễm HIV ở phụ nữ mang thai.

2.3.3. Dự phòng lây truyền mẹ - con.

2.4. Viêm gan B với thai nghén và sinh đẻ.

2.4.1. Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của viêm gan siêu vi B.

2.4.2. Lây truyền mẹ - con.

2.4.3. Dự phòng lây truyền mẹ - con.

## **Chương 2. Các bệnh LTQĐTD với trẻ sơ sinh – Công tác tư vấn cho phụ nữ mang thai về các BLTQĐTD Thời gian: 6 giờ**

1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày ảnh hưởng của các bệnh LTQĐTD với trẻ sơ sinh.

1.2. Tư vấn được cho phụ nữ mang thai phát hiện, dự phòng khi mắc các BLTQĐTD.

2. Nội dung:

2.1. Trẻ sơ sinh với các bệnh LTQĐTD.

2.1.1. Ảnh hưởng của các BLTQĐTD đối với thai nhi.

2.1.2. Ảnh hưởng của các BLTQĐTD đối với thai nhi.

2.1.3. Chăm sóc trẻ sơ sinh của các bà mẹ bị BLTQĐTD.

2.2. Tư vấn cho phụ nữ mang thai phát hiện, dự phòng và tự chăm sóc khi mắc các bệnh LTQĐTD.

2.2.1. Tư vấn cho phụ nữ mang thai cách tự phát hiện các bệnh LTQĐTD.

2.2.2. Tư vấn cho phụ nữ mang thai cách dự phòng khi mắc các bệnh LTQĐTD.

2.2.3. Tư vấn cho phụ nữ mang thai cách tự chăm sóc khi mắc các bệnh LTQĐTD.

**Thực hành bệnh viện**

Thời gian: 90 giờ

### **IV. Điều kiện thực hiện môn học:**

1. Phòng học chuyên môn hóa, khoa phụ sản bệnh viện đa khoa tỉnh, trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản tỉnh, trung tâm da liễu tỉnh

2. Trang thiết bị máy móc: laptop, projector, máy chiếu video.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính).

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

## **V. Nội dung và phương pháp đánh giá:**

### 1. Nội dung

#### - Về kiến thức

1. Trình bày được ảnh hưởng của các bệnh lây truyền qua đường tình dục, đặc biệt là HIV/AIDS và viêm gan B với sức khỏe sinh sản của người phụ nữ .

2. Trình bày được quá trình lây nhiễm từ mẹ sang con của nhiễm HIV/AIDS và viêm gan B. Quá trình quản lý lây truyền mẹ con.

#### - Về kỹ năng

1. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc, quản lý thai sản đối với những trường hợp mắc bệnh lây truyền qua đường tình dục, đặc biệt là HIV/AIDS và viêm gan B.

2. Tư vấn được các biện pháp phòng tránh các bệnh lây qua đường tình dục cho cộng đồng.

#### - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

1. Cần rèn luyện tính cẩn thận, thông

2. Phương pháp

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6. Hình thức thi: trắc nghiệm MCQ

## **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:**

1. Phạm vi áp dụng môn học: học phần dùng để giảng dạy sinh viên thuộc khối ngành cao đẳng hộ sinh.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Thuyết trình kết hợp dạy học tích cực (giảng lớp lớn).

- Các chủ đề thảo luận:

Quản lý thai nghén phát hiện những thai phụ mắc các bệnh lây truyền qua đường tình dục.

Dự phòng các bệnh lây truyền qua đường tình dục cho phụ nữ trước và trong khi mang thai.

Các xét nghiệm giúp chẩn đoán các bệnh lây truyền qua đường tình dục trong thai nghén.

Chăm sóc các thai phụ mắc các bệnh lây truyền qua đường tình dục.

- Thực hành bệnh viện: Giảng viên nhà trường kết hợp giảng viên bệnh viện. Mỗi giảng viên bệnh viện 1 nhóm 4-5 sinh viên theo dõi trong suốt đợt học, hướng dẫn và đánh giá theo bảng kiểm trong sổ theo dõi thực hành của sinh viên. Trong suốt quá trình sinh viên học, phải có cơ chế phản hồi thường xuyên giữa giảng viên nhà trường, giảng viên BV và sinh viên, có đánh giá vào sổ của sinh viên.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Giảng viên cần chú ý cung cấp cho sinh viên những kiến thức về ảnh hưởng của các bệnh lây truyền qua đường tình dục, đặc biệt là HIV/AIDS và viêm gan B với sức khỏe sinh sản của người phụ nữ, quá trình lây nhiễm từ mẹ sang con. Trên cơ sở đó sinh viên lập kế hoạch chăm sóc, quản lý thai sản ở những đối tượng này và tư vấn các biện pháp phòng tránh các bệnh lây qua đường tình dục cho cộng đồng.

4. Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình do giảng viên trường biên soạn

- Bộ Y tế, Tài liệu phòng chống HIV/AIDS, năm 2008.
  - Bộ Y tế, Hướng dẫn chuẩn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, 2003.
  - Bộ Y tế, Hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, 2009.
  - Bộ Y tế, Vụ Khoa học Đào tạo, Chăm sóc bà mẹ trong đẻ, NXB Y học, 2005.
  - Bộ môn Sản - Đại học Y Hà Nội, Bài giảng Sản phụ khoa, tập 1, 2, NXB Y học, 2002.
  - Bộ môn Sản - Đại học Y Hà Nội, Phụ khoa dành cho thầy thuốc thực hành, NXB Y học, 2004.
  - Bộ Y tế - Ủy ban Dân số quốc gia và kế hoạch hoá gia đình, Chăm sóc sức khỏe sinh sản, NXB Y học, 2002.
  - Giáo trình môn học Các bệnh lây truyền qua đường tình dục với sức khỏe sinh sản và thai nghén của trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp
5. Ghi chú và giải thích: không.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 34

**Tên môn học:** THỰC HÀNH BỆNH VIỆN CÁC BỆNH LÂY TRUYỀN QUA ĐƯỜNG TÌNH DỤC VỚI SỨC KHỎE SINH SẢN VÀ THAI NGHÉN

**Mã môn học:**

**Thời gian thực hiện môn học:** 45 giờ (Thực hành: 44 giờ; Kiểm tra: 01 giờ).

### I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: thực hiện ở học kỳ IV.
- Tính chất: môn học đặc thù của ngành, thuộc khối kiến thức bổ trợ.

### II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức

1. Hệ thống được ảnh hưởng của các bệnh lây truyền qua đường tình dục, đặc biệt là HIV/AIDS và viêm gan B với sức khỏe sinh sản của người phụ nữ .

2. Trình bày được quá trình lây nhiễm từ mẹ sang con của nhiễm HIV/AIDS và viêm gan B. Quá trình quản lý lây truyền mẹ con.

- Về kỹ năng

1. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc, quản lý thai sản đối với những trường hợp mắc bệnh lây truyền qua đường tình dục, đặc biệt là HIV/AIDS và viêm gan B.

2. Tư vấn được các biện pháp phòng tránh các bệnh lây qua đường tình dục cho cộng đồng.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Cần rèn luyện tính cẩn thận, thông cảm và tôn trọng khi tiếp xúc chăm sóc và tư vấn cho người bệnh.

### III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian học tập (giờ)		Chỉ tiêu	
		Thực tập BV	Kiểm tra	Kiến tập	Thực tập
1	Các bệnh LTQDĐT với phụ nữ mang thai.	10			2
2	HIV với thai nghén và sinh đẻ.	10			2
3	Viêm gan B với thai nghén và sinh đẻ.	10			2
4	Trẻ sơ sinh với các bệnh LTQDĐT.	5			2
5	Tư vấn cho phụ nữ mang thai phát hiện, dự phòng và tự chăm sóc khi mắc các bệnh LTQDĐT.	09	1		2
	<b>Tổng số</b>	<b>44</b>	<b>1</b>		<b>10</b>

#### **IV. Điều kiện thực hiện môn học:**

1. Khoa sản bệnh viện đa khoa tỉnh
2. Trang thiết bị máy móc: dụng cụ trang thiết bị cần cho thực hiện chăm sóc người bệnh lây truyền qua đường tình dục và thai nghén.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.
4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

#### **V. Nội dung và phương pháp đánh giá:**

1. Nội dung
  - Về kiến thức
    1. Hệ thống được ảnh hưởng của các bệnh lây truyền qua đường tình dục, đặc biệt là HIV/AIDS và viêm gan B với sức khỏe sinh sản của người phụ nữ .
    2. Trình bày được quá trình lây nhiễm từ mẹ sang con của nhiễm HIV/AIDS và viêm gan B. Quá trình quản lý lây truyền mẹ con.
      - Về kỹ năng
        1. Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc, quản lý thai sản đối với những trường hợp mắc bệnh lây truyền qua đường tình dục, đặc biệt là HIV/AIDS và viêm gan B.
        2. Tư vấn được các biện pháp phòng tránh các bệnh lây qua đường tình dục cho cộng đồng.
          - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm
  - 2. Phương pháp:
    - Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội.
    - Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: Quy trình, bảng kiểm).
    - Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6. Hình thức thi trình bệnh án, vấn đáp.

#### **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:**

1. Phạm vi áp dụng môn học: học phần dùng để giảng dạy sinh viên thuộc khối ngành cao đẳng hộ sinh.
2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:
  - Cầm tay chỉ việc trên lâm sàng: Giảng viên nhà trường kết hợp giảng viên bệnh viện. Mỗi giảng viên bệnh viện 1 nhóm 4-5 sinh viên theo dõi trong suốt đợt học, hướng dẫn và đánh giá theo bảng kiểm trong sổ theo dõi thực hành của sinh viên. Trong suốt quá trình học tập của sinh viên phải có cơ chế phản hồi thường xuyên giữa giảng viên nhà trường và giảng viên bệnh viện. Giảng viên bệnh viện phải đánh giá cho sinh viên 3 lần theo 3 bảng kiểm có trong sổ và phải ghi nhận xét của cả 2 giảng viên vào sổ.
3. Những trọng tâm cần chú ý:
  - Đây là học phần chuyên về thực hành lâm sàng bệnh viện về bệnh lây truyền qua đường tình dục và thai nghén.. Giảng viên cần chú ý hướng dẫn sinh viên phải thực hành chăm sóc và tư vấn về từng trường hợp cụ thể.

4. Tài liệu tham khảo:

- Bộ môn sản phụ khoa, Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh: Thực hành sản phụ khoa, 2004.
- Bộ Y tế, chương II: Làm mẹ an toàn, Hướng dẫn quốc gia các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, 2009.



## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 35

**Tên môn học:** THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

**Mã môn học:**

**Thời gian thực hiện môn học:** 90 giờ (Thực hành: 88 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

### I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: là học phần được phân bổ vào cuối khóa học (học kỳ IV), sau khi sinh viên đã hoàn thành tất cả các học phần được qui định trong chương trình.
- Tính chất: thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành.

### II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

Hệ thống lại toàn bộ kiến thức về:

1. Chăm sóc thai nghén
2. Chăm sóc chuyển dạ và đẻ thường và đẻ khó
3. Dân số - Kế hoạch hóa gia đình
4. Chăm sóc sau đẻ - Chăm sóc sơ sinh
5. Chăm sóc trẻ dưới 5 tuổi, tư vấn nâng cao thực hành chăm sóc trẻ
6. Chăm sóc hộ sinh nâng cao
7. Các bệnh lây truyền qua đường tình dục với sức khỏe sinh sản và thai nghén
8. Liệu pháp giảm đau trong sinh đẻ
9. Phá thai an toàn và toàn diện - Chăm sóc sức khỏe vị thành niên

- Về kỹ năng:

1. Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc sức khỏe sinh sản cho từng đối tượng cụ thể.
2. Thực hiện được các kỹ năng chăm sóc sức khỏe sinh sản cho từng đối tượng cụ thể.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Người học có ý thức tổ chức và tinh thần trách nhiệm trong nghề nghiệp.

### III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian học tập (giờ)		Chỉ tiêu	
		Thực tập BV	Kiểm tra	Kiến tập	Thực tập
1	Chăm sóc thai nghén	10			2
2	Chăm sóc chuyển dạ và đẻ thường và đẻ khó	10			2
3	Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	10			2
4	Chăm sóc sau đẻ - Chăm sóc sơ sinh	10			2

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian học tập (giờ)		Chỉ tiêu	
		Thực tập BV	Kiểm tra	Kiến tập	Thực tập
5	Chăm sóc trẻ dưới 5 tuổi, tư vấn nâng cao thực hành chăm sóc trẻ	10			2
6	Chăm sóc hộ sinh nâng cao	10			2
7	Các bệnh lây truyền qua đường tình dục với sức khỏe sinh sản và thai nghén	10			2
8	Liệu pháp giảm đau trong sinh đẻ	10			2
9	Phá thai an toàn và toàn diện - Chăm sóc sức khỏe vị thành niên	09	01		2
<b>Tổng cộng</b>		<b>89</b>	<b>01</b>		<b>18</b>

#### **IV. Điều kiện thực hiện môn học:**

1. Khoa sản bệnh viện huyện/ tỉnh, phối hợp với trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản tỉnh.
2. Trang thiết bị máy móc: trang thiết bị tại khoa phụ sản
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: dụng cụ thực hành tại khoa phụ sản, sinh viên phải chuẩn bị đầy đủ các bảng kiểm, qui trình đã được học, sổ tay lâm sàng.
4. Các điều kiện khác: đã hoàn tất tất cả các học phần được qui định trong chương trình.

#### **V. Nội dung và phương pháp đánh giá:**

- Về kiến thức:

Hệ thống lại toàn bộ kiến thức về:

1. Chăm sóc thai nghén
2. Chăm sóc chuyên dạ và đẻ thường và đẻ khó
3. Dân số - Kế hoạch hóa gia đình
4. Chăm sóc sau đẻ - Chăm sóc sơ sinh
5. Chăm sóc trẻ dưới 5 tuổi, tư vấn nâng cao thực hành chăm sóc trẻ
6. Chăm sóc hộ sinh nâng cao
7. Các bệnh lây truyền qua đường tình dục với sức khỏe sinh sản và thai nghén
8. Liệu pháp giảm đau trong sinh đẻ
9. Phá thai an toàn và toàn diện - Chăm sóc sức khỏe vị thành niên

- Về kỹ năng:

1. Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc sức khỏe sinh sản cho từng đối tượng cụ thể.
2. Thực hiện được các kỹ năng chăm sóc sức khỏe sinh sản cho từng đối tượng cụ thể.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Người học có ý thức tổ chức và tinh thần trách nhiệm trong nghề nghiệp.

## 2. Phương pháp:

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội.

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: Quy trình, bảng kiểm).
- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6. Hình thức đánh giá: chấm bài báo cáo.

## **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:**

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học thực tập tốt nghiệp được sử dụng để giảng dạy hộ sinh trình độ cao đẳng trên toàn quốc.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên/ giảng viên: áp dụng phương pháp dạy học tích cực theo hướng hình thành năng lực cho người học, làm cho sinh viên chủ động, tích cực học tập nhằm đạt được mục đích của môn học.
- Đối với người học: cần chủ động, tích cực, phát huy tính thần tự học, rèn luyện tác phong làm việc tập thể, tinh thần tương thân tương ái với đồng nghiệp; khả năng giải quyết tình huống; rèn luyện tác phong thận trọng chính xác trong công tác quản lý khoa phòng và chăm sóc người bệnh.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Đợt thực tập thực hành nghề nghiệp được thực hiện vào thời điểm cuối khoá học, trước khi thi tốt nghiệp, giảng viên phải chú ý giúp cho sinh viên có thể hoàn thiện các kỹ năng, kiến thức cơ bản như đánh giá mô hình tổ chức, công tác quản lý khoa phòng tại bệnh viện, mô tả và phân tích được chức năng nhiệm vụ, vai trò của người hộ sinh, hộ sinh trưởng trong bệnh viện và y tế cơ sở, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc sức khoẻ sinh sản cho từng đối tượng cụ thể; Đảm bảo sinh viên có thể quản lý sức khoẻ sinh sản tại cộng đồng, đánh giá được qui trình khống chế nhiễm khuẩn tại bệnh viện, cộng đồng,

4. Tài liệu tham khảo:

- Bộ môn sản phụ khoa, Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh: Thực hành sản phụ khoa, 2004.
- Bộ Y tế, chương II: Làm mẹ an toàn, Hướng dẫn quốc gia các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ sinh sản, 2009.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 36

**Tên môn học:** BÁO CÁO TỐT NGHIỆP

**Mã môn học:**

**Thời gian thực hiện môn học:** 90 giờ.

### I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: là học phần được phân bổ vào cuối khóa học, sau khi sinh viên đã hoàn thành tất cả các học phần được qui định trong chương trình và sau thực tập nghề nghiệp.
- Tính chất: thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành.

### II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:
  1. Trình bày được các mô hình tổ chức, công tác quản lý khoa phòng tại bệnh viện.
  2. Mô tả và phân tích được chức năng nhiệm vụ, vai trò của người hộ sinh, hộ sinh trưởng trong bệnh viện và y tế cơ sở.
  3. Mô tả quy trình quản lý sức khỏe sinh sản tại cộng đồng.
  4. Mô tả được qui trình khống chế nhiễm khuẩn tại bệnh viện, tại cộng đồng.
- Về kỹ năng:
  1. Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc sức khỏe sinh sản cho từng đối tượng cụ thể.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Người học có ý thức tổ chức và tinh thần trách nhiệm trong nghề nghiệp.

### III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Phân bổ thời gian (giờ)
1	Đánh giá mô hình tổ chức, quản lý tại y tế cơ sở thực tập	10
2	Chức năng nhiệm vụ, vai trò của người hộ sinh, hộ sinh trưởng	10
3	Qui trình khống chế nhiễm khuẩn tại cơ sở thực tập	10
4	Thực hiện các quy trình kỹ thuật chăm sóc sức khỏe sinh sản.	20
5	Tư vấn giáo dục sức khỏe	20
6	Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc sức khỏe sinh sản cho từng đối tượng cụ thể.	20
<b>Tổng cộng</b>		<b>90</b>

### IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Khoa sản bệnh viện huyện/ tỉnh, phối hợp với trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản tỉnh.
2. Trang thiết bị máy móc: trang thiết bị tại khoa phụ sản
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: dụng cụ thực hành tại khoa phụ sản, sinh viên phải chuẩn bị đầy đủ các bảng kiểm, qui trình đã được học, sổ tay lâm sàng.
4. Các điều kiện khác: đã hoàn tất tất cả các học phần được qui định trong chương trình.

### V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung

- Về kiến thức: Trình bày được các mô hình tổ chức, công tác quản lý khoa phòng tại bệnh viện. Mô tả và phân tích được chức năng nhiệm vụ, vai trò của người hộ sinh, hộ sinh trưởng trong bệnh viện và y tế cơ sở. Mô tả quy trình quản lý sức khỏe sinh sản

tại cộng đồng. Mô tả được qui trình khống chế nhiễm khuẩn tại bệnh viện, tại cộng đồng.

- Về kỹ năng: Lập được kế hoạch chăm sóc sức khỏe sinh sản cho từng đối tượng cụ thể.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Người học có ý thức tổ chức và tinh thần trách nhiệm trong nghề nghiệp.

## 2. Phương pháp:

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội.

Điểm thi kết thúc học phần:

- 01 cột điểm báo cáo tốt nghiệp.
- Đánh giá dựa vào trình bày báo cáo và vấn đáp.

## VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: áp dụng cho tất cả đối tượng hộ sinh trình độ cao đẳng.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên/ giảng viên: hướng dẫn sinh viên chủ động, tích cực học tập nhằm đạt được mục đích của môn học.

- Đối với người học: cần chủ động, tích cực, phát huy tính thân tự học, rèn luyện kỹ năng nhận định, trình bày các thông tin thu thập được một cách chính xác và khoa học.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Báo cáo tốt nghiệp được thực hiện sau khi kết thúc đợt thực tập nghề nghiệp được, giảng viên phải chú ý giúp cho sinh viên có thể hoàn thiện các kỹ năng, kiến thức cơ bản như đánh giá mô hình tổ chức, công tác quản lý khoa phòng tại bệnh viện, mô tả và phân tích được chức năng nhiệm vụ, vai trò của người hộ sinh, hộ sinh trưởng trong bệnh viện và y tế cơ sở, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc sức khỏe sinh sản cho từng đối tượng cụ thể; Đảm bảo sinh viên có thể quản lý sức khỏe sinh sản tại cộng đồng, đánh giá được qui trình khống chế nhiễm khuẩn tại bệnh viện, tại cộng đồng

4. Tài liệu tham khảo:

- Bộ môn sản phụ khoa, Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh: Thực hành sản phụ khoa, 2004.

- Bộ Y tế, chương II: Làm mẹ an toàn, Hướng dẫn quốc gia các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, 2009.

5. Ghi chú và giải thích: không.

## MỤC LỤC

<b>Tên môn học:</b> GIÁO DỤC CHÍNH TRI.....	14
<b>Tên môn học:</b> TIẾNG ANH CƠ BẢN .....	20
<b>Tên môn học:</b> TIN HỌC .....	27
<b>Tên môn học:</b> PHÁP LUẬT .....	36
<b>Tên môn học:</b> GIÁO DỤC THỂ CHẤT .....	40
<b>Tên môn học:</b> GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG – AN NINH.....	46
<b>Tên môn học:</b> SINH HỌC VÀ DI TRUYỀN .....	54
<b>Tên môn học:</b> VẬT LÝ ĐẠI CƯƠNG VÀ LÝ SINH.....	58
<b>Tên môn học:</b> HÓA HỌC .....	62
<b>Tên môn học:</b> XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ Y HỌC.....	66
<b>Tên môn học:</b> HÓA SINH .....	71
<b>Tên môn học:</b> SINH LÝ BỆNH.....	75
<b>Tên môn học:</b> ĐẠO ĐỨC HÀNH NGHỀ Y – DƯỢC.....	84
<b>Tên môn học:</b> KHÔNG CHẾ NHIỄM KHUẨN .....	88
<b>Tên môn học:</b> GIẢI PHẪU – SINH LÝ CHUYÊN NGÀNH & CHĂM SÓC SỨC KHỎE PHỤ NỮ VÀ NAM HỌC .....	93
<b>Tên môn học:</b> CHĂM SÓC THAI NGHÉN .....	102
<b>Tên môn học:</b> THỰC HÀNH BỆNH VIỆN CHĂM SÓC THAI NGHÉN.....	106
<b>Tên môn học:</b> CHĂM SÓC CHUYÊN DA VÀ ĐẸ THƯỜNG.....	109
<b>Tên môn học:</b> THỰC HÀNH BỆNH VIỆN CHĂM SÓC CHUYÊN DA ĐẸ THƯỜNG.....	113
<b>Tên môn học:</b> NÂNG CAO SỨC KHỎE VÀ HÀNH VI CON NGƯỜI.....	116
<b>Tên môn học:</b> NGHIÊN CỨU KHOA HỌC .....	120
<b>Tên môn học:</b> CHĂM SÓC CHUYÊN DA ĐẸ KHÓ.....	123
<b>Tên môn học:</b> THỰC HÀNH BỆNH VIỆN CHĂM SÓC CHUYÊN DA ĐẸ KHÓ....	127
<b>Tên môn học:</b> CHĂM SÓC SAU ĐẸ - CHĂM SÓC SƠ SINH.....	130
<b>Tên môn học:</b> TTBV CHĂM SÓC SAU ĐẸ - CHĂM SÓC SƠ SINH .....	135
<b>Tên môn học:</b> CHĂM SÓC HỘ SINH NÂNG CAO .....	138
<b>Tên môn học:</b> THỰC HÀNH BỆNH VIỆN CHĂM SÓC HỘ SINH NÂNG CAO .....	142
<b>Tên môn học:</b> TƯ VẤN NÂNG CAO THỰC HÀNH CHĂM SÓC TRẺ.....	145
<b>Tên môn học:</b> TTBV TƯ VẤN NÂNG CAO THỰC HÀNH CHĂM SÓC TRẺ .....	150
<b>Tên môn học:</b> GIỚI THIỆU NGÀNH HỘ SINH VÀ QUÁ TRÌNH SINH ĐẸ - HỘ SINH QUỐC TẾ .....	153
<b>Tên môn học:</b> QUẢN LÝ HỘ SINH - THỰC HÀNH HỘ SINH DỰA VÀO BẢNG CHỨNG & NGHIÊN CỨU KHOA HỌC .....	157
<b>Tên môn học:</b> PHÁ THAI AN TOÀN - CHĂM SÓC SỨC KHỎE SINH SẢN VỊ THÀNH NIÊN .....	161
<b>Tên môn học:</b> THỰC HÀNH BỆNH VIỆN PHÁ THAI AN TOÀN VÀ TOÀN DIỆN, CHĂM SÓC SỨC KHỎE SINH SẢN VỊ THÀNH NIÊN.....	165
<b>Tên môn học:</b> CÁC BỆNH LÂY TRUYỀN QUA ĐƯỜNG TÌNH DỤC VỚI SỨC KHỎE SINH SẢN VÀ THAI NGHÉN.....	168
<b>Tên môn học:</b> THỰC HÀNH BỆNH VIỆN CÁC BỆNH LÂY TRUYỀN QUA ĐƯỜNG TÌNH DỤC VỚI SỨC KHỎE SINH SẢN VÀ THAI NGHÉN .....	172
<b>Tên môn học:</b> THỰC TẬP TỐT NGHIỆP .....	175
<b>Tên môn học:</b> BÁO CÁO TỐT NGHIỆP .....	178

**SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

